

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Mạnh Côn (I)

Tiểu sử

Bút hiệu: Nguyễn Kiên Trung, Đăng Văn Hầu.

Tác phẩm

Mối tình hoa anh đào
Truyện ba người lính nhảy dù lâm nạn
Kỳ hoa nữ - Giấc mơ của đá – Đường nào lên thiên thai



Tranh hí họa chân dung Nguyễn Mạnh Côn
Hoạ sĩ Cholé

Mục Lục

Mối tình hoa anh đào – 2

Chiêu niệm Nguyễn Mạnh Côn – Viên Linh – 5

Nên hiểu truyện Liêu Trai như thế nào? - 12

Kỷ niệm về Nguyễn Mạnh Côn – Nguyễn Triệu Nam - 15

Lời nguyện trong không – 18

Hai bài học từ Nguyễn Mạnh Côn – Đỗ Quý Toàn – 28

Vĩnh quyết Nhất Linh – 30

Thay lời tựa của Nguyễn Mạnh Côn - Hoàng Hải Thủy - 35

Nhất Linh, Hoàng Đạo và một tên hậu học - 42

Phụ đính :

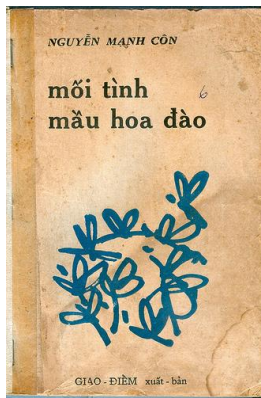
Hà Nội trong kỷ niệm

Nói chuyện về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay

Nỗi đau, chữ viết

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Mối tình màu hoa đào



1.

Truyện chàng thanh niên đi tìm lý tưởng, say mê như tìm một người yêu quàng khăn màu hoa đào. Chàng đi tìm màu hoa đào trên mọi người và trên mọi cảnh. Thất vọng ngoài kháng chiến, chàng về vùng quốc gia, để rời đơn vị của người Pháp. Công việc tìm kiếm vẫn tiếp tục. Bây giờ, Chàng đã vào Nam, gặp những người bạn trẻ, nhắc lại chuyện “lên đường”.

NGƯỜI BẠN TRẺ: Hôm nay đến hẹn, chúng tôi xin tiễn anh lên đường.

CHÀNG: Lên đường?

N.B.T: Vâng, lên đường! Anh có vẻ ngạc nhiên, anh quên rồi hay sao?

CHÀNG: Không, tôi không quên. Nhưng nói cho thật thì tôi không nhớ. Không phải tôi ngại biện đâu – ánh mắt của các anh cười đủ nói với tôi nhiều lắm – tôi chỉ muốn tỏ bày sự thật rằng tôi chưa quên hẳn, nghĩa là còn muốn giữ ý đó trong tâm hồn: nhưng quả thật tôi không còn như trước, như hồi mới gặp các anh khi toàn thân tôi như một dây cung căng thẳng, lúc nào cũng sẵn sàng để phóng đi những mũi tên tìm kiếm.

N.B.T: Vậy có thể cho rằng anh không quên, nhưng không nhớ đến luôn. Anh bận kiếm sống, lo lắng cho gia đình. Khi nào nghèo, anh bận tính toán và oán hận; khi nào giàu anh bận tiêu tiền, tiêu tiền thế nào cho hợp với con người kiêu hãnh của anh.

N.B.T: Hoặc giả anh bận sửa soạn cho anh một thái độ ... một thái độ không giả dối nhưng thỏa mãn được sự cần thiết che đậy sự dằn vặt tâm hồn của anh bởi rất nhiều, quá nhiều mặc cảm phạm tội.

CHÀNG: Tôi thì không thấy tôi có tội gì. Ngoài một vài lỗi tầm thường mà con người nào cũng tự tha thứ cho nó bằng sự quên lãng, tôi không nhớ tôi có lần nào vi phạm luật lệ của xã hội hay của lương tri. Tôi tin chắc là không có gì muốn giấu...

N.B.T: Không phải thế. Tôi không muốn nói anh có tội gì muốn giấu. Tôi biết chắc đã từ lâu, anh cố giữ một nếp sống hoàn toàn chân thật. Sự cố gắng của anh đập vào mắt chúng tôi như một tia sáng chói lọi. Chúng tôi kính phục anh về phương diện xã hội. Nhưng chúng tôi muốn biết tại sao anh lại phải cố gắng như thế, sau khi anh chứng tỏ được lời khen, chê, của thế nhân không bao giờ làm bận lòng những người có gan tìm kiếm?

CHÀNG: Có thể tôi vẫn còn e ngại những lời đàm tiếu ... hay tôi lười không muốn kháng cự, nên vô tình phải dùng đến chiến thuật “mở cửa thành” để khỏi có gì phải bảo vệ?

N.B.T: Anh giải thích sâu sắc và hợp lý. Nhưng không đúng với anh. Anh quên anh có thằng người kiêu hãnh vô cùng trong nội tâm... Không! Không đúng! Anh không phải là con người đầu hàng. Anh là con người chống đối, chống đối thường trực, vì tìm kiếm thường trực. Thái độ chân thật của anh phải được coi là một chiến thuật, một kỹ thuật đơn phương tạm ngưng cuộc

tranh đấu. Để làm gì? - Để được tiếp tục yên ổn cuộc tìm kiếm. Hoặc để bảo vệ cái lương tri có tinh thần trách nhiệm của anh: anh tự coi như có sứ mạng mở đường cho thế hệ đi sau, nhưng anh không tìm thấy con đường nào thật, đúng, cho nên anh chấp nhận một thái độ khó khăn – khó khăn đối với thế nhân – để làm ra về “đã tìm và đã thấy”. Lẽ có nhiên tất cả những điều tôi vừa nói chỉ thuộc vào loại phản ứng “chìm”, phản ứng riêng trong vô thức của anh.

CHÀNG: Anh nói đúng. Tôi xin nhận trong tôi vẫn còn sống cái chí hướng đi tìm màu hoa đào trên chiếc khăn xưa cũ. Nhưng tôi đã nhiều tuổi rồi, sự tìm kiếm không còn bao nhiêu hy vọng. Tôi sợ bị chê cười là đã qua giai đoạn nghi ngờ mà vẫn còn đi tìm ảo ảnh. Tôi không còn cái can đảm bất chấp lời phê phán của thế nhân, khi lời phê phán ấy có phần nào có lý. Bởi vậy tôi phải làm ra vẻ con người đã “tới”: tôi sượng thỏa với những gì đã có, tôi chân thật và tin tưởng vào đời sống. Tôi biết chắc thái độ này, trong vòng mười năm, hai mươi năm, sẽ biến tôi thành một hiền giả hay triết nhân gì đó. Đó có thể là mục đích phần lớn loài người. Nhưng riêng tôi, tôi nhận với các anh, tôi chưa tìm thấy màu hoa đào ở bất cứ nơi đâu...

N.B.T: Chúng tôi nghĩ rằng chẳng bao giờ anh tìm thấy. Chúng tôi nghi ngờ sự hiện hữu của màu hoa tươi đẹp ấy của anh.

CHÀNG: Các anh nghi ngờ là các anh phạm tội. Nhưng các anh đáng được giảm khinh, vì các anh lớn lên trong miền Nam nắng cháy. Màu hoa đào, dù có thật dưới mặt trời nhiệt đới, cũng không có vẻ đẹp say đắm hồn người như ở ngoài miền Bắc.

N.B.T: Như thế có nghĩa là màu hoa đào chia cắt Bắc Nam? Chúng tôi rất tiếc là anh đã nhầm. Vì hoa đào không thiếu gì trên cao nguyên Trung Việt. Anh cũng nhầm vì hoa đào còn nhiều giống, loại khác nhau, ở Đông Kinh, ở Ba Lê. Màu hoa đào, nếu anh muốn, chúng tôi có thể pha bằng bột sơn trên giấy vẽ, pha đến bao giờ anh nhận rằng thật đúng mới thôi.

N.B.T: Anh đừng cãi. Chúng tôi sẵn sàng giảm khinh lại cho anh Anh lớn lên trong tù ngục tinh thần; chúng tôi không trải qua, nhưng cũng đoán thấy các anh – anh cũng như các anh khác – bị bao vây quá chặt Các anh bị bắt buộc phải lựa chọn, một bên là tất cả, một bên là chẳng có gì. Các anh có thể đã có lúc hướng về phần hưởng thụ: các anh sẽ không phải có một quyết định nào to tát vì có nhiều người, tài giỏi hơn, đã lựa chọn nhiều lần. Nhưng các anh đã chống đối. Các anh đã có công lao từ khi chống đối. Sự chống đối ấy khó khăn. Chúng tôi hiểu tại sao anh cần đến một sắc đẹp, một màu hoa, để giữ trọn được thủy chung trong thái độ.

CHÀNG: Anh nói thế, có nghĩa rằng màu hoa đào của tôi chỉ là màu bịa đặt. Rằng người con gái đẹp, người con gái tôi yêu tha thiết, mà tôi trở về tìm ở ngôi nhà bỏ không đường Quan Thánh, người con gái mà tôi đã vượt qua bao nhiêu phòng tuyến để lại gặp một lần ... cả người con gái ấy cũng bịa đặt hay sao?

N.B.T: Tôi không biết những sự thật của thời quá khứ. Quá khứ chỉ là nhiều đốt ngấn trên con sông dài thời gian. Thời gian tự nó chỉ bao hàm một ý nghĩa hoàn toàn chủ quan trong một nỗi mừng tượng của mỗi người về cuộc đời của chính mình (Anh thử xóa vết tích của mình anh đi, xem thời gian có còn là gì nữa hay không?) Tôi nghĩ thế nên không tin vào những sự kiện như những đơn danh tuyệt đối. Sự kiện chỉ có giá trị khi được dung làm yếu tố cho lý luận. Anh có thể đã yêu, người yêu của anh có thật trăm phần trăm. Nhưng anh, anh đã từ chối hưởng thụ, từ chối xây dựng gia đình và hạnh phúc như thế nhân, thì sự lỡ dở, sự tìm kiếm, và cả người, cả tình yêu của anh, chỉ còn giá trị của biểu tượng. Anh cho phép tôi một lời sống sượng: anh bám lấy một con người, một sắc đẹp hay một mối tình, vì anh rất sợ... Anh sợ không còn gì, anh sợ sự rỗng không, mà không ai dám nhận với ai điều ấy. Chúng tôi rất kính phục anh có tài xây dựng những tòa lâu đài “thái độ” huy hoàng trên bãi cát: cát cuốn theo bãi thủy triều rồi, nhưng lâu đài của các anh còn đó? Các anh đã lừa dối chúng tôi! Các anh đã lừa dối chúng tôi bằng những thái độ quả quyết mà không có một phân, một ly nào cơ sở vững vàng bằng tư tưởng

N.B.T: Anh, xin anh đừng giận! Người bạn tôi vô lễ với anh chỉ vì tha thiết quá đấy thôi. Vì sự thật, trong đáy tâm hồn, chúng tôi vẫn bầu vùi lấy các anh, bầu vùi vào quá khứ để sống. Vì sự thật là chúng tôi oán hận các anh, nhưng không phải tại các anh lừa dối – sự lừa dối đã trở thành vô nghĩa khi chúng tôi đã biết nó từ ngày mới lớn – mà chính các anh nhẩn tâm trên con

đường tìm kiếm lột trần hết mọi điều hoặc đã làm nên niềm vui sống, hoặc đã làm nên chất si mê của tuổi trẻ các anh. Các anh không tôn trọng luật bù trừ trong khi chiến đấu, như ông cha, tổ tiên chúng ta biết giữ kín, trong mỗi cá nhân, những kinh nghiệm đớn đau của tuổi trẻ của các người. Các anh thiếu kinh nghiệm trước sự sống mông mênh, sâu thẳm. Các anh đã kiêu ngạo như những người da trắng phương Tây. Các anh tưởng là sẽ theo đuổi được cái bóng của chính các anh. Các anh đã kể lại và bắt chúng ta ngồi nghe, về cuộc săn bắn quái gở đó. Các anh tàn nhẫn quá: các anh phá hoại tuổi trẻ của chúng tôi tá cả những dữ kiện có thể tạo thành một ảo vọng.

CHÀNG: Đừng nóng nảy! Tất cả mọi giận hờn đều vô ích. Các anh nghĩ về mình, tự thấy thiệt thòi, nên quy oán cho chúng tôi. Các anh nuối tiếc một trạng thái đã qua của đời sống, nên không nhận thấy chính chúng tôi cũng chỉ là nạn nhân bị lôi cuốn bởi thời thế. Các anh quên rằng chính chúng anh nói chúng tôi bị bao vây, bị bắt buộc phải chọn lựa, trung thành với bên phận đối với các anh, trong giai đoạn trưởng thành ... Chúng tôi đã cố gắng để tiến. Vì không tiến tất bị đào thải bởi sự tiến bộ của chính các anh. Các anh thử nghĩ xem có thể tha thứ cho chúng tôi không, nếu giữa thời đại của Freud, Sagan, Mao Trạch Đông... chúng tôi không mở cửa cho các anh đi vào thế giới mới của tư tưởng?

N.B.T: Xin lỗi! Chúng tôi tự tìm lấy, tự khám phá những bí ẩn của cuộc sống của chính chúng tôi và chỉ của riêng chúng tôi mà thôi. Chúng tôi không chấp nhận sự kể công của những quân cờ thụ động của cuộc giao tranh giữa chúng tôi và thế cuộc. Sự thật nếu có phần cay đắng thì vẫn là sự thật. Các anh bị chúng tôi bỏ rơi xa quá. Sự cách biệt vô cùng giữa những người cố giữ và những người cố phá: chúng tôi phá những gông xiềng tinh thần các anh muốn bắt chúng tôi van vái. Sự cách biệt vô cùng giữa những người cố tin vào những điều mà họ nghi ngờ trước hết, và những người can trường, chỉ thèm biết đến hiện hữu mà thôi. Sự cách biệt vô cùng nên các anh không hiểu. Tôi nói "các anh" ở đây là gồm cả những người chịu thỏa mãn nửa chừng và cả những người như anh còn tiếp tục tìm kiếm. Các anh không thể hiểu chúng tôi đã tiến xa đến mức có thể có người tự xé nát ra để khinh bỉ những mảnh tâm hồn bản thiêu của họ. Có những người khác rời bỏ cả một gia đình, có đủ tiền tài danh vọng, để dẫn thân vào bùn nhơ, để đầy ải hay đùa cợt bằng cái thể xác năm chục, sáu chục ký lô mà hai đáng sinh thành đã tạo nên trong cơn dâm dục (Anh thử nghĩ: một người bạn tôi đã tả được kéo dài suốt 15 phút, những vẻ mặt do những khoái cảm của cha mẹ hẳn tạo thành, ngay trong đêm đào tạo ra hình hài của hắn) Các anh không thể hiểu...

CHÀNG: Có! Chúng tôi hiểu. Tôi hiểu.

N.B.T: Vô lý!

CHÀNG: Theo Freud, đứa con trai có thể thèm muốn cả người đàn bà đẻ ra nó.

N.B.T: Vô lý!

CHÀNG: Tại nhiều bộ lạc miền núi, ở những nơi hiểm đèo bà ở miền Bắc Ấn-độ và miền Tây Trung-hoa, người đàn ông chết sớm để vợ lại cho đứa con trai lớn. Điều quan hệ đối với con người ở những nơi đó là giữ lấy giống nòi đang tàn tạ. Cứu cánh quá nặng làm cho phương tiện trở thành quá nhẹ. Tôi nói tôi hiểu vì tôi đã trải qua những chai đá tương tự.

N.B.T: Anh trải qua! Vậy là tất cả những lỗi lầm của tuổi trẻ hôm nay anh cho là tốt cả hay sao?

CHÀNG: Tôi không có ý nghĩ như thế. Tôi chỉ muốn nói rằng một phần nào tuổi trẻ đã đặt sai phương trình tâm lý. Thế hệ nào cũng có những người tốt, những người xấu; và thế hệ nào; dù vùng vẫy đến đâu, rồi cũng phải đầu hàng cái nếp sống xã hội vốn dĩ là thói quen được chọn lựa từ năm nghìn năm về trước. Sự nổi loạn, tưởng như là của riêng của các anh, thật ra đã có trong chúng tôi. Nhưng thời gian chiến tranh quá dài đã gây nên trạng thái đứt lìa về tâm lý. Rất nhiều người trong chúng tôi quên hẳn những gì họ đã làm thời niên thiếu. Nhiều người khác có nhớ nhưng man trá, và lợi dụng danh nghĩa chính trị, họ che lấp cái quá khứ có khả năng di hại cho sự nghiệp của họ. Kết quả là một số người sẵn sàng kết án tuổi trẻ chỉ gồm những quái thai ghê gớm, để đòi hỏi một sự thức tỉnh – một công cuộc tự hồi như người ta nói – để phục vụ dân tộc. Mặc dù tuổi trẻ của họ, nghĩa là của chúng tôi, chưa lần nào bị bắt cứ ai đặt vấn đề đoàn kết hay hy sinh, tuy chúng tôi đã ngoài hai mươi tuổi.

N.B.T: Anh nói thế, tại sao có những người, có rất nhiều người chiến đấu?

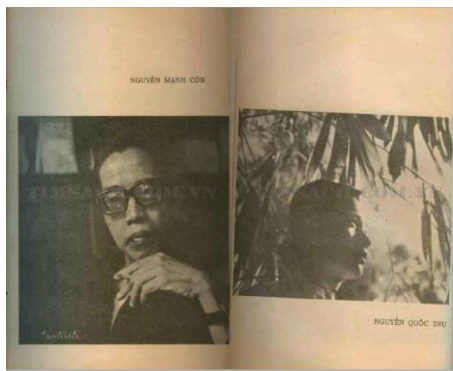
CHÀNG: Vì những người đó, như anh nói lúc đầu, bị bắt buộc phải chọn lựa. Một bên là nô lệ, một bên là tự do, tự do với chiến đấu.

N.B.T: Anh! Anh chấp nhận điều đó? Anh chấp nhận rằng năm sáu năm oai hùng của tuổi trẻ của anh chỉ là kết quả của một sự bị bắt buộc phải chọn lựa? Anh, anh hay coi chừng, chúng tôi không muốn quật ngã anh đau quá... Vậy tôi nhắc lại, anh bị bắt buộc phải chọn lựa hay tự ý anh chọn lựa? Tôi nhắc lại lần thứ hai rõ hơn: quá trình kháng chiến của anh sẽ mất đi rất nhiều phần giá trị nếu các anh bị bắt buộc phải tham dự.

CHÀNG: Cám ơn anh. Tôi yêu mến cái thái độ quân tử và khôn ngoan của các anh. Tôi không quên một phần lớn danh dự kháng chiến của chúng tôi được đặt vào tính chất tự nguyện của những người đứng trong hàng ngũ. Tôi không phải không biết chúng tôi sẽ bị lấy lại cái phần vinh dự đó nếu chúng tôi chỉ là những chiến sĩ bị động viên, bị trưng dụng. Tôi không phải không biết sự thành thật của tôi sẽ có một hậu quả tai họa hơn: nó phá vỡ mảnh thần tượng còn lại trong tâm hồn các anh.

N.B.T: Đúng thế. Khi sự bịp bợm láo khoét trở nên tinh vi như một nghệ thuật, chúng tôi không được phép trở nên tin tưởng ở bất cứ sự việc nào, với mục đích nói rằng cao quý. Chúng tôi chỉ có thể tìm trong quá khứ, quá khứ để gần gũi để chúng tôi cảm thấy được sự thật còn nóng hổi, nhưng quá khứ đủ xa để chúng xác nghiệm được tính chất không vụ lợi của những người trong cuộc. Quá khứ đối với chúng tôi, đó chính là cuộc kháng chiến hoàn toàn vì tự do, vì dân tộc của các anh. Bất chấp những mặc cảm nó chia rẽ chúng ta, bất chấp sự ganh đua giữa những đối tượng đã hiển hiện một cách cụ thể cho niềm tin tưởng của chúng tôi vào tính chất có thể gọi là cao thượng của đời sống. Chúng tôi đọc sách và nghe kể lại, lúc nào cũng thấy cuộc kháng chiến đã do chính các anh chấp nhận. Các anh vì thế mà trở thành thần tượng của chúng tôi, hay hơn thế nữa, các anh trở thành một thứ thành lũy thiêng liêng nó ngăn cản không cho chúng tôi tự buông mình xuống vực thẳm. Thế mà... thế mà anh tàn nhẫn quá. Anh đập cho bể nốt nơi bầu ví sau cùng của tuổi trẻ....

Chiêu niệm Nguyễn Mạnh Côn Viên Linh



Không chơi với hủi là lắm. (N.M. C.)

I.

Một buổi xế trưa, không còn nhớ trong tháng nào, vào khoảng năm '67, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn ghé thăm tôi tại tòa soạn tuần báo Nghệ Thuật trên đường Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. Nghệ Thuật do Mai Thảo đứng tên Chủ Nhiệm, tôi làm Tổng thư ký Tòa Soạn thay Thanh Nam, rút lui sau một thời gian ngắn (I).

Anh Côn vừa từ báo Văn của anh Nguyễn Đình Vượng, ở cùng đường, trước chợ Thái Bình, đi bộ tới. Tôi đã mời anh cộng tác với Nghệ Thuật, dù trong thâm tâm biết rõ giữa Mai Thảo và Nguyễn Mạnh Côn có những khác biệt lớn: từ khác biệt con người, đời sống, cho đến khác biệt về quan niệm văn chương và sự dùng văn.

Thấy anh hiện ra trước khung cửa tòa soạn, cặp kính cận dày cộm, dáng người nhỏ bé, tay cầm một xấp bài vở, tôi rời khỏi bàn, kéo anh qua quán Hồng ở góc Phạm Ngũ Lão và Đề Thám. Trời Sài Gòn rực rỡ nắng, ngồi trong phòng nhìn ra, khung cửa ấy hiện lên như một tấm hình chụp với ống kính mở tối đa, phía sau sáng lóa, người trong hình chỉ còn là một khối bóng tối, phải định thần mới tương đối thấy rõ. Lúc này nhớ lại, tôi vẫn thấy anh Côn hiện ra trong ánh nắng hôm ấy. Phía sau anh là những chiếc xích lô đạp, những chiếc xe Honda, xe Vespa chạy qua, những cái bóng chạy vụt hai chiều. Làm nền cho dòng xe cộ ấy là một bức tường vôi màu vàng nhạt, chắn ngang con đường Phạm Ngũ Lão và khu nhà ga xe lửa Sài Gòn.

Anh em tới thăm, thường chỉ đến trước cửa, đứng đó, hiện lên trên phong hình quen thuộc của tôi, và tôi đứng dậy, nếu không kéo nhau qua quán cóc chị Năm, thì kéo qua quán Hồng của chàng Trung úy an ninh quân đội, cách đó vài ba căn. Tòa soạn Nghệ Thuật chỉ đủ chỗ kê ba cái bàn, bàn nhìn ra khung cửa là của tôi, bên trái tôi là bàn của ca sĩ Anh Ngọc, lúc ấy làm quản lý tờ báo. Bàn của Anh Ngọc nhìn thẳng vào phía tay mặt của Mai Thảo. Khoảng trống duy nhất của tòa soạn là trước bàn Mai Thảo và bàn tôi, cho nên chúng tôi thường tiếp bạn hữu ở ngoài quán. Ngày thường Mai Thảo thường đưa các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Phạm Đình Chương hay Thanh Tâm Tuyền, Thanh Nam ra Hải Biên, đôi khi vào Tân Lạc Viên trong Chợ Lớn. Tôi không phải dân nhậu khê khà, nên chỉ ra mấy cái quán gần đó.

Đầu đề trò chuyện giữa anh Côn và tôi không chỉ ở phương diện nghề nghiệp mà còn về hai người cháu của anh, Nguyễn Nhật Duật và Nguyễn Đạt. Giữa thập niên '50, Duật là người bạn học thân nhất của tôi ở khóa hè Trung học Lê Quý Đôn, cũng như mấy năm đệ nhị cấp sau đó ở Hồ Ngọc Cẩn.

Hôm đó vừa ngồi xuống bàn, anh Côn lại hỏi thăm tôi về hai người cháu của anh. Hẳn anh đọc Nghệ Thuật thường xuyên, vẫn thấy bài phê bình sách của Duật hay thơ của Đạt. Hẳn anh ít về thăm ông anh ruột, từ khi ở Bắc vào vẫn sống trong ngôi nhà dưới bóng cây không xa Trường Đua Phú Thọ bao nhiêu, đó cũng là nơi ở của Duật và Đạt. Từ ngôi nhà này, qua đường Nguyễn Văn Thoai, qua khu rừng cao su, tới Ngã Tư Bảy Hiền, đi nữa tới Lăng Cha Cả, đi nữa xéo lên một tí tới Ngã Tư Phú Nhuận là tới nhà anh Côn trong khu cư xá Chu Mạnh Trinh. Hai đứa hẳn cũng không tới thăm chú thím và hai cậu em con ông chú. Hoặc chỉ họa hoằn.

Tôi nói với anh Côn, tôi rất cảm kích về sự tận tụy của Duật đối với bạn, người đã giúp tôi qua những bài phê bình sách viết thật nghiêm chỉnh. Tôi cũng ngờ ý Nguyễn Đạt tuy tài hoa hơn, song hình như có phần hơi khinh bạc. Đăng thơ cho Đạt, tôi trả Đạt 500 đồng tiền nhuận bút, mà hẳn chê ít. Bản thân tôi lúc mới vào nghề, từng gửi thơ đăng các báo, ít khi được trả nhuận bút. Tôi nói với anh: "*Thơ nó rất hay, song nó có vẻ khinh bạc*". Tôi nhớ anh cười nhẹ:
- "*Còn có vẻ gì nữa!*".

Lúc ấy, tôi đang có ý định bỏ tờ Nghệ Thuật để qua làm một tờ báo khác, song còn băn khoăn. Hỏi ý kiến anh, anh hỏi lại:

- "*Tại sao cậu lại băn khoăn?*"

Quen anh trước khi biết anh là chú của bạn tôi, nên sự xưng hô giữa anh và tôi không thay đổi.

Sự việc là tờ báo muốn mời tôi làm Thư ký Tòa soạn hiện đã ra được 8 số. Tình hình không khả quan nên ông chủ nhiệm muốn thay đổi Bộ Biên Tập. Nếu nhận lời, tuy là toàn quyền lập Bộ Biên Tập mới, song tôi vẫn phải giữ lại ba biên tập viên thường trực. Ba người đó theo tôi biết, trên ý thức chung, có thể cản trở sự điều hành tờ báo, và lại, tôi phát biểu thay vì kể ra lý do:

- *"Tôi không muốn chơi với hủi".*

Anh Nguyễn Mạnh Côn lắc đầu. Từ tốn, chậm chạp, anh châm một điếu thuốc, uống một ngụm cam vắt. Tôi chờ đợi để nghe nơi anh một lời khuyên.

- *"Cậu uống đi đã".*

Tôi đã uống gần hết một chai Pierre Larue lớn có hình trái dưa.

Lời khuyên của anh Nguyễn Mạnh Côn, 30 năm nay, tôi vẫn còn nhớ như in. Không những ngay sau đó, áp dụng lời khuyên đó, tôi nhận làm tờ báo kia và biến nó thành tờ báo thành công trong 5 năm liền sau đó, mà bất cứ lúc nào ở trường hợp tương tự, tôi đều áp dụng lời khuyên của tác giả *Sống Bằng Sự Nghiệp*.

- *"Phải chơi với hủi!".*

Anh kể tôi nghe một vài chuyện, trong những chuyện đó, có chuyện anh nhận lời mời của Đại úy Ngô Quân để làm tờ Chi Đạo. Để điều hành một tờ báo của quân đội đến mức như anh Côn điều hành tờ Chi Đạo, thực hiện tờ Chi Đạo những năm cuối thập niên '50, không phải ai cũng làm được.

- *"Anh em chúng ta thường suy nghĩ theo kiểu Quân tử Tàu là không chơi với hủi. Suy nghĩ như vậy là lầm. Phải chơi với hủi".*

Tôi nghe rất rõ, nên nhìn thẳng vào mắt anh, chờ được giải thích.

- *"Chơi với hủi để biết những ai là hủi. Hủi là một bệnh hay lây; phải có can đảm mới chơi với hủi được. Nếu mình yếu, mình sẽ thành hủi luôn."*

"Nhưng nếu mình mạnh, không những mình không lây hủi, mà còn ngăn được hủi, không cho nó lan tràn, tránh cho nhiều anh em khác khỏi bị hủi lây. Khi cậu biết đứa nào là hủi; cậu chỉ cho anh em, để tránh nó. Khi nhiều người biết một tên nào đó là hủi, thì nó sẽ bị cô lập, và hàng ngũ chúng ta sẽ dần dần bớt hủi đi."

"Cậu làm báo, hẳn cậu biết xã hội gọi bọn làm báo chúng ta là bọn hủi. Cho nên cậu hãy nghe tôi. Hãy chơi với hủi".

Tôi đã nghe lời anh Nguyễn Mạnh Côn suốt 30 năm nay.

II.

Trong những nhà văn Việt Nam trưởng thành vào thời kháng Pháp, Nguyễn Mạnh Côn là người từng thực sự cảm hứng. Anh ở trong tiểu đoàn đánh trận sông Lô năm 1947.

"Bốn ngày ba đêm không nghỉ, không chợp mắt. Nước khe, nước lạnh, hay nước vũng trâu đầm. Com, vài dùm gạo rang nhai cho thật kỹ với chút muối trắng (ai vớ được vài nhánh tỏi là người ấy có bữa thịnh soạn!) Bốn ngày ba đêm, chống lại tất cả mọi định luật về sinh lý, chúng tôi vượt 320 cây số, cộng thêm chín trận phục kích. Chúng tôi không đi bằng chân mà đi bằng óc. Chúng tôi mệt người trong sự cố gắng kinh khủng. Cố gắng vì yêu nước, vì thù giặc." (ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ, trang 96-97, Nguyễn Đình Vượng xuất bản, 1958. Cuốn này đem dự thi Giải Văn Chương Toàn Quốc, nên ký Nguyễn Kiên Trung).

Trận sông Lô xảy ra vào tháng 10, 1947, lúc ấy anh 27 tuổi, 6 tháng. Như thế, không biết anh đã nằm xuống bên một bàn đèn thuốc phiện từ lúc nào? Xem lại tiểu sử thấy anh sang Hương Cảng từ lúc 20 tuổi (2).

Như sự mô tả của họa sĩ Tạ Tỵ khi gặp anh vào khoảng 1955-56, thì anh có vẻ đã là người dính líu với Phù Dung từ rất nhiều năm rồi. Trong tám năm, từ một chiến sĩ cảm hứng bắn vào pháo đài L.S.T. của Pháp trên dòng sông Lô khoảng 10 cây số dưới bến Đuan Hùng, tới nhà văn mê mọt đọc tàu trên căn gác gỗ Phú Nhuận, Nguyễn Mạnh Côn đã sống cuộc thăng trầm không những của chia cắt đất nước 1954, về phía người chiến bại, mà còn nổi trôi trong một thời thế mà bạn hóa thù vì chính kiến, những tâm huyết lặn vào việc cứu nước nhưng bị đánh bật khỏi hướng đi hoài vọng vì khác biệt đảng phái. *"Lòng hời hợt, tôi thấy mình như con ngựa mệt mỏi theo lối mòn kháng chiến quanh co..."* (in trên bìa ĐTTVLS.) Có lẽ anh đã cảm lấy dọc tàu vào cái lúc thấy mình là *"con ngựa mệt mỏi"* và thấy *"lối mòn kháng chiến quanh co,"* cái lúc

ấy hẳn là lúc Việt Minh truy kích đảng viên các Đảng phái quốc gia, nhất là Quốc Dân Đảng, vào năm 1947 đánh bật họ qua Tàu?

Tới năm 1952, lúc 32 tuổi, anh "*rời chiến khu Việt bắc về Hà Nội*" (2). Nghĩa là "*dinh tê*", "*về Tê*", nghĩa là nói theo những người còn tiếp tục kháng chiến: theo Việt gian, theo Pháp. Rất có thể đây cũng là lúc anh đã hút, hay cầm lại chiếc que tiem, nằm xuống bên ngọn đèn dầu lạc, buông xuôi sau một thời gian sống hào hùng, cam nhận sự thua cuộc, dạt vào bến bờ sương khói, nếu không là đã mơ màng biết từ tuổi 20, thời gian ở Hương Cảng.

Dù thế nào, Nguyễn Mạnh Côn vẫn theo sát các biến động của thời thế, sau khi về thành và sau khi vào Nam. Việt Cộng là kẻ thù của anh, anh theo dõi họ không ngừng. Con người, cuộc sống, sự suy nghĩ của anh không bao giờ xa chính trị. Ngay trên bìa cuốn ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ, trong không khí hưng phấn của Miền Nam Tự Do, anh viết: "*Tôi linh cảm Việt Cộng lại đương nhằm, nhằm ở chỗ đánh giá anh em ta quá thấp.*"

Thật ra Chính quyền Quốc gia đánh giá các nhà văn, kể cả nhà văn Nguyễn Mạnh Côn quá thấp, còn Việt Cộng không nhằm, họ đánh giá anh rất cao: tên anh đứng đầu bản danh sách 44 nhà văn nhà thơ Miền Nam bị Hà Nội ra lệnh bắt giam ngay đợt đầu.

Lý luận của anh sắc bén, văn chương của anh là vũ khí, cộng sản không thể dùng lý luận với anh, họ dùng gông cùm. Mai Thảo viết: "*...những tác phẩm của Nguyễn Mạnh Côn, từ Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử tới Hòa Bình Nghĩ Gì Làm Gì? đã là những lưỡi mác xung kích cực kỳ sắc nhọn phóng vào thành trì ý thức hệ cộng sản suốt hai mươi năm đấu tranh văn học giữa hai miền và là những tác phẩm chủ yếu của Văn Học Quốc Gia Việt Nam từ chia cắt Nam Bắc 1954 tới sụp đổ miền Nam 1975. Kích thước mỗi tác phẩm Nguyễn Mạnh Côn lớn lao ở đó. Mỗi tác phẩm anh là một trận đánh lớn, từ trận tuyến văn học chúng ta đánh tới kẻ thù. Trên cái nghĩa toàn phần của danh từ, anh là một danh tướng, một chiến sĩ cầm bút lấy lưng của trận tuyến văn học miền Nam, niêm vinh dự chung của Miền Nam Văn Học.*" (Mai Thảo, Vĩnh Biệt Anh Nguyễn Mạnh Côn, Thời Tập, Washington, D.C., số 4, tháng 12-1979, trang 18).

III.

Cầm bản thảo của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn trên tay, người đọc biết ngay tác giả những dòng chữ trước mắt là một người vô cùng thận trọng với chữ nghĩa. Anh viết ngay hàng, thẳng lối, rõ từng con chữ một, trang nào như trang nấy. Anh viết trên thép giấy có kẻ dòng.

Không cần đếm, người ta có thể áng chừng không sai bao nhiêu, nếu trang trước anh viết được một nghìn chữ, thì trang sau cũng lối một nghìn chữ. Anh là người có thể biết rõ bài anh viết, khi in ra, nếu là cho một cuốn sách, sẽ in được bao nhiêu trang. Cũng bài ấy nếu đọc trên Đài Phát Thanh, sẽ được bao nhiêu phút. Những nét chữ gãy gọn, những dòng chữ đều đặn, và chỗ nào chấm, chỗ nào chấm phẩy; chỗ nào chấm xuống dòng, vô cùng rõ rệt và chuẩn xác, về phương diện chính tả.

Đọc văn anh, có thể mừng tượng ra cách anh nói chuyện. Nguyễn Mạnh Côn là người khúc chiết, rành mạch, không ai có thể hiểu làm câu văn anh, vì anh không viết ra những gì còn mơ hồ. Anh là nhà văn không thể nào làm thơ. Anh là nhà văn của luận thuyết và lý thuyết. Lý thuyết chứ không phải triết lý. Nếu anh có viết truyện tình, mà anh lại hay viết truyện tình, thì đó nhất định không phải là một truyện tình thơ mộng kiểu Nhất Linh hay Khái Hưng. Mà Nguyễn Mạnh Côn lại rất phục Nhất Linh và Khái Hưng. "*Đối với tôi, viết cũng như nói, là để trình bày một cảm nghĩ*" (Quan niệm về Truyện Ngắn, trong những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta).

Tạp chí Chỉ Đạo do anh làm Chủ bút là một tờ báo khổ lớn, trang báo thường chia ra làm 2 cột; chỉ nhìn cách trình bày cũng biết được cá tính người trình bày. Không những cho tờ báo này, mà còn cho các sách của anh những năm sau. Nguyễn Mạnh Côn không những chọn kiểu

chữ, anh còn chọn thân chữ, bát chữ, khoảng cách, chỗ nào to, chỗ nào nhỏ, chỗ nào chữ đứng, chỗ nào chữ nghiêng, chỗ nào số La Mã, chỗ nào số thường, rất kỹ. Bát chữ của Nguyễn Mạnh Côn đều khác với bát chữ của đa số. Anh có lối riêng làm cho trang sách rộng ra, và chữ nghĩa hiện lên nghiêm túc. Nhà văn nhà thơ nào cũng có cái nhìn mỹ thuật riêng cho các tác phẩm của mình, cái nhìn của anh Côn là cái nhìn *graphique* tuyệt đối hiếm hoi trong số các nhà văn Miền Nam. Sự có mặt của một người như thế trong làng văn làng báo miền Nam từ khoảng 1956 là một sự có mặt rõ nét, rõ hình tượng từ thể thất tới phong thái.

Phong thái nhà văn Nguyễn Mạnh Côn là phong thái một nhà văn lập thuyết để cải tạo xã hội, và luôn luôn nhìn nhận sự yếu đuối, lầm lạc của mình. Anh muốn đem bản thân mình ra làm bài học cho lớp đi sau. Anh không phải là người có thể nói “*Hãy theo gương tôi.*” Anh là người vẫn nói: “*Hãy tránh những lỗi lầm của tôi.*”

Anh viết lời mở đầu cho một truyện của anh: “*...tôi vẫn theo đuổi một ước vọng, là làm thế nào cho các bạn thanh niên hiện đại tin chắc rằng tuổi trẻ của chúng tôi chẳng có gì hơn tuổi trẻ của các bạn.*”

Sau chia cắt Đất Nước 1954, nguyệt san Chỉ Đạo do nhà văn Nguyễn Mạnh Côn làm chủ bút và những truyện ngắn, truyện vừa của anh đã xác định rất rõ một khuynh hướng cầm bút ở Miền Nam: chống Mác và chống Mác-xít. Anh chỉ đích danh những người này, không dùng lối ẩn dụ như - chẳng hạn - Vũ Khắc Khoan. Có thể từng là Việt Quốc và đại diện Việt Quốc - phe Quốc Gia - trong Quốc Hội Liên Hiệp năm 1946, Nguyễn Mạnh Côn đã trong khi viết văn, còn dùng văn. Nhưng ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ là một bản trần tình đau đớn thao thức không phải của riêng Nguyễn Mạnh Côn. Mà của chung cho lớp người yêu nước ở tuổi anh và hoàn cảnh anh. Cuốn sách đã được in lại nhiều lần.

Ngoài ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ, Nguyễn Mạnh Côn còn viết VIỆT MINH, NGƯỜI ĐI ĐÂU (1957), LẠC ĐƯỜNG VÀO LỊCH SỬ (1965), HÒA BÌNH... LÀM GÌ, NGHĨ GÌ? (1969). Những tác phẩm có nguồn gốc thời thế, liên hệ tới các vận động chính trị, lịch sử đất nước đương thời.

Không sống với cộng sản, chỉ qua thăm Nga trở về, văn hào André Gide người Pháp, Nobel văn chương 1947, với ý thức của một trí thức, viết những lời cảnh tỉnh trong cuốn RETOUR DE L'U.R.S.S. (1936), và RETOUCHES À MON RETOUR DE L' U.R.S.S. (*Trở Về Từ Liên Bang Xô Viết, Nhuận Sắc Trở Về Từ Liên Bang Xô Viết Của Tôi.*) Nguyễn Mạnh Côn sống với Việt Minh, rồi từ bỏ Việt Cộng, anh đã làm như nhà văn Nam Tư Milovan Djilas, tác giả THE NEW CLASS (*Giai Cấp Mới*, 1957), cực lực phê bình cơ cấu và chủ thuyết cộng sản. Trong thời gian làm chủ bút tờ Chỉ Đạo, anh đã trích dịch và thêm lời dẫn cuốn GIỜ THỨ HAI MƯƠI LĂM của một tác giả Lỗ Ma Ni: C.V. Gheorgiu.

Những tác phẩm trên của anh làm người ta nghĩ đến những cuốn sách tương tự, của các nhà văn thế giới khác, chỉ xuất bản trước đó trong vòng nhiều lắm là mười năm, đều phơi bày những kiếp nhân sinh vắng bộ mặt người trong các xã hội Cộng Sản. DARKNESS AT NOON (*Bóng Tối Giữa Trưa*) của nhà văn Hung Gia Lợi Athur Koestler, xuất bản lần đầu năm 1941, (*bản Việt ngữ in khoảng 1950*); ANIMAL FARM (*Trại Súc Vật*) và “1984” của nhà văn Anh theo và sau đó chống Xã Hội Chủ Nghĩa George Orwell, xuất bản lần đầu năm 1946 (*Đỗ Khánh Hoan đã dịch ra Việt Ngữ*) và cuốn sau năm 1949; DOCTOR ZHIVAGO của Boris Pasternak (*Bác Sĩ Zhivago, Vĩnh Biệt Tình Em, bản Việt văn Nguyễn Hữu Hiệu*), xuất bản lần đầu (Anh dịch) năm 1958; hay của một nhà văn Nga khác, Alexander Solzhenitsyn, cuốn ONE DAY IN THE LIFE OF IVAN DENISOVICH, xuất bản lần đầu năm 1963.

Nguyễn Mạnh Côn nằm trong dòng văn chương đó, trên mặt ý thức. Hẳn nhiên anh khác họ nơi văn phong. Nguyễn Mạnh Côn không có cái lãng đãng mơ mộng của André Gide hay Boris Pasternak, không có cái khôi hài của George Orwell, không có sự đằm tĩnh tượng đá của Athur

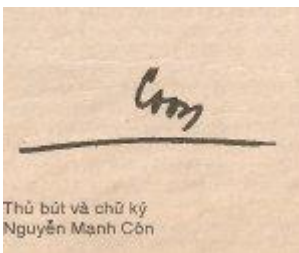
Koestler, không có sự can đảm của Alexander Solzhenitsyn (*anh tự nhận, xem phần dưới*), anh gần với Milovan Djilas. Anh giảng giải viện dẫn nhiều. Sự giảng giải viện dẫn hẳn anh tin là vô cùng cần thiết. Nguyễn Mạnh Côn có mục đích rõ rệt khi cầm lấy cây bút, ngồi trước thếp giấy có kẻ dòng. Tôi còn nhớ anh viết trên thếp giấy màu vàng, đúng như thếp giấy gọi là legal size paper hiện nay ở Mỹ.

Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Mạnh Côn có nhiều mặt. Sau thời gian viết lại những kinh nghiệm thanh niên trong chiến dịch Sông Lô và giai đoạn liên hiệp với Cộng Sản, sau 1959, là năm chính phủ Ngô Đình Diệm đặt các đảng phái Quốc Gia ra ngoài vòng pháp luật (dự luật 10/59), Nguyễn Mạnh Côn viết KỶ HOA TỬ (1960), truyện BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN (1960). Anh chuyên qua lãnh vực khoa học giả tưởng, là lãnh vực cho tới giờ trong văn chương Việt Nam anh vẫn là người đầu tiên và duy nhất.

Mấy năm sau, anh viết TÌNH CAO THƯỢNG (1968) nói về dục tình một cách trực tiếp, hơn nữa lại dùng ngôi thứ nhất là nhân vật đàn bà qua hình thức một tập thư Ngọc viết cho Cường: “*Vi, như em đã nói với anh, Tự Giôn làm cho em hoàn toàn thỏa mãn. Cũng in hệt như đối với anh, lúc rung động của y lên đến tột độ thì rung động của em cũng lên đến tột độ...*” (Tình Cao Thượng, trang 88) “*... trong mọi cuộc giao hoan, chính người đàn ông mới là phương tiện!*” (TCT, 104). Anh viết văn để giảng giải, không phải để giải trí, dù là viết về một vấn đề dễ sa vào chỗ tầm thường.

IV.

Vài dòng tiểu sử



Tám hình căn cước của Nguyễn Mạnh Côn tôi có trong tay, phía sau chính anh nắn nét viết kiểu chữ in tên họ của mình. Tôi nghĩ hình chụp vào năm 1956, hay 57, trong quân phục, cổ áo có dấu chiếc lon đã được bóc ra, có lẽ là lon thiếu úy, hay trung úy. Anh là sĩ quan đồng hóa. Phía sau tám hình viết: 15.3.1920. Hải Dương, Bắc Việt. (*Hình như nhằm ngày 7 tháng 4 năm Canh Thân. Sinh quán làng Đông Hy, phủ Ninh Giang*). Giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1957. Năm 1975, anh được mời vào Hội Đồng Giám Khảo Giải Văn Chương Toàn Quốc.

Thuở ấu thơ anh theo mẹ và cha, cách anh viết, “*mẹ và cha,*” không phải cha mẹ, đi khắp nơi trên đất Bắc. Từ năm 13 tuổi, anh học ở trường tư thực Thăng Long, Hà Nội. Năm 1940, anh vượt biên, tới mãi Hương Cảng. Không ai rõ lý do, song theo một bài anh viết mà tôi được đọc, thì anh Côn hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Theo một tài liệu khác, năm 19 tuổi anh có cộng tác với báo Đông Pháp, năm 25 tuổi anh viết báo Thống Nhất, xuất bản ở Hà Nội (3).

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, tháng 12-1945, anh rút lên chiến khu Việt Bắc. Từ đây, cuốn *Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử* viết dưới bút hiệu Nguyễn Kiên Trung, có thể kể là một giai đoạn hoạt động thực sự ngoài đời của anh, nếu không hoàn toàn giống, thì cũng rất gần với thực tế. Năm 1952, Nguyễn Mạnh Côn trở về Hà Nội, năm sau ra Hải Phòng, dạy học tại thành phố biển này cho đến năm 1955 thì vào Nam. Tại Sài Gòn, trong khi viết văn, có lúc anh xuất bản một tờ tạp chí, lấy tên là Chính Văn, nhưng mệnh yếu. Miền Nam mất ngày 30 tháng 4, 1975, anh bị Hà Nội bắt vào đêm 2 tháng 4, 1976. Tên Nguyễn Mạnh Côn đứng đầu danh sách 44 người sẽ bị bắt cả sau đó.

Đúng ba năm trong tù, anh công khai đòi trả tự do, lý luận với quản giáo trại tù Xuyên Mộc, rừng Sa Ác, tỉnh Bà Rịa: “*Chính phủ nói là bắt tôi đi học tập ba năm, hôm nay là đúng hạn ba năm, tôi yêu cầu chính phủ trả tự do cho tôi.*” Anh bị nhốt riêng từ đó.

Sau đó, Nguyễn Mạnh Côn tuyệt thực. Theo tin tức tôi được nghe, anh Nguyễn Mạnh Côn không định tuyệt thực để chết, anh tuyệt thực như một cách tranh đấu bất bạo động. Một nhóm anh em nhà văn trẻ, trong có người tự nhận là đàn em thân tín nhất của anh, nguyện với nhau sẽ sát cánh với anh trong cuộc tranh đấu này. Anh sẽ nhịn ăn, song không ai có thể nhịn uống, dù chỉ trong 24 giờ. Người anh em trẻ đó đã đi báo quản giáo chương trình tranh đấu của Nguyễn Mạnh Côn, và các nhân sự huynh đệ của anh trong cuộc tranh đấu. Tất cả bị cô lập. Nguyễn Mạnh Côn trút hơi thở cuối cùng tại trại tù này, vào ngày 1 tháng 6 năm 1979. Anh sống 59 năm 2 tháng 15 ngày.

V.

Tôi từng phỏng vấn Nguyễn Mạnh Côn ít ra là ba lần, các bài phỏng vấn này đều đã đăng trên các báo Nghệ Thuật, Khởi Hành, và Thời Tập, trước 1975 tại Sài Gòn. Đoạn sau đây đã đăng trên Thời Tập số tháng 4 năm 1974, đúng một năm trước ngày Sài Gòn thất thủ. (*Bộ Thời Tập hiện lưu trữ trong Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, chỉ thiếu số 1 và số 24, các số khác còn đủ*).

VIÊN LINH: *Nhà văn và Thời thế, trước vấn đề này, anh thấy vai trò của anh như thế nào?*

NGUYỄN MẠNH CÔN: Tôi hèn, không có can đảm như Soljenitsyne. Hoặc giả tôi lười. Và già rồi, mặc dầu tôi hơn Soljenitsyne có mấy tuổi (*LTS: Soljenitsyne là cách viết tiếng Pháp. tên ông này viết theo tiếng Anh là Solzhenitsyn.*)

VIÊN LINH: *Anh nghĩ gì về tin có giọt nước mắt trên pho tượng Maria?*

NGUYỄN MẠNH CÔN: Trước những thảm cảnh ở Việt Nam đất còn có thể chảy máu hướng chi đá chỉ chảy nước mà thôi. Các bạn có tin rằng ngoài Trung có pho tượng Phật khóc ra máu mắt không?

VIÊN LINH: *Bài thơ anh thích nhất là bài thơ nào, của ai, có lý do nào chẳng?*

NGUYỄN MẠNH CÔN: Đó là đoạn đầu bài *Kỳ Nữ* của Đinh Hùng cho đến câu *Khấp vũ trụ bổng vô cùng thương nhớ*. Và cả bài *Thần Tụng* cũng của Đinh Hùng. Bài *Đời Tàn Ngổ Hẹp* và đoạn giữa bài *Dâng Tình* của Vũ Hoàng Chương. Ngoài giả, thích từng câu thì Nguyễn Du, Chinh Phụ Ngâm, Tàn Cung Oán, ...

VIÊN LINH: *Theo anh, sinh hoạt văn học nghệ thuật của ta có cần gì thêm không?*

NGUYỄN MẠNH CÔN: Thế hệ 1955-1965 đã kiệt sức, tác phẩm nghèo về phẩm và về lượng, mà thế hệ tiếp nối chưa thấy đâu. Tôi nghĩ tình trạng này do ảnh hưởng của chiến tranh võ trang và chính trị trong vòng mấy năm nay đưa người ta vào thế thụ động. Không có gì để chọn lựa ngoài lập trường quốc gia, mà lập trường quốc gia thì chưa xác định được về giá trị tư tưởng. Người sống ngoài mặt trận thì viết về chiến đấu mãi cũng thấy ghê người, người sống trong thành phố thì ngờ ngác không biết viết gì ...

Cho nên, ngoài sự trở về của những tài năng mới, tôi còn có ý nguyện rằng, một lập trường suy tư mới, bảo đảm được tự do cho thiên tài nhưng cũng bảo đảm được công bằng cho xã hội. Một lập trường như thế sẽ thành hình để thống nhất đất nước. Viên tượng mới sẽ vô cùng giàu có, và nghệ sĩ sẽ tha hồ sáng tác.

VIÊN LINH: *Với tuổi anh, điều gì còn khiến anh buồn, điều gì khiến anh được vui?*

NGUYỄN MẠNH CÔN: Tôi có ít điều buồn, đều không thể nói ra ở đây. Tôi sẽ vui, khi nào những nỗi buồn hiện nay chầm dứt. Bạn có bao giờ nằm mơ thấy những người thân của mình bước lần tới bờ vực thẳm rồi, mà bạn há miệng cố kêu mà không thành tiếng hay không?

Từ lúc vào đời hoạt động, mang tâm huyết thanh niên để phục vụ Tổ Quốc, cho đến khi gục ngã, lúc nào anh Nguyễn Mạnh Côn cũng bị phản bội. Có lịch sử nào của chúng ta, trong thế kỷ XX, không là một *Lịch Sử Của Phản Bội*?

(Nguồn: Khởi Hành số 20, Tháng 6-1998)

Chú thích:

1. Tuần báo Nghệ Thuật ra đời năm 1965, sau khi một nhóm nhà văn gặp Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, lúc ấy là Chủ tịch Ủy ban hành pháp Trung ương (Thủ tướng), được ông Kỳ hỗ trợ. Buổi gặp mặt do cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương mà có. Phạm Đình Chương là bạn học cùng lớp với ông Kỳ và Lưu Kim Cương hồi ở Thanh Hóa. Có mặt Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Anh Ngọc, Thanh Nam. Do đó anh em phân công để Mai Thảo làm chủ nhiệm, Anh Ngọc làm Giám đốc Trị sự, Thanh Nam làm Tổng Thư ký (chỉ 6 số). Từ số 7 tới số 56, Viên Linh thay Thanh Nam.
2. Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta, Nguyễn Đông Ngạc thực hiện, Sóng xuất bản, Sài Gòn, 1974, trang 297.
3. Tuyển Tập Truyện Ngắn Việt Nam, Văn Hữu Á Châu xuất bản, Sài Gòn, 1963, trang 55.

Nên hiểu truyện Liêu Trai như thế nào?

THỜI TẬP	
TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT	
Thời Tập	3 Trang Thứ Nhất
Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam Ng. Trung, Huỳnh Phan Anh, Lê Dân, Ng. Hiến Lê, Mạc Đỗ, Ng. Sỹ Tế, Vũ Thành An, Mai Chừng, Trần Tuấn Kiệt, Lê Tài Điền	4 12 Tác Giả Nhìn Lại 1 Năm Văn Học Nghệ Thuật
Thanh Tâm Tuyền	16 Phương Nhìn Xướng Vực Thâm Hanoi Ở Dưới Ấy
Cao Huy Khanh	21 20 Năm Tiêu Thuyết Miền Nam Từ Chia Cắt Đến Ngưng Bắn
Lê Thị Tư	28 Chiều Qua Đò Vàm Cống
Cung Trầm Tưởng	35 Ngôn Ngữ Đời
Vũ Phiến—Túy Hồng	38 Tay Đai
Nguyễn Đức Sơn	50 Nước Chảy Mây Trời
Nguyễn Sỹ Tế	63 Sở Tay Văn Nghệ
Kim Dung	66 Con Mưa Không Chờ Đợi
Đỗ Đình Tuấn	71 Patrick White, Nobel Văn Chương 75
Nguyễn Mai	74 Sinh Hoạt Văn Nghệ Thế Giới 77 Sinh Hoạt Văn Nghệ Trong Nước

Thực Hiện: Lê Tài Điền
Liên Lạc Biên Tập: Nguyễn Mai
Chủ Trương
VIÊN LINH

* Thư từ bản thảo: Viên Linh * Tiền bạc, ngân phiếu: Nguyễn Nam tại địa chỉ Phúc Hưng Ấn Quán, 51/51B Nguyễn Trãi, Saigon 5
* Tập san này được xuất bản dưới sự bảo trợ của Hội Hợp Sĩ Trẻ VN
* In 3000 tập tại nhà in riêng của Thời Tập
* Giấy phép KD số 608/PTUDV/KSALP/GP ngày 28-11-1973.
Phát hành ngày 14-12-73

Sinh thời tác giả Vương Hồng Sên, Nguyễn Mạnh Côn, Trần Trọng San, tôi có đặt câu hỏi "Ta nên hiểu những chuyện trong tác phẩm Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh như thế nào?"; cả ba đã trả lời cho câu hỏi ấy, và những câu trả lời đã đăng trên Nguyệt san Thời Tập do tôi chủ trương hồi đó. Ý kiến mỗi người một khác, tới nay đọc lại vẫn còn giá trị. Mặt khác, khi chúng ta đọc những dòng dưới đây, các tác giả ấy đều đã về trời: đọc, như thế, cũng là một cách nói chuyện với người xưa trong cảnh 'dàn đưa lái phát...'

Viên Linh

"Trong thân thể và linh hồn (người ta) có thành phần của cỏ cây, muông thú. Vì thế, không ai lấy làm lạ rằng muông thú có thể biến thành người..."

"Nói láo mà chơi, nghe láo chơi..." Khi viết câu thơ này, hẳn nhiên tác giả (Bồ Tùng Linh) có ý nghĩ ngược lại: tác giả không hề coi truyện kể trong *Liêu Trai* như những câu chuyện (chuyện) láo lếu. Nhưng tác giả có thể nào coi những truyện hồ ly yêu người, lấy người, báo ân, báo

oán.... là những câu truyện (ch) hoàn toàn có thật không? Chắc hẳn cũng không. Như vậy, người đọc nên hiểu về chủ ý của Bồ Tùng Linh như thế nào?

Tôi đọc *Liêu Trai* từ cái tuổi chưa biết để ý đến tên tác giả, cũng chưa biết thế nào là văn chương. Truyện của Bồ Tùng Linh, từ thời xa xưa ấy, đối với tôi, là một thứ truyện kỳ lạ, nhưng

mà tôi tin là có thật: một cách tự nhiên. Ma quỷ có thật, dù không ai thấy chúng. Hồ ly cũng có thật, dù không ai thấy chúng. Người phương Đông tự cảm thấy mình rất gần gũi với cây cỏ, với súc vật. Không đợi đến khoa học ngày nay, người phương Đông đã hiểu trong thân thể và linh hồn họ có thành phần của cỏ cây, muông thú. Vì thế, không ai lấy làm lạ rằng muông thú có thể biến thành người.

(*Dịch giả*) Đào Trinh Nhất suốt đời nghèo khổ. Không biết bao nhiêu thất vọng nào nề đã đến với ông. Không biết bao nhiêu bội bạc phụ phàng đã đến với ông. Tôi có cảm tưởng như Đào Trinh Nhất tìm thấy nhiều an ủi trong sự tưởng tượng ra những mối tình chung thủy, những ân nghĩa sâu xa mà ông "*không thể nào gán cho người đời một cách hữu lý*" nên phải gán cho những nhân vật không phải là người.

Có thể đó là một sự trốn lánh sự thật, có thể đó là một cách thức tự giải thoát trong khoảnh khắc những bài viết - cũng có thể đó là sự hiển hiện của một thứ "*mặc cảm bị tước đoạt*" của tác giả. Nhưng có phải chăng là những công trình sáng tạo cao quý nhất, siêu việt nhất, mà nhân loại đã có được, đều là hậu quả của sự bất mãn đối với thực tại, và của những tưởng - kiến của những người trong cuộc đến những cuộc sống đẹp đẽ và thuần lương hơn?"

Trần Trọng San

"Liêu Trai Chí Dị đối với Bồ Tùng Linh cũng giống như Kinh Xuân Thu đối với Đức Khổng Tử vậy. "... Hiểu rõ ta là ở chốn rừng xanh, ải tối này..."

1. Liêu Trai Chí Dị là một bộ tiểu thuyết tiếp tục con đường của các truyện "*chí quái*" đời Lục triều và "*truyện kỳ*" đời Đường, nhưng tiến bộ hơn về cả hai phương diện kết cấu và miêu tả. Các truyện quái dị đời trước thường dùng lối đơn tuyến tự thuật và trực tuyến phát triển: lấy một cá nhân làm chủ rồi trình bày ngay thẳng, hoàn toàn sự tích nhân vật. Còn trong *Liêu Trai*, nhiều truyện có mạch lạc khá phức tạp, khuất khúc.

Cách miêu tả nhân vật trong các "*truyện kỳ*" thường có tính cách khái niệm quá, chứ không được công phu, tinh tế như trong truyện Liêu Trai. Thuở nhỏ, tôi đã say mê đọc *Liêu Trai Chí Dị* qua các bản dịch của Tản Đà và Đào Trinh Nhất. Sau này lại được đọc thêm nhiều truyện dịch giá trị của ông Nguyễn Hoạt. Với tài phiên dịch "*mỗi người một vẻ*" của các dịch giả này, Liêu Trai Chí Dị đã đem lại cho chúng ta những giây phút thích thú, phiêu diêu trong khung cảnh kỳ bí, huyền ảo đầy hồ ly yêu quái, khiến có lúc không khỏi có ý nghĩ như tác giả sách Đồng Âm Thanh Thoại: "*Nếu có được chồn làm vợ, quỷ làm bạn, thì cũng là điều hay*" (Đắc đắc hổ vi thê, đắc quỷ vi hữu, diệc sự chi vận giả). Tuy nhiên các bản dịch trên đều là tuyển dịch, không cho ta thấy được toàn thể diện mạo, và tất nhiên vì là bản dịch - không khiến ta nhận ra được hết giá trị của bộ truyện này. Nếu đọc toàn bộ nguyên văn, ta sẽ thấy sự đa diện phong phú của nội dung tác phẩm, và văn tài của tác giả họ Bồ.

Liêu Trai Chí Dị viết hoàn toàn bằng văn ngôn, có văn từ hàm súc, cẩn nghiêm, tỏ rõ kiến thức uyên bác của tác giả. Điển cố được sử dụng rất nhiều và rất tài tình, khiến cho các bản dịch thường là thoát, không tỏ rõ được cái hay về bút pháp trong nguyên văn. Xin kể một hai thí dụ trong truyện *Liển Tỏa* (Nguyễn Hoạt đổi đầu đề là Tiếng Thơ Trong Mộ), là một trong những truyện hay nhất trong Liêu Trai mà Vương Ngự Dương nói đến trong bài thơ tứ tuyệt *Ái thính thu phân quỷ xướng thi* (Thích nghe tiếng quỷ ngâm thơ trong nấm mồ thu).

Nguyễn Hoạt dịch: "... thấy đầu vú y nguyên hãy còn là xử nữ". Nguyên văn là: "... *tắc kê đầu chi nhục, y nhiên xử nữ*". Máy chữ "*kê đầu nhục*" (thịt đầu gà) mượn trong sách Thiên Bảo Di Sự: Vua Đường Minh Hoàng ngự tại cung Hoa Thanh, cho Dương Quý Phi tắm trong ôn tuyền (suối ấm). Khi tắm xong, Quý Phi đứng trước gương, để hé lộ đầu vú. Minh Hoàng đưa bốn nói: "*Nhuyến ôn tân bác, kê đầu nhục*" (Mềm ấm như miếng thịt đầu gà vừa mới lột da). An Lộc

Sơn liền đọc theo: "*Nhuận hoạt sơ lai tái thượng tô*" (Mịn màng như váng sữa bò nơi biên ải vừa đưa tới). Dương Quý Phi cười: "*Tên mọi kia chỉ biết có váng sữa bò mà thôi!*".

Một thí dụ khác: "Hai người vui vẻ với nhau như cá gặp nước. Dẫu không làm việc dâm loạn, nhưng trong khuê các, rõ rệt như tình vợ chồng". Nguyên văn là: "*Lưỡng nhân hoan đồng ngư thủy; tuy bất chi loạn, nhi khuê các chi trung, thành hữu thậm ư họa mi*". Hai chữ "*họa mi*" (vẽ lông mày) chỉ tình vợ chồng xuất xứ từ truyện Trương Xưởng trong sách Tiền Hán Thư: Đời Tiền Hán, Trương Xưởng làm chức Kinh Triệu Doãn, thường vẽ lông mày cho vợ. Quan hữu tư đem chuyện ấy tâu vua. Vua hỏi. Trương Xưởng thưa rằng: "Thần nghe nói trong chốn phòng khuê, chuyện vợ chồng riêng tư còn có điều quá hơn là việc vẽ lông mày" (*Khuê phòng chi nội, phu phụ chi tư, hữu thậm ư họa mi giả*).

2. Chủ ý Của Bồ Tùng Linh được trình bày khá rõ trong lời Tự chí đặt trên đầu truyện Liêu Trai: "... Lúc nhỏ, ốm o nhiều bệnh tật; lớn lên, số mệnh chẳng vừa lòng. Sân nhà vắng vẻ, thì lạnh nhạt giống sư, bút mực cày bừa, thì sác sơ tựa bát. [...] Nửa đêm le lói đèn mờ sắp lu, nhà sách hắt hiu, án lạnh đọng giá. Góp da may áo, nổi càn theo truyện u minh; phạt rượu chép văn, chỉ thành ra sách Cô phần. Gởi gắm như vậy, cũng đủ đau thương! Than ôi! Sẻ lạnh e sương, ôm cây không được ấm; sân thu viêng nguyệt, tựa hiên cho nóng mình. Hiểu rõ ta, là ở chốn rừng xanh, ải tối này!" (Thiếu lụy đa bệnh, trường mệnh bất do. Môn đình chi thê tịch, tặc lãnh đạm như tăng, bút mực chi canh vận, tặc tiêu điều tự bát. Tỷ dạ dinh dinh, đặng hôn dục nhụy, tiêu trai tặc sắt, án lãnh ngưng băng. Tập dịch vi cừu, vọng tục u minh chi lục, phù bạch tái bút, cận thành Cô phần chi thư. Ký thác như thử, diệp túc bi hỷ! Ta hồ, kinh sương hàn tước, bảo thu vô ôn; điếu nguyệt thu trùng, uy lan tự nhiệt. Tri ngã giả, kỳ tại thanh lâm, hắc tái gian hồ!". Liêu Trai Chí Di là một tập truyện ngụ ngôn được tác giả làm ra để ký thác tâm sự, tâm sự của một kẻ hàn nho bất đắc chí, phần khích trước những cảnh ngang tai trái mắt ở đời, tìm lạc thú cô độc trong cõi siêu nhiên diễm huyền, lý tưởng. Từ trước đến nay, đọc truyện Liêu Trai, người khen thì bảo là "cảnh tỉnh thói đời đơn bạc, vun trồng đạo giáo" (*Liểu Tuyên Bồ tiên sinh mộ biểu*), kẻ chê thì trách là "miêu tả hồ ly, ma quỷ hoang huyền phù hoa, chẳng ích gì cho hậu học" (*Lãnh lư tạp thức*). Nhưng dù khen hay chê, dù cho là hữu ích hay vô bổ, người đọc Liêu Trai, trong hơn ba trăm năm nay, vẫn không cảm thấy giảm bớt thú vị, "*khoái trá nhân khẩu*".

Theo ý tôi, thế cũng đủ chứng tỏ giá trị của một tác phẩm nghệ thuật. Còn như muốn hiểu Liêu Trai cho đúng ý tác giả, thì lời Tự chí đã nói rõ ràng: đó là kẻ truyện u minh để giải niệm cô phần. Khổng Tử nói: "*Tri ngã giả, duy Xuân Thu hồ!*". Ở đây Bồ Tùng Linh nói: "*Thanh lâm, hắc tái tái*". Liêu Trai Chí Di đối với họ Bồ, cũng giống như Kinh Xuân Thu đối với đức Khổng vậy. Khổng Tử phản kháng "*quái lực, loạn thân*" cho nên đoán định thị phi bằng cách viết cuốn sử biên niên. Bồ Tùng Linh chịu ảnh hưởng Đạo gia, Phật giáo, vì thế giải bày tâm sự bằng thể truyền kỳ, chí dị.

Vương Hồng Sên

"Nên hiểu Liêu Trai dưới khía cạnh che đậy của tác giả là chống đối ngầm nhà Thanh... Truyện cắt đuôi con chồn là ngụ ý cái đuôi sam người Tàu thuở ấy ..."

1. Cảm nghĩ của tôi là phải hiểu cái phần ẩn ở trong truyện, nhất là với một người hiểu cổ như tôi, tôi thích đọc *Liêu Trai* không phải vì chuyên ma quỷ ở trong đó mà vì những chuyện do tư tưởng hiểu về người đẹp.

2. Người đọc Liêu Trai nên hiểu Liêu Trai dưới khía cạnh che đậy của tác giả là chống đối ngầm nhà Thanh. Có một truyện thuật về cắt đuôi con chồn là ngụ ý cái đuôi Sam của người Tàu thuở ấy vì Bồ Tùng Linh còn thương nhớ nhà Minh hơn là nhà Thanh là buổi ông đang sống.

Một truyện nữa, về cái chân thỏ của một nàng nhân vật và nói chuyện một mỹ nhân rờ rẫm cái chân kia mà khiến cho chủ của nó có phần rối loạn tinh thần. Truyện này có ẩn ý nhiều, người đọc phải hiểu lấy.

Đứng về mặt chơi sách, nếu ngày nay ta có hai bức tranh lụa vẽ một chàng Tú Tài hay một nhà văn bắc thang leo tường để bước sang vườn một nàng tiên tả trong truyện, nếu ta có hai bức tranh nhỏ ấy để làm bìa cho một bộ Liêu Trai do Đào Trinh Nhất dịch - thì đó là một điều thú vị tối ao ước từ xưa. Đó là mộng đẹp của một người biết chơi sách mà chưa thực hiện được, vì năm đảo chánh 1945, tôi đã bị cướp mất một bộ Liêu Trai như vậy".

(Trích Thời Tập)

(Nguồn: Tập san Khởi Hành số 72, Tháng 10. 2002)

Kỷ niệm về Nguyễn Mạnh Côn Nguyễn Triệu Nam

Trước ba mươi tháng Tư 75, tôi tiếp xúc với Nguyễn Mạnh Côn nhiều hơn, thường xuyên hơn là với mọi văn hữu khác. Một thời, anh chủ biên tờ Chỉ Đạo, cơ quan ngôn luận của Người Việt Tự Do Chống Cộng. Tôi là bình bút. Khi tờ báo này được giao cho Nha Chiến Tranh Tâm Lý (tiền thân của Cục Tâm Lý Chiến) thì anh là cộng sự viên. Hồi đó, tôi phụ tá cho chủ bút Kỳ Văn Nguyên, đặc trách biên tập.

Nguyễn Mạnh Côn là một văn sĩ có chân tài. Kiến thức phong phú. Bút pháp linh thông. Văn phong bình dị, trong sáng. Văn mạch sung mãn, bất tận. Văn thái chuyển biến linh hoạt theo từng tình huống. Khi cần thì viết như một nhà thông thái, hoặc như một nhà phân tâm học. Tuy vậy vẫn mang tính đại chúng, dễ hiểu. Nơi anh, có một đặc điểm nổi bật. Là hay khai dụng đề tài khoa học để lung khởi, đẩy đưa câu chuyện. Do đó, độc giả, dầu muốn dầu không cũng phải lưu tâm đến nội dung của chủ đề chính. Chẳng hạn như truyện Bán Linh Hồn Cho Quỷ được mở màn bằng mấy ẩn số toán học. Hơn nữa, anh hay viết về khoa học giả tưởng. Một cách sáng tạo, độc đáo.

Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Mạnh Côn là Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử (ký bút hiệu Nguyễn Kiên Trung). Có tiếng vang lớn. Nhưng phải đợi đến khi Kỳ Hoa Tử ra mắt thì danh tiếng anh mới thực sự được củng cố vững chắc. Kỳ Hoa Tử là một cô gái Nhật. Cô ta yêu một chàng trai Việt luân lạc bên Trung Hoa. Theo người yêu về nước. Lúc bấy giờ đang kháng Pháp. Trớ trêu thay! Nhắm đúng thời điểm đót giai đoạn để thực hiện cách mạng vô sản. Mọi chướng ngại vật cản đường đều phải đốn ngã. Hồ Tùng Mậu là chướng ngại vật nguy hiểm nhất. Cộng đảng bèn dựng kế. Ngụy tạo ra tội phản động, buộc cho Hồ. Chàng trai nọ được lệnh đứng ra tố cáo trước tòa. Chàng vốn là một đảng viên trung kiên. Cho nên không thể kháng lệnh. Uyên ương xa lìa nhau. Mối tình thơ mộng và não nùng ấy tan vỡ. Trong thảm cảnh tóc tang, ngút ngàn sân hận.

Năm ấy, Nguyễn Mạnh Côn nắm tờ Chỉ Đạo. Anh thường ở nhà, ít khi đến tòa báo. Một hôm, Triều Đầu có ý muốn gặp anh. Báo tôi biết nhà thì đưa đi. Nhà văn trào phúng này mượn có là cật dâng bài nghiên cứu về Đế Quốc Nga Xô Viết. Tiện thể làm mấy ngao. Hai vị đều là đệ tử của Nàng Tiên Nâu. Họ đi mây, về gió xả đàn. Quả là nói chuyện bên khay đèn thuốc phiện có khác! Không thể thiếu một thứ chuyện gì trên đời. Nổ như bắp rang. Tôi chỉ ngồi châu dĩa, lắng nghe họ trao đổi để học hỏi. Bữa ấy, Nguyễn Mạnh Côn hỏi Triều Đầu:

- Đại ca viết biếm văn đến như thế là rất đạt. Trong cả hai cuốn Trên Vía Hè Hà Nội, Trên Vía Hè Sài Gòn, đàn anh đều không nêu đích danh một thằng nào. Không đâm vào mặt một thằng nào. Nhưng, có tạt giạt mình, cũng có đũa nó biết chớ. Nó biết chính nó là cái bìa. Không phải

là nó thì còn tên chó chết nào vào đấy nữa. Vậy đại ca không ngán cái vụ mua thù, chuốc oán ư?

Triều Đầu:

- Tôi hãy hỏi lại anh trước đã. Anh dám chửi cả tập đoàn cộng sản. Mà ở vùng đất tự do này, ngay cả ở Sài Gòn, chúng nó còn gài cả cán bộ nằm vùng. Vậy anh có ngán không?

Nguyễn Mạnh Côn lắc đầu mà cười tủm. Triều Đầu tiếp lời:

- Anh dám chửi cả tông môn bọn lãnh tụ cộng sản mà còn chẳng ngán. Huống chi tôi chỉ đã kích cá nhân, hà có gì mà phải ngán. Cứ cho rằng có đứa nó biết tông ra đi. Biết thì cũng chỉ ám ức để bụng. Chớ ho hoe gì nổi. Thế anh có biết rằng anh bị bọn cộng sản xếp vào loại phản động số một hay không?

Nguyễn Mạnh Côn:

- Xin các anh cứ thuật lại trung thực những gì đã biết. Tôi sẽ giải thích từng điểm một.

Triều Đầu ra dấu cho tôi đỡ lời. Tôi nói:

- Nguồn tin do Sở Mật Vụ Phủ Tổng Thống cung cấp. Sở này đã mua gần hết ấn bản cuốn Tân Liêu Trai Chí Dị của Người Thăng Long. Một tác phẩm chống cộng dưới hình thức liêu trai. Trong đó, những tên cộng sản được miêu tả như hồ ly, yêu quái. Chính nhờ vào cái tác phẩm “nặng ký” ấy mà tác giả được Sở Mật Vụ mời cộng tác. Anh ta cùng làm với tôi ở VP I thuộc Sở. Có lần tâm sự với tôi như vậy:

“Tôi viết văn vì lý tưởng đấu tranh chống cộng. Chớ không phải là tôi cố ý viết một cuốn truyện chửi bới cộng sản để dùng nó như một phương tiện tiến thân đâu. Thế nhưng bọn cộng sản đã xuyên tạc. Chúng nó vu cáo cho tất cả những cây bút dám viết đụng đến chúng nó, chẳng hạn như Hiếu Chân, Trúc Sĩ, tất cả đều là tay sai của Đế Quốc, đều là ăn tiền của Mỹ mà viết nữa.” Người Thăng Long phát biểu như thế đó. Theo sự phối kiểm tin tức của VP I thì Nguyễn Mạnh Côn đứng đầu sổ đen. Có nghĩa là chống cộng tới độ quyết liệt, cực đoan. Chỉ có tiêu diệt cái chế độ sắt máu do cộng sản dựng nên. Chớ không hòa giải, hòa hợp gì với cái tập đoàn cướp ngày ấy cả. Vậy anh nghĩ sao?

Nguyễn Mạnh Côn:

- Cái vụ cộng sản dùng các toán ám sát để khủng bố người quốc gia, đối với tôi, không có gì đáng nói. Vậy mà cứ phải nói. Tệ lắm cũng cả mấy chục lần rồi. Nói mãi hóa ra nhảm. Giờ, vì đại ca hỏi nên phải giải đáp thêm một lần nữa. Nhưng chỉ rút ngắn trong vài hàng thôi. Cộng sản là mối tai ương cho dân tộc. Phải trừ khử mối tai ương đó. Bằng nhiều cách. Cách của tôi là dùng bút. Tôi viết là do chính tôi ý thức được, cần phải viết. Có nghĩa là viết theo tinh thần tự nguyện. Chớ có đế quốc nào thuê tôi viết đâu mà bảo rằng tôi ăn tiền. Còn việc cộng sản xếp tôi vào loại phản động số một hay số mấy, điều đó không cần biết. Chỉ biết rằng chúng nó rất sợ những tác phẩm chống cộng. Những tác phẩm mà sức công phá còn khủng khiếp hơn bom nguyên tử nữa. Thật sự là tôi không sợ cộng sản tí nào. Tôi coi mấy trò hăm dọa của chúng nó như pha. Anh Triều Đầu lo ngại giùm tôi có phần quá đáng đấy. Dầu sao, Côn cũng cảm ơn anh về thiện ý. Cần nói thêm. không phải là tôi không biết đến mọi thành phần nằm vùng. Bọn thích khách bị lực lượng an ninh thọc cổ không ít đâu. Tôi có đọc một xấp biên bản thẩm cung. Phối kiểm, thấy có nhiều điểm ăn khớp với nhau. Chứng tỏ bọn chúng được kết nạp bừa bãi. Cho nên đội ngũ rất tạp nham, hồ lớn. Hầu hết đều úy tử tham sinh. Giả như có ám sát được một người quốc gia, chúng cũng khó mà giữ nổi mạng sống. Miền Nam đâu phải là vườn hoang mà giặc cộng hòng múa gậy.

...

Sau ngày Chỉ Đạo đình bản, Nguyễn Mạnh Côn và tôi ít khi gặp nhau. Thời gian trôi qua. Mãi đến mùa hè đở lửa 72 mới gặp lại anh. Anh vẫn sáng tác như ngày nào. Nhưng viết ít đi. Nghề cầm bút thực sự trở thành nghề tay trái. Mưu sinh là nghề tay phải. Anh làm tất cả mọi việc

lượng thiện có thể làm để kiếm tiền phụ với vợ. Kể cả dịch vụ chuyên chở hàng hóa. Với mọi dân làng bẹp như anh, bỏ ra nguyên một ngày để vật lộn với cuộc sống đâu phải là chuyện dễ. Được cái là, mỗi ngày, anh đã giảm dần phân lượng thuốc. Lúc đầu khó chịu lắm. Sau quen dần. Vì vậy mới dành được trọn buổi sáng để chạy ngoài. Anh nói mấy câu. Thoạt nghe, thấy không có gì đáng để tâm. Nhưng, sau ba mươi tháng Tư 75, mới thấy ứng nghiệm:

“Một con người đã mang thuốc sái như tôi mà nếu sa vào tay kẻ thù là dễ bị lung lạc. Dễ thay lòng đổi dạ khi kẻ thù dùng thuốc để nhử. Vì thế, tôi chỉ mong sao cai hẳn được là hết nợ. Chớ nặng nợ Phù Dung nó còn cực khổ gấp ngàn lần nặng nợ má đào đấy...”

Tôi có đưa cho Nguyễn Mạnh Côn đọc mấy truyện đặc tâm của tôi đã đăng báo để anh cho ý kiến. Đọc xong, anh nhận xét:

- Anh viết tiến bộ hơn hồi viết Chỉ Đạo nhiều. Không khô khan, nặng nề như trước. Mà tươi mát, nhẹ nhàng hơn nhiều. Cấu trúc vững. Hành văn mực thước, trang trọng. Tuy nhiên nên cẩn thận hơn nữa trong cách dụng từ. Chọn chữ sao cho đắt giá. Thế thôi.

Tôi hỏi Nguyễn Mạnh Côn:

- Khai thác mãi đề tài cộng sản nó lạnh quanh lẩn quẩn. Rất là nhàm. Chán phè. Anh có định chuyển sang đề tài khác hay không?

- Tôi không nghĩ như anh, Nhà văn đáp. Viết mà khéo thì đề tài nào cũng hay hết. Nơi con người tôi, cái tư tưởng bất nhân nhượng đối với cộng sản nó đã ngấm sâu vào tâm can rồi, không sao bỏ được. Vì vậy, tôi dự định dựng một tác phẩm lớn. Lớn hơn Mối Tình Đầu Hoa Đào nhiều. Căn bản vẫn là chống cộng. Nhưng chống cộng ở trình độ cao. Không cần mượn hình ảnh một tên giặc cộng nào. Không viện dẫn, không phiếm luận dông dài về lời tuyên bố của một tên lãnh tụ đồ nào.

Từ sau bữa hàn huyên lần chót ấy, Nguyễn Mạnh Côn và tôi không còn gặp lại nhau nữa. Vì hoàn cảnh không cho phép. Từ 72 đến 74, tôi bị cầm chân hăm bốn trên hăm bốn giờ ở Đai Quân Đội. Ba mươi tháng Tư 75, mất nước. Hai mươi tháng Năm liền đó, bị tổng giam. Ở tù sáu năm. Khi được phóng thích mới hay tin Nhà văn đã thành người thiên cổ. Anh đã kiệt lực vì đòn thù.

Hôm Nguyễn Mạnh Côn nhập trại Xuyên Mộc, một tên cán bộ văn hóa (!) nó mĩa mai hỏi anh:

- Mà là Đảng Vân Hào, có tài cưới mây, sao không cưới mây trốn đi?

Anh không thèm trả lời. Anh im lặng. Sự im lặng hào hùng của con chó sói bị thương, sắp chết, được miêu tả trong bài thơ Le Cor (chiếc kèn sáo) của thi hào Pháp Alfred de Vigny. Tên cán búa nợ nổi giận, nó gầm lên:

- Chạy hả? Mày có chạy đi đảng trời cũng không thoát khỏi tay chúng ông đâu.

Dứt câu, nó hát hàm cho tên quản giáo đứng gần đó. Tên này bèn gọi một thằng trưng giới vào, cho anh ném đòn phủ đầu. Rồi anh bị tổng vào kiên giam. Tại đây, cứ hai tù nhân một cặp đầu lượm vào nhau mà quỳ trên hai ô vuông gạch bông. Quỳ mà động não, suy nghĩ. Quỳ xong là viết kiểm điểm. Viết xong lại quỳ. Rồi viết tiếp, khai cho bằng hết. Sau này, có một tên cán bộ văn hóa trung cấp ở Sài Gòn, chỉ vì “thiếu cảnh giác” hay vì “sơ hở sao đó” đã tiết lộ với báo chí nước ngoài khá nhiều về Nguyễn Mạnh Côn. Trước hết là Nhà văn của chúng ta đã không đáp ứng đúng yêu cầu của Cách mạng. Anh chỉ ôn lượm những việc đã làm. Kể lại nội dung từng sáng tác. Chớ không tự lên án mọi hoạt động nói chung của mình. Có nghĩa là anh không nhận tội. Một tên quản giáo nó hỏi anh:

- Mày viết phản động đến như vậy mà còn cho là không có tội ư? Vậy mày có biết rằng Cách mạng chỉ giam giữ mày một thời gian nào đó thôi, rồi tha cho mày về hay không? Chứ giữ mày ở lại làm cái gì cho tốn cơm, tốn gạo.

- Vậy các ông muốn tôi phải làm gì đây? Nguyễn Mạnh Côn hỏi tên cán bộ nợ.

- Sẽ có người hướng dẫn cho mày. Ý nói xong là bỏ đi.

Hôm sau, có một tên làm dịch vụ đã thông. Nom lạ hoắc. Không biết gã ta hành nghề ngỗng gì ở ngoài đời. Gã cầm trên tay một bịch ni lông trong suốt. Cố ý giơ lên cho đối tượng nhìn thấy

bên trong có những gói mỏng, nhỏ. Thì ra là thuốc phiện quết, cô lại. Như thể thuốc cao. Chỉ nuốt chửng, xài đỡ khi thiếu bàn đèn. Gã lải nhải bên tai Nhà văn một chập lâu. Đại ý thuyết phục như vậy:

- Anh nên thành thật viết một bài kiểm điểm nhận mình có tội. Giờ, ăn năn hối hận, hứa với Đảng sẽ đổi mới tư tưởng, sẽ chuyển hướng sáng tác. Nếu anh chịu tuân hành nghiêm chỉnh pháp lệnh của Nhà nước thì chắc chắn anh sẽ được trả tự do đúng thời hạn. Thuốc đây, hãy xài tạm, hầu phục hồi sự minh mẫn cho trí óc. Đừng khí khái hão mà chuốc họa vào thân, làm khổ cho vợ con. Ngộ biến tông quyền là cách xử lý khôn ngoan của người biết tùy thời, lựa thế mà sống, anh ơi! Gãy còm, tong teo như anh, chịu đòn sao thấu...

Nguyễn Mạnh Côn thẳng thắn đáp:

- Ông cứ việc báo cáo lại với chúng nó về tất cả những điều tôi nói. Tôi không tôn thờ cái chủ nghĩa cộng sản mà tôi đã di xuống chân ấy được. Tôi không bẻ cong ngòi bút, tôi không làm văn nô được. Đừng hòng dùng á phiện mà lung lạc tôi.

Việc gì phải đến đã đến. Nhà văn của chúng ta đã tự sát. Bằng cách nào, không nghe ai bộc tiết. Chỉ biết, trước ngày anh quyên sinh, anh gặp trường Trại mà hỏi y:

- Cách Mạng công bố là chỉ giam tôi có thời hạn. Sao đã quá hạn mà không thả?

Tên cai ngục cười gằn mà bảo:

- Nói dễ nghe nhỉ? Mà ngoan cố quá, cứng đầu quá mà. Mà có chịu nhận tội đâu mà đòi Nhà Nước tha cho mày.

Kẻ thù chưa kịp hạ thủ Nguyễn Mạnh Côn thì anh đã tự tìm cho mình cái chết rồi. Anh đã chết vinh. Anh đã bảo toàn được danh dự và tiết tháo của kẻ sĩ. Là mọi kẻ sĩ uy vũ bất năng khuất, anh đã không “lạc đường vào lịch sử” như một nhân vật trong truyện anh viết. Trái lại, anh đã đi thẳng vào lịch sử với tư cách một chiến sĩ tiên phong chống cộng trên mặt trận văn hóa.

Lời nguyện trong không

Tôi có người em gái xinh đẹp yêu chồng, trung thành với chồng, không ngớt lo lắng và không ngừng săn sóc cho chồng. Chồng của em tôi là một lính Dù.

II

Anh em tôi rất ít khi gặp nhau, không những vì xa nhà, mà còn vì chồng của Duyên mắc nhiều công chuyện nặng nhọc, vì tôi luôn luôn bê bối với những cuốn sách đang in dở dang, hoặc những bài báo lòng thông năm bảy chục ngàn chữ. Còn về phần Duyên thì nó bận với chồng. Cho nên chúng tôi không thấy mặt nhau thường, nhưng hằng nhớ đến nhau luôn. Đó có lẽ là nguyên nhân khiến cho khi em tôi gặp chuyện khó khăn – khó khăn về tinh thần – thì nó chạy thẳng đến tìm tôi, thay vì tìm những người thân khác gần gũi với nó hơn tôi.

-Anh đừng cười em, em mới nói!

Duyên sợ bị tôi chế giễu nên đặt điều kiện trước. Tôi phải nói rõ thêm: Duyên có học khá, rất lịch lãm vì giao thiệp rất giỏi, rất rộng. Như tất cả mọi người có học theo người Pháp, em tôi sợ nhất trần đời là sợ mang tiếng lố bịch. Tôi biết tánh em tôi nên hiểu ngay rằng nó tìm tôi không vì tiền bạc. Cũng không vì công việc chỉ huy lính tráng của chồng nó. Không phải tiền, không phải việc làm ăn, nhưng vẫn là một cái gì quan trọng. Nhìn mắt em tôi đăm đăm, mắt hết nét trong sáng và tinh anh mọi bữa, tôi biết nó có điều gì lo nghĩ nặng nề. Nhưng thoát một cái nó trở lại vui vẻ, và trong sự cười đùa dường như nó có vẻ muốn nhạo báng chính mình.

Rồi đợi khi bạn hữu của tôi ra về thật hết, nó mới đòi tôi đừng cười nó. Tôi định nói “xong rồi”, như chúng tôi thường nói mỗi khi vui chuyện, để tỏ ý bằng lòng. Nhưng dáng điệu nghiêm chỉnh của Duyên làm cho tôi khựng lại.

- Được, tôi hứa sẽ không cười cô đâu.

Duyên nói khẽ cảm ơn anh, cảm ơn anh... một cách long trọng như đối với người ngoài. Xong nó mới nói tiếp, rành mạch từng tiếng một, mắt quay nhìn đi chỗ khác:

- Em nằm mơ thấy nhà em chết!

Có thể thôi, làm suýt nữa tôi bật thành tiếng cười thật lớn, mà may mắn là tôi đã hãm lại kịp. Bởi vì tôi bắt được quả tang em gái tôi, cô Duyên xinh xắn thông minh, cô Duyên kiến thức đầy mình, cô Duyên em gái tôi, đang quan trọng hoá một việc xảy ra hàng ngày cho ngót một triệu người đàn bà, vợ sĩ quan, vợ binh sĩ. Ngót một triệu người vợ lính chắc hẳn không có người nào không nằm mơ thấy chồng mình chết trận, ít ra là một lần trong đời.

Tiếng cười nghẹn lại đầu cuống họng: bàn tay em tôi đặt trên tay tôi lạnh ngắt. Nó cúi đầu, như nặng trĩu hai vai dưới một gánh nặng quá sức chịu đựng. Tôi nhẹ nhàng vuốt mớ tóc xoã trên bờ vai có vẻ kém đầy đặn của nó.

- Anh linh cảm thấy có gì đặc biệt. Em nói đi, anh nghe đây.

Duyên ngược mắt lên nhìn tôi, cười thật buồn. Tôi ra hiệu: em khỏi phải cảm ơn nữa, cứ vào chuyện ngay đi. Duyên gật đầu, im lặng trong giây lát, rồi kể, giản dị:

- Em mơ thấy ảnh nhảy đêm, lạc xuống rừng, bị cành cây đâm tuốt từ sau lưng ra trước ngực. Em sợ quá!

III

Tôi cần nói thêm em tôi là một người đàn bà can đảm. Can đảm và bình tĩnh. Hồi còn con gái, chính nó bắt được chồng nó nhảy dù xuống chiến khu. Nó trói anh chàng trong hầm bí mật, ngày ngày đưa cơm xuống cho ăn, và đun nước nóng pha muối lau rửa vết thương nơi chân, chờ anh chàng đi được là nó giải lên ban tỉnh. Được hai mươi mấy ngày, tên tù binh hết đau rồi thì chính hắn đưa vợ về thị trấn. Như thế là nó nuôi trai trong nhà cả tháng mà thầy mẹ chúng tôi không biết. Đến lúc biết thì quá muộn. Nó khóc lóc nói nó thương thằng nhỏ đẹp trai mà hiền lành. Nó khóc mãi, kỳ được thầy mẹ chúng tôi nhận rể mới chịu nín. Xong đâu đấy nó phây phây đưa anh lính nhảy dù vượt năm bảy hàng rào canh gác đến tìm tôi. Tôi nghe nó trình bày cách thức trốn về xuôi mà hết cả hồn vía.

Giấy tờ? – Của anh.

Quần áo? – Của anh.

Võ khí? – Của anh.

Tiền bạc? – Anh cho.

Tôi chẳng còn biết làm gì, ngoài việc thu xếp cho hai đứa theo đường thủy về thủ đô. Mười bữa sau chúng nó về đến nơi. Nhưng trước khi về đến nơi, theo chồng nó sau này kể lại, hai đứa đi trên bè bị một toán du kích xã chèo thuyền ra đón bắt. Nó vui mừng tự giới thiệu là nữ bí thư của tôi – tôi ở đây là chồng nó - để cảm ơn tụi du kích cứu chúng tôi kịp thời, vì thuyền lớn đi công tác bị tàu bay địch bắn đắm. Tụi du kích mới hơi nghi ngờ nó đã kể một đống chuyện về đồng chí tư lệnh chiến khu, đồng chí chủ tịch tỉnh, đồng chí chủ tịch xã... đều là bạn thân của tôi. Tôi bị đau không nói gì nhiều, chỉ ừ hừ và lắc đầu. Nhưng đã có nó... nó nói gì đều đúng, tỏ ra nó là dân địa phương thật sự. Dân địa phương thì tin nhau, nhất là tin nữ đồng chí bí thư xinh đẹp và khéo léo hứa hẹn cả với đồng chí xã đội trưởng, đồng chí xã đội phó, cả đồng chí bí thư xã. Kết quả là hai ngày một đêm ăn uống linh đình, rồi “mượn” một chiếc thuyền tam bản mới tinh tiếp tục đi công tác. Hai đồng chí đội viên du kích cũng được đưa về công tác luôn... trong nội thành. Tôi, ngãi là chồng của em tôi, trốn thoát hơn một tháng rồi tôi – chính là tôi thật – mới bị bắt vì tội đồng loã với em gái tư thông với gián điệp địch. Tôi bị tuyên án tử hình, có lẽ sắp đến ngày thi hành, thì lại chính một tiểu đoàn dù nhảy xuống thị trấn, giải thoát được hơn hai trăm tù binh. Và tôi.

Tôi thuật lại câu chuyện trên đây để tỏ rằng em gái tôi không phải hạng người mới trông thấy khẩu súng đã run lên bần bật. Em gái tôi đã chạm trán với cái chết nhiều lần, và em rể tôi càng chạm trán nhiều lần hơn với cái chết. Cho nên một giấc mơ đâu có phải thứ làm cho em tôi sợ!

-Như em sợ, vì em mơ thấy nhiều lần, lần nào cũng in hệt như thế. Mỗi lần một rõ rệt hơn. Em sợ... em sợ mà không dám nói với ai. Nói với bạn thì chúng nó khinh, làm vợ lính Dù mà nằm mơ thấy sợ thì sợ suốt đời. Em không dám nói với nhà em... Không, nhà em không bao giờ khinh em đâu. Có điều ảnh thường nói, con người ta lúc nghèo khổ rất dễ can đảm, đến lúc khá giả, nhất là có con còn nhỏ, là sinh ra nghĩ ngợi vẩn vơ - nghĩ đến nghèo lại sợ, nghĩ đến mất con lại càng sợ. Nhà em cho đó là bằng chứng về những tình cảm tốt đẹp của con người. Nhà em không cười em, nhưng nhất định thế nào cũng lôi mấy ông bác sĩ về nhà hạch hỏi đủ điều để tìm căn bệnh của em.

- Đúng! Tôi kêu lên. Dương ấy mời bác sĩ là đúng. Bây giờ, mấy nhà chuyên môn về thần kinh tiến bộ nhiều lắm.

Em tôi lắc đầu quầy quậy: về y học nó còn hiểu biết hơn tôi nhiều.

- Em biết! Em biết có ông đoán mộng mà chữa được người điên; có ông đoán mộng mà tìm thấy nguyên nhân, từ 30 năm trước, căn bệnh của một người đàn bà mắc chứng tâm lãnh(1). Nhưng họ sẽ không hiểu gì về những giấc mơ của em. Trước hết, vì khoa chữa tâm bệnh hiện nay mới chỉ do các y sĩ Tây phương nghiên cứu, mà tâm hồn em, em biết khác với tâm hồn người đàn bà Tây phương một trời một vực. Ví dụ người đàn bà Việt Nam lúc nào cũng sẵn sàng chịu thiệt với chồng, mà người đàn bà Tây phương không bao giờ chấp nhận điều đó. Vì sao? – Vì người đàn bà Tây phương thêm khát hưởng thụ từ người chồng nên tự nhiên phải có mặc cảm tùy thuộc, thua kém đối với người chồng đó – và đã có mặc cảm thua kém thì luôn luôn có phản ứng đền bù, tức là đòi hỏi được bình quyền và tranh giành mọi ưu thế. Người đàn bà Việt tất nhiên cũng biết hưởng thụ nhưng không coi sự hưởng thụ là một lạc thú không thể không có ở đời, cho nên bề ngoài thì người đàn bà Việt lệ thuộc nặng nề người chồng về sự sống vật chất hàng ngày, nhưng ngược lại, trong lòng lại không cần đến người đàn ông quá lắm... Em nghĩ thế mà cho rằng các bác sĩ thần kinh không thể căn cứ vào những nguyên tắc tâm lý Âu Mỹ mà tìm thấy căn bệnh cho em được.

- Nhưng em vẫn có thể thử một lần cho đích xác?

Tôi hỏi.

Em tôi có vẻ hơi hơi xấu hổ, trong thoáng chốc nó nhìn tôi mà cười, rồi quay đi, má đỏ hây hây. Nó thú thật:

- Em giấu nhà em, có đến hỏi bác sĩ F. ở Phan Thanh Giản. Ông ta già rồi, nếu không em đã tát cho mấy cái!

- Phải rồi! Tôi nói. Chắc hẳn lão ta cho rằng người đàn bà đang tuổi khoẻ mạnh và được thoả mãn, nên ngấm ngấm trong vô thức có lo sợ sự mất chồng. Nằm mơ thấy chồng chết, bị đâm suốt và có máu chảy, là sự cố gắng giải toả trạng thái nén tâm, bằng cách chuyển dịch hành động ái ân thoả mãn thành một tai nạn ghê sợ.

-Đúng thế! Em tôi la lên. Đáng ghét nhất là cái nhìn và cái cười đầy vẻ đồng lõa, ra điều ta đây thông minh, ta đây tài giỏi, đã soi thấu cả ruột gan nhà người rồi. Em cố nén giận giải thích cho lão ta hiểu rằng nghĩ về cái chết của một người chồng thân yêu, người đàn bà Tây phương tiếc người đàn ông trước hết, và có than khóc là than khóc cho sự thiệt hại của mình. Trong khi đó, người đàn bà Việt trước hết là thương chồng nằm xuống cô đơn lạnh lẽo, rồi thương con bỏ vợ, rồi mới thương mình không nơi nương tựa. Lão bác sĩ già kêu chịu không sao hiểu được. Lão ta nói cứ nghe bà thì người ta có cảm tưởng người đàn bà Việt Nam là thánh. Sau đó lão

ta viết cho em một cái toa thuốc bổ, không lấy tiền. “Đáng lẽ tôi phải trả tiền bà về buổi nói chuyện hôm nay”... lão ta bảo thế.

- Được lắm! Tôi khen viên y sĩ già. Ít ra cũng phải thế: đã không giỏi thì phải có can đảm nhận mình không giỏi... Người giỏi là em thôi!

Duyên có vẻ sung sướng nhận lời khen. Nhưng nó vẫn buồn buồn thế nào.

- Em không cần giỏi, em cần anh giúp em.

- Thì em nói đi. Em bắt đầu mơ thấy thế từ bao giờ?

- Từ mười bốn ngày... đêm nay là mười lăm đêm.

- Đêm nào cũng thế?

- Vâng, đêm nào cũng thế. Em giật mình thức giấc vào khoảng từ 4 giờ đến 6 giờ.

- Cuối giờ Dần đầu giờ Mão, mơ vào giờ này thật lắm đấy!

- Thật thế sao anh?

- Thì cũng nghe người ta nói. Có phần nào hữu lý: lúc bấy giờ trời đất êm ả, không khí trong lành... Nhưng đoán là đoán bậy mà thôi. Em kể tiếp đi. Giấc mơ bắt đầu thế nào?

- Em thấy em lảng lảng như đang bay. Rồi em thấy mình đang trong tàu bay. Em từ phía trong nhìn ra cửa mở bên tay trái. Hơn mười lính dù đứng thành hàng một, sát vào sườn tàu bay, tất cả mọi người đều nắm tay vào một sợi dây cáp không lớn lắm. Mọi người đều có vẻ lo ngại. Một người nói: “Gió lớn quá!...”. Em nhìn ra là nhà em. Ảnh đứng ngay sau một người Mỹ. Ảnh không thấy em. Em muốn gọi nhưng không gọi được thành tiếng. Thế rồi có tiếng trong phòng hoa tiêu nói ra, về hướng đi, chiều gió, vận tốc của gió, độ cao... Thế rồi đèn đỏ phụt lên, người Mỹ bước sang bên kia cửa, nhà em khuy ra hai chân lộn ra ngoài. Em theo ra. Trời đầy mây, tối mù mịt. Nhưng em vẫn thấy những cánh dù như những bông hoa lẳng lẳng trôi trên mặt nước. Mặt nước mênh mông, gió thật mạnh. Một cái dù đã mở tung ra tự nhiên lại cuốn lại. Em nghe rõ tiếng người thúc giục: “Mở ra mày! Mở ra mày!”... không phải tiếng nhà em. Nhà em xuống gần đến đất rồi, bỗng nhiên ảnh kêu lớn, kêu thật lớn: “Chết cha rồi! Lầm rồi! Coi chừng bay ới! Nhiều cây lắm!”... ảnh kêu để báo động cho anh em. Trong lúc đó anh đáp xuống vùn vụt. Em muốn la lên khi thấy dù của ảnh bị rách bằng mắt hai khổ vải. Có lẽ vì thế mà ảnh rút mau quá. Hoặc giả vì chú ý nhìn để báo động cho đồng ngũ, ảnh co chân, khép gối, rụt cổ, sẵn sàng. Nhưng đúng vào lúc đó em nhận ra một cành cây khô chìa thẳng lên trời. Ngay đằng sau ảnh, ảnh không nhìn thấy nó... Ngay đằng sau ảnh... ảnh không nhìn thấy nó... trời ới!

Tiếng kêu thảng thốt của em tôi in hệt như tiếng kêu chết của một con chim gãy cánh. Nó ngơ ngác nhìn chung quanh, hai má ướt nước mắt. Không phải một mình nó sợ mà cả tôi cũng sợ. Người ta nói giấc mơ nào hợp lý là giấc mơ báo trước sự thật xảy ra. Sự thật xảy ra. Em gái tôi có bao giờ đi trên tàu bay thả dù, có bao giờ nhảy dù, mà biết điều này điều kia y như thật. Tôi cảm thấy ngay rằng tình không thôi không đủ đem đến cho em tôi những giấc mơ - hay một giấc mơ? – quái lạ như thế. Nhất là, như tôi đã nói, nó không thuộc loại đàn bà ở lì trong gia đình để suốt ngày nhớ đến chồng, nghĩ đến chồng, mà tưởng tượng ra chuyện này chuyện khác. Em tôi tính hồn nhiên vui vẻ nên có nhiều bạn đến thăm hỏi... Và lại trong khi tôi hoang tàng phá tán hết phần gia tài của tôi thì em gái tôi buôn bán, mở mang. Có thể nói nó giàu lắm, giàu lắm.

Nhưng tất cả tiền bạc trên thế gian không mua được sự yên ổn trở lại trong tâm hồn cho em tôi. Tôi cố nghĩ đến một điều nào đó...

- A! Cũng lạ, tôi hỏi. Em nằm mơ đến hơn chục lần rồi mà không có gì xảy ra, thì chắc đâu đã có gì đáng ngại? Người ta nói...

- Vâng, nó cất lời tôi. Sau khi thấy mình mơ đến bốn năm lần rồi mà vẫn không thấy gì, em đã hơi yên dạ. Nhưng rồi em mới nhận rõ... em mới nhận rõ cứ mỗi lần sau thấy cảnh nhà em bị

nạn, em lại thấy rõ hơn đầy đủ chi tiết hơn lần trước. Ví dụ lúc đầu em chỉ nhận được có mình nhà em thôi, nhưng lần sau em nhận được thêm một người bạn của ảnh, lần sau nữa lại thêm một người bạn nữa của ảnh. Lần đầu nhà em nhảy ra ngoài rồi, em chỉ thấy bóng đen kịt, nhưng mỗi lần sau lại rõ hơn... rõ hơn. Đêm hôm qua...

Duyên nắc một tiếng khê, hai hàm răng cắn chặt chiếc khăn tay. Rồi đột nhiên nó vùng dậy chạy ra cửa. Tôi đuổi theo giữ lại kịp.

- Em phải can đảm! Dù sao cũng vẫn còn là giấc mơ... chẳng lẽ em nằm mơ chồng em bị nạn khi nhảy mà dựng ậy cứ nằm lì ở nhà cũng chết được hay sao! Anh có thể gọi dây nói cho ông lữ đoàn trưởng yêu cầu ông ấy cho dựng ba nghỉ nhảy một tháng.

- Anh định nói thế nào?

- Thì... thì nói như em kể...

- Không được đâu anh ơi! Vợ nằm mơ mà đòi được cho chồng nghỉ, thì quân đội không còn người lính nào ra trận. Nhà em mà biết thế, ảnh cũng giận...

- Thì nói cho dựng ậy biết trước?

- Không được đâu anh ơi! Nhất là hôm nay, em trông thấy ảnh là em muốn khóc. Vì em mơ thấy ảnh em sợ quá rồi!

- Em thấy dựng ba thế nào?

- Em thấy rõ mồn một. Như có đèn chiếu riêng cho một mình em. Em thấy máu trào ra, chảy thành dòng xuống áo xuống quần, xuống đất. Lúc đầu ảnh la lớn: "Chết tao rồi, bây ơi!...", sau ảnh đau quá đưa hai tay níu đầu cành cây như muốn nhào ra. Máu nhầy nhựa cả hai bàn tay. Sau cùng ảnh ngửa mặt lên, rồi gục xuống, đầu ngoẹo sang một bên vai, cánh tay thõng xuống. ảnh gọi em: "Duyên ơi!"... ảnh muốn nói gì nữa nhưng không kịp. Em muốn gọi ảnh, muốn chạy đến ôm lấy ảnh... ảnh chết rồi... chết thật rồi...!

IV

Thật là một giấc mơ ghê gớm. Tôi bắt buộc phải tìm một cách thức nào đó để giúp em tôi: số mạng, nếu đã có và không lay chuyển được, thì cố gắng chống đối cũng hoàn toàn vô ích. Tôi muốn đến gặp em rẻ tôi, nhưng cũng chỉ vô ích thôi. Bởi nó cũng có học khá và còn chịu khó đọc sách lắm. Đọc nhiều sách, thật nhiều, thì có thể chấp nhận một vài điều phi lý... Nhưng cho dù tôi thuyết phục được cho nó tin thì nó có thể làm được gì? Không lẽ xin nghỉ nhảy "vì sợ tôi mơ thấy tôi bị nạn" hay sao? Đòi nào một sĩ quan nổi tiếng can trường như nó, lại chịu lui bước vì một đe dọa viễn vông như vậy! Con người ta mất sự kính trọng của kẻ khác còn có thể sống được, chứ mất sự tự tin vào tư cách của mình thì chắc chắn không sống được.

Tôi không thể nói gì với em rẻ, nhưng nhất định tôi phải làm gì giúp em gái. Nếu chồng nó chưa chết, mà em tôi cứ tiếp tục nằm mơ như thế một tuần lễ nữa thì chính nó sẽ chết, điên mà chết. Cho nên vấn đề không phải là cứu một sĩ quan dù – vào lính dù, ai nấy đều chờ đợi lượt mình đổ ngã, cũng như người con gái lấy lính dù đã có phần nào nghĩ mình goá bụa – mà vấn đề là xua đuổi giấc mơ ác nghiệt kia đi. Tôi nghĩ chỉ còn một cách.

- Nghe nói vùng Trương Minh Giảng, Nguyễn Thông có nhà thờ... Đức mẹ Maria thiêng lắm, nhiều người đến nguyện xin đều được thoả mãn... Nhiều người trả lễ bảo vật...

- Em đã đến rồi. Em xin cho nhà em bình yên, em nguyện trả lễ một chiếc cà rá 7 ly.

- Em đến lâu chưa?

- Từ tuần trước.

- Còn ngôi chùa ở Hàng Xanh?

- Em đến rồi. Ông ta bảo nhà em có hạn nặng trong tháng này, nhưng bản mệnh thì vững.

- Thế mà em vẫn không hết!

Duyên chán ngán gật đầu. Bây giờ tôi mới nhận ra mắt nó sâu hoắm xuống, hai gò má nhô cao lên, bắp thịt ở đuôi con mắt trái giật giật. Tôi nắm chặt hai bàn tay run rẩy của em tôi và quyết định.

- Anh giúp em.

Hai mắt em tôi mở lớn, ngạc nhiên nhiều hơn hy vọng. Anh giúp em? Anh giúp ra sao?

- Anh có biết một ông thầy pháp người Tàu, mới trốn từ Trung cộng sang Hồng Kông rồi sang Việt Nam. Ông ta già rồi, có phép thuật giỏi lắm. Anh nói chuyện với ông ta nhiều lần...

- Nhưng anh có biết nói tiếng Tàu đâu!

- à... ông ta nói tiếng Pháp.

- Ông ta là con quý phái, họ Mã... con của tướng Mã Chiếm Sơn, người đầu tiên hạ lệnh kháng Nhật năm 1938 ở Lữ Cầu Kiều. Ông ta còn trẻ có du học ở Ba-lê, ấn Độ...

- A, có thể chứ! Chắc ông ta học phép ở ấn Độ?

- Nhất định! Ông ta đã tu khổ hạnh bà-la-môn trong rừng... à rừng Tu-la-khê-da mười năm, mỗi ngày chỉ uống bốn ly sữa...

- Bốn ly sữa?

- Bốn ly... phải rồi, bốn ly nhỏ bằng ly uống li-cơ.

- A, có thể chứ! Chắc ông ta có nhiều người nhờ. Em không thấy đăng báo?-Ông ta ở trên gác cao, ai có duyên ông ta mới tiếp. Có khi mình đang đi ngoài đường ông ta đã sai người ra mở cửa đón sữa. Mình không nói tên ông ta cũng biết.

- Giỏi quá nhỉ! Ông ta làm thế nào mà biết được?

- ừ, thì thần giao cách cảm mà! Có thể mới đi vào trong mộng mà giúp em được chứ.

- Đi vào trong mộng? Mộng của em?

- Chứ sao! Ông ta giác ngộ sắp thành Phật...

- Sao anh nói ông ta tu t heo bà-la-môn? Bà-la-môn làm gì có Phật?

- Thì... sau đó ông ta bỏ bà-la-môn theo đức Thích ca. Ông ta tịnh khẩu ba mươi năm.

- Ba mươi năm? Bây giờ ông ta còn tịnh khẩu?

- Nhất định! Ông ta nói bằng thần giao cách cảm không? Nói không thành tiếng!

- Sao bảo ông ta nói chuyện tiếng Pháp với anh?

- Thì thần giao cách cảm cũng phải có hình ảnh chứ! Có hình ảnh cũng phải có danh từ, động từ, để diễn tả hình ảnh chứ!

- Phải rồi! Có nhiều cuốn sách về tê-lê pa-ti. Ông ta giỏi thật đó! Ông ta giúp người có lấy tiền không anh?

- Có! Ông ta lấy ba trăm ngàn, đưa trước hai trăm ngàn, một tấm ảnh mới chụp của cô, một tấm ảnh chụp chú mặc đồ trận.

Em tôi có vẻ tin tưởng hơn khi thấy số tiền lớn. Không có ông thầy nào mới lần thứ nhất đã đòi đến hai trăm ngàn. Hai trăm ngàn là giá một chiếc xe 4 ngựa còn mới. Nhưng em gái tôi giàu có. Hai trăm ngàn đủ nhiều nhưng chưa xót ruột.

- Nếu có thấy nhiều quá, anh có thể nói ông ta bớt cho cô.

- Không, chỉ cần ông thiệt giỏi. Thiệt giỏi thì hai trăm cũng đáng.

- Giỏi thì bảo đảm mà.

- Để em gửi anh một cái chi phiếu. Rồi em về nhà lấy ảnh.

Khi em tôi trở lại, tôi đã sẵn sàng. Sẵn sàng một vụ lừa đảo lấy hai trăm ngàn. Thật ra tôi không cần được số tiền, nhưng em tôi cần mất nó. Vì tất cả mọi người, khi thấy nguy hiểm đe dọa đến vợ chồng hay con cái họ, đều thấy cần được tổng cộng vào một thế lực siêu nhiên. Người đàn bà ngày thường sáng suốt và cứng cỏi đến đâu mà sợ mất chồng, mất con, cũng tìm đến thầy bói, thầy ngãi, thầy pháp – ở Việt Nam, Hoa Kỳ hay Liên Xô cũng thế. Em gái tôi cũng thế. Tôi tính số tiền vừa đúng cho nó chú ý, trong sự giàu sang của nó. Nói ít nó coi thường.

Công việc của tôi là làm sao cho em tôi tin tưởng có một sự giúp đỡ vô hình bên cạnh nó. Tôi không có tài cán gì giải thích giấc mộng lạ lùng. Nhưng tôi cố gắng trả lại sự yên ổn cho tâm hồn nó. Một người như em tôi không thể vì cái chết mà bấn loạn thế: nguồn gốc sự kích động là tình trạng bất lực của nó trong giấc mộng.

Mục đích của tôi nhằm làm cho Duyên có cảm tưởng làm được một việc nào đó giúp chồng. Tôi phải giảng giải cho nó nhiều về những giấc mơ mà trong đó không phải chỉ năng lực của thân xác mới có khả năng tác động mà thôi. Nhu cầu sinh lý, cảm quan của trẻ thơ, nếu bị đè nén, có thể ảnh hưởng đến một giấc mơ nào đó. Nhưng không phải chỉ có thế mà thôi. Bởi người ta phải hiểu mình nằm mộng với ký ức của mình, nhưng cũng có khi với ký ức của người khác. Như em tôi thấy cảnh nhảy dù mà chỉ chồng nó biết rõ. Và cũng có thể người ta nằm mộng thấy một hình ảnh không thật sự có trên đời, như có lần, tôi mới lên mười, mơ thấy bị nhiều con vật quái đản đuổi theo để giết: tôi trèo lên mái nhà, ngọn cây, đều bị chúng húc đổ tan tành. Tôi sợ quá mà tỉnh giấc, mồ hôi vã như tắm, tim đập liên hồi, đến mấy đêm sau còn sợ.

Ý tôi muốn nói rằng linh hồn người ta là cả một sự chấp nối phức tạp và lâu dài những xúc cảm và những hình ảnh. Chúng ta gọi đó là những ký ức. Có điều, thiên hạ nói đến ký ức thì chỉ nghĩ đến những xúc cảm và hình ảnh riêng biệt, mà chỉ có ý chí của người ta, lúc tỉnh mới tập hợp lại thành một chuỗi dài có ý nghĩa như một sự kiện, hoặc tiến xa hơn, so sánh nhiều sự kiện để rút ra một kết luận – công việc mà thiên hạ gọi là suy luận. Nói tóm lại, người ta nghĩ về linh hồn như một sự vận động của ký ức, chỉ hiển hiện khi người ta tỉnh táo: mắt mở, tai nghe, mũi ngửi.

Tôi thì tôi nghĩ khác. Người ngủ, hay người chết, có một phần giống nhau là mắt nhắm, miệng ngậm, thân thể ở yên... Nhưng ở người chết thì tim ngừng đập, máu ngừng chảy, khí óc-xy không theo máu luân lưu trong cơ thể, nên mọi bộ phận đều ngừng hoạt động, các giác quan đều nghỉ làm việc và thân xác nguội dần vì năng lực liên lạc không còn cơ sở, tiết dần vào khoảng không. Ở người ngủ thì chỉ có hai con mắt được thật sự nghỉ ngơi, còn tai vẫn nghe, mũi vẫn ngửi, da thịt vẫn xúc cảm – một tiếng động lớn, một mùi thơm gắt, một luồng gió lạnh, có thể làm cho người ngủ tỉnh giấc; tỉnh giấc sau tiếng động, mùi thơm hay luồng gió, mà vẫn có ký ức, dù mơ hồ, về các sự kiện đó – nên có thể nói là một phần linh hồn vẫn ở trong thân thể; đó là giác hồn. Còn một phần có khả năng rời cơ thể, làm một cuộc du hành dài hay ngắn trong không gian. Đó là phần ý thức, vì không có cơ sở giác quan nên không thấy được cảnh vật chung quanh như lúc tỉnh, nhưng ngược lại, anh hồn – tôi gọi phần ý thức này là anh hồn – có thể giao tiếp với anh hồn của một hay nhiều người khác, và, với tư chất ký ức trong khoảng không có thể giao tiếp với khoảng không, là sự tụ họp của anh hồn của tất cả các thế hệ người đã sống. Chính sự giao tiếp đó tạo nên những giấc mơ: mơ kỳ dị, quái đản, mơ không đầu đuôi, cũng có khi mơ thấy cảnh tượng mà trong tương lai, gần hay xa, người nằm mơ sẽ gặp.

Tôi tin có những giấc mơ như vậy, nhưng tôi không tin có một định mệnh an bài. Tôi có cảm tưởng rằng một người tỉnh có thể không có ý muốn này, ý muốn khác – như em tôi không thể có ý muốn thấy chồng gặp nạn chết – nhưng có thể là để đáp lại một phản ứng thầm kín nào trong đáy sâu tâm linh của người đó. Sự giao tiếp giữa anh hồn của hân với khoảng không đã có một kết quả là một vùng năng lực rất lớn được vận dụng để tạo thành sự thật những gì mà người đó thấy trong giấc mơ... Em tôi ngồi yên nghe tôi nói, chỉ hơi cười trong ánh mắt. Tôi biết nó không hiểu, hoặc không, khoảng không đã là “không” thì còn năng lực nào để tạo thành cả một cảnh tượng có thật ngoài đời? Và lại, đã là một cảnh tượng của Định Mệnh thì không có cố gắng nào thay đổi được.

Sự chất vấn của em tôi có lý trong giới hạn hiểu biết thông thường hiện đại. Tôi không cãi mà chỉ kể cho nó nghe – cho nó nhớ lại thì đúng hơn – trường hợp bà vợ tướng De Gaulle nằm mơ bốn đêm liền thấy chồng mình bị bắn chết bởi 3 phát đạn trung liên, khi chiếc xe của ông vừa đi

khỏi một cây cầu nhỏ và một quãng đường vòng cung. De Gaulle nói với vợ: “Bà hãy cầu nguyện cho tôi”. Rồi quên đi. Hai ngày sau ông ta đi một chiếc xe DS.21 có mô-tô hộ tống, theo đường bộ về nhà riêng, cách Ba-lê khoảng 200 cây số. Đoàn xe đi chậm lại để qua cầu, rồi tiếp tục đi chậm trên con đường uốn cong về phía trái. “Uốn cong về phía trái” bà De Gaulle nói như thế, và nói tiếp: “Ông ngồi bên trái”... De Gaulle nhận ra mình ngồi bên trái thật, khác hẳn lệ thường ông ta bao giờ cũng ngồi bên phải. De Gaulle giật mình, một sức mạnh nào đẩy ông ta sang góc xe bên kia, vừa lúc súng nổ, ba viên đạn xuyên qua thành ghế nơi ông ta vừa tựa lưng – một viên khác xuyên thủng vỏ sau xe, nhưng bánh xe thuộc loại không bễ (vì chia làm nhiều ngăn?) nên chỉ mất một phần hơi mà không xẹp: người quân nhân lái xe nhấn mạnh ga thay vì ngừng lại... Kinh nghiệm của gia đình De Gaulle được nhiều báo thuật lại, sau khi ông ta chết. Người sùng đạo tin chắc là nhờ bà vợ thành tâm cầu nguyện mà ông chồng thoát nạn. Nhưng cũng còn nhiều trường hợp khác, mà người ta có thể kể suốt ngày không hết. Điều quan trọng là không tin tưởng một cách mù quáng, nhưng vẫn phải có sự chấp nhận, chấp nhận để không chống đối, kháng cự... kháng cự làm cho tâm hồn tê điếng, chính là nguồn gốc của trạng thái kinh hoàng bất lực của người trong cuộc. Tôi muốn nói, như con thuyền giữa cơn giông tố, chỉ có cách thuận theo chiều gió mới có hy vọng sử dụng đến bánh lái phần nào. Như người không biết bơi lỡ té xuống dòng sông chảy xiết, việc phải làm trước hết là tuyệt đối không vùng vẫy: cứ mặc cho làn nước đưa đi thì tất nhiên cả người sẽ nổi lên mặt sóng.

Tôi muốn bảo em tôi đừng sợ, đừng buồn... nhưng lời nói nào, trong lúc này cũng vô ích. Tôi không thể khuyên nó cầu nguyện, vì, cũng như tôi, nó có nhiều lẽ phải quá trong đầu óc. Bởi thế, tôi đành phải lừa dối nó.

V

Sau đây là bức thư mà Duyên gửi cho tôi từ Đà Lạt.

Anh thân yêu,

Em cứu được nhà em rồi, đáng lẽ đến báo tin mừng cho anh, nhưng nhà em về đến nhà đã gần sáng, mà 8 giờ có máy bay chờ sẵn đưa chúng em lên nghỉ trên này cho nhà em bình tĩnh trở lại, nên em không đến được. Vả lại, em tin chắc ông thầy đã biết hết, và đã kể hết với anh.

...Bây giờ em nghĩ lại, mới thấy thật may mà em đã nghe lời ông, làm hết mọi việc đúng như anh dặn. Em nói thế, anh đừng buồn, tội nghiệp em. Mong anh hiểu cho em... người có đôi chút học vấn, mà bảo em... à, mà thôi, để em thuật lại có đầu đuôi anh mới hiểu cho em nhiều hơn.

...Lúc em ở đằng nhà anh ra về thì đồng hồ đã chỉ 12 giờ. Em sửa soạn đón nhà em về ăn trưa, rồi chờ anh đi ngủ mới bắt đầu tìm kiếm trong mớ kỷ vật bề bộn từ khi thầy mẹ còn sống để lại, mãi gần 2 giờ mới thấy mấy đồng các bằng bạc và chiếc khăn tay của em thời con gái. Mãi hơn 3 giờ nhà em mới đi làm. Em lên lầu mở cửa sổ ngồi chờ. Trong khi chờ, em thấy lối bịch quá. Em băn khoăn mấy lần định bỏ xuống dưới nhà, nhưng không hiểu sao vẫn ngồi yên.

Đúng 4 giờ, ông già cầm xin ăn đi qua. Ông ta ngược nhìn lên em, em làm dấu quyết đúng như anh dặn. Ông ta dừng lại chờ.

Em xuống, mở cửa ra đường, vừa đi vừa đếm nong, thoong, than, thí, hả, hóc... đến thíp thì em dừng bước, chân phải trước, chân trái sau. Ông già ăn xin, quần áo rách, nhưng khá sạch sẽ đưa cho em tờ giấy vẽ bùa và hai đồng các bằng chì. Em nhìn đúng năm 1960 và so đúng hình ông Diệm ngược đầu với bó lúa. Em đưa hai đồng các bạc, em nhớ năm 1927 và 1931, cho ông ta, với chiếc khăn tay.

Em trở lên lầu, ngồi nhìn mãi lá bùa. Em tưởng như không thể nào làm theo lời anh được. Nhưng rồi sau em nghĩ đến nhà em, em nghĩ vợ chồng hy sinh cho nhau đến thế nào còn

được... Em đốt lá bùa vừa thả dần vào ly nước, vừa đọc thần chú, xong em nhắm mắt uống cạn cả ly. Rồi đúng 6 giờ, em đi bộ ra đường, đi bộ đến bến sông, ném thật xa hai đồng các vào đêm tối. Em về đến nhà đã hơn 9 giờ. Nhà em chưa về, nhưng chỉ một lúc sau em được sĩ quan trực ở văn phòng gọi đây nói cho biết nhà em không về: khoảng quá nửa đêm có nhảy tập phản phục kích.

Từ bảy giờ trong lòng em như lửa đốt. Em không sao ngồi yên đứng yên được. Em lên lầu xuống lầu cả mấy chục lần. Mãi hơn 12 giờ em mới đi nằm, nhưng cũng không sao ngủ được. Em vùng dậy mở cửa sổ nhìn ra ngoài trời. Trời trong vắt, có trăng, có sao. Em thấy hơi vững bụng. Nhưng chỉ được một lúc thôi, vì sau đó những đám mây lớn ở đâu kéo đến đầy khắp. Em bắt đầu sợ trở lại. Nhưng em sợ mà không thấy bối rối trong lòng như mấy bữa trước. Em tì tay vào khung cửa, liên miên những hình ảnh cũ: hồi chúng em mới gặp nhau, khi chúng em đi trốn trên sông Thao, hồi nghe tin anh bị bắt... Quá khứ, quá khứ... từng trải bao nhiêu gian nguy, em được hưởng nhiều hạnh phúc mà em không biết. Em cảm động, em muốn cảm ơn, em thấy cần được cầu nguyện. Nhưng không lẽ em cầu nguyện những vị mà ngày thường em không nghĩ tới? Em không làm như thế được... trong lúc khẩn khoản, em chột ngẩng mặt lên trời cao có mây đen vần vũ. Một nửa tâm hồn em bỗng nhiên mở rộng: em cầu nguyện bằng quơ vào khoảng không. Xin đất trời phù hộ. Tiếng em nhỏ và đều, ru em vào giấc ngủ. Giấc mơ quen thuộc lại bắt đầu, nhưng lần này em nghe rõ tiếng em cầu nguyện. Thế là đủ. Em biết sự gì sẽ xảy ra. Em tiếp tục mơ thấy nhà em trên máy bay, lại thấy cái dù mất hai khổ vải... Em thấy rõ ảnh níu một bên dây, kéo hết sức để quân bình chỗ trống. Em theo ảnh rớt xuống đu đưa theo những cơn gió mạnh. Em thấy em yên ổn, bình tĩnh. Em nhận được cành cây sớm hơn mọi bận. Như chỉ chờ có thế thôi, em la hét sức lớn: Anh! Coi chừng! Anh ơi!...". Tiếng em la chưa dứt, em thấy nhà em ngẩng mặt lên thật nhanh, cúi xuống nhìn thật nhanh. Rồi em thấy cả người ảnh như co lại, như bỗng lên và tạt sang bên cạnh. Mũi nhọn của cành cây vút qua xướt ngang vai ảnh...

Em thức giấc, nhận ra mình ngủ quên, gục đầu trên bậu cửa sổ. Em đóng cửa, vào giường ngủ một giấc thật say. Gần 6 giờ nhà em về. Em bình thản, nhưng nhà em tái xanh. Em mở cửa, ảnh ôm chầm lấy em, hôn lên đầu, lên cổ. Trong khi đó thì tay nhà em run run, đầu gối nhà em lập cập. ảnh đi không muốn vững. Về đến nhà, gặp được vợ con rồi, ảnh mới thấy tai nạn vừa qua ghê gớm biết bao. “Thằng phi công nhận nhầm tín hiệu, thả dù cách xa địa điểm hơn 10 cây số, đứng vào khu rừng thưa, bên chủ nghĩa là con sông nhỏ mà thật sâu. Cả tiểu đội chỉ huy chết 8, bị thương 2, trong đó có 6 đứa chết đuối vì đêm tối, dù quần vào người, không thoát ra được”.

Trong số người chết có Trung úy H., bạn thân của nhà em. Trung úy H. mới lấy vợ được một năm có đứa con vừa vặn ngày sinh nhật đầy tuổi tôi: đang vui với bạn bè thì có xe đến gọi đi gấp. Khi nhảy, anh nhảy sau cùng, cách mặt đất còn bốn năm thước thì một cơn gió mạnh đánh tạt dù vào một cây sồi không cao lắm. Nhưng một cành sồi gãy chỉ còn một đoạn dài hơn gang tay, lọt giữa vành mũ và cổ áo, xuyên ngập vào gáy anh, và như cái đinh treo anh lơ lửng, hai chân cách mặt đất hơn một đầu người. Hình như H. không thấy đau, vì anh kêu gọi đủ tên các anh em trong tiểu đội. Anh bảo nhà em đi gọi vợ con anh đến. Nhưng sau đó anh bị mê man. Dưới ánh sáng đèn chiếu của trực thăng cấp cứu, bác sĩ và mọi người không tìm cách nào đưa anh xuống được...

Trung úy H. chết trước khi trời sáng rõ, trước khi trực thăng lớn đưa đủ dụng cụ đến cứu cành cây. Nhà em đã chứng kiến nhiều cái chết nhưng chưa bao giờ ảnh gặp một cái chết phi lý, dữ dội như vậy. Nhất là chính nhà em suýt nữa cũng phải chết một cách tương tự. “Anh không hiểu được. Không hiểu được. Không phải anh tưởng tượng, không phải anh nghĩ đến em – trong giây phút đó, bất cứ ai cũng chỉ nghĩ đến những việc phải làm – nhưng rõ ràng anh nghe tiếng

em gọi anh Anh coi chừng, anh ơi!...”. Anh giật mình ngẩng nhìn, nhưng vội cúi xuống ngay, vừa vịn thoáng trông thấy mũi nhọn từ dưới đâm lên. Anh hết sức đu lên cánh tay phải, văng cả người theo. Anh thoát chết trong gang tấc, chỉ bị móc rách một bên vai áo... “Chỉ rách một bên vai áo!”. Anh ơi, em cảm động và hối hận biết bao vì anh cứu vợ chồng em và em không tin, mà có lúc em định không làm như lời anh dặn. Trong lúc mừng rỡ, em chỉ biết ôm lấy nhà em mà khóc hoài, không sao nín được. Em cũng không sao kể ngay cho nhà em nghe nằm mơ thế nào, và anh giúp em thay đổi giấc mơ thế nào. anh sẽ không tin và em sẽ rất buồn.

Vì thế em nín lặng giữ chặt cái vui của em trong lòng. Cả đến khi nhà em cởi dây tháo giày ra khỏi chân, có hai đồng bạc cắc rơi ra em cũng không nói, mặc cho anh cần nhắc em tin nhằm: “Em giấu tiền vào giày anh thế này, khi nhảy dựng mạnh xuống đất, rúi đồng cắc nằm nghiêng, nó có thể ngấp vào chân anh”. Em rúc đầu vào nách anh để cười một mình. Rồi em khế nhặt hai đồng cắc bạc gửi biếu anh đây, để anh giữ làm kỷ niệm...

Một lần sau cùng, vợ chồng em quyết không bao giờ quên được những ngày vừa qua. Nhà em sau khi nghe em kể chuyện, đồng ý với em rằng hiểu thì không hiểu được đến tận ngọn ngành, nhưng chồng em có thể tin – chúng em rất tin thì đúng hơn – có sự giao tiếp, vay mượn ký ức giữa anh hồn của một người đang ngủ và anh hồn của một hay nhiều người khác. Chồng em tin rằng cái cảnh tượng được tạo ra do ý muốn của một anh hồn có thể được thông báo cho chân không để chân không đào tạo nên cảnh tượng đó trong thực tế. Em không mừng tượng nổi tại sao trong vô thức của em lại có thể có sự gặp nạn của nhà em, nhưng em thành thật tin tưởng rằng nhờ quyền phép của ông thầy và sự chỉ dẫn của anh, và nhờ tình thương yêu của em đối với chồng em, mà em xâm nhập được vào giấc mơ, mà em cất được lời cầu nguyện trong khoảng không, mà giữ được tinh thần tỉnh táo và chủ động để can thiệp cứu nhà em đúng lúc... xưa nay chưa bao giờ có người cố gắng giải thích những giấc mơ báo trước tương lai; người ta gạt phăng đi không tin, hoặc nếu tin thì cho đó là sự hiển hiện của Định Mệnh, mà đã nói đến Định Mệnh thì làm gì có sự thay đổi, sửa chữa được.

Anh là người đầu tiên giải thích những giấc mơ, ông thầy là người đầu tiên đưa người đang sống vào khu vực linh thiêng của chân không và anh hồn, còn em là người đầu tiên thay đổi được giấc mộng của chính mình. Sau một nửa tháng kinh hoàng, anh biết không, hôm nay em hãnh diện không ít!

Em chỉ tiếc có một điều là không tìm được cách nào để kể câu chuyện của em cho mấy người bạn. Mấy lần em định kể, nhưng muốn kể thì phải giải thích, mà em giải thích không được, không lẽ cứ mỗi lần kể lại đời có anh ngồi bên cạnh hay sao? Em gái thân yêu của anh.

Thiếu Duyên

Tái bút – Em vừa tìm thấy trong túi bộ đồ trện của nhà em chiếc khăn tay, còn y nguyên nếp gấp. Kể cũng lạ: không biết ông thầy làm cách nào mà bỏ được nó vào túi nhà em... Cũng như hai đồng bạc cắc, em xem lại đồng niên hiệu 1927, 1931, làm sao vào được giày nhà em mà nằm... Nhưng mà thôi, anh hiểu được cái gì anh hiểu, còn cái mà em thấy, mà em không hiểu nổi, thì em gọi nó là thiêng liêng huyền bí – ở trong sự chuyên chở và bao bọc của Chân Không, như anh thường nói!

VI

Tôi đọc đi đọc lại bức thư của em tôi, cố tìm xem nó có ý định trên cọt gì tôi không. Vì trong tay tôi lúc ấy có đến hai chiếc khăn tay và bốn đồng bạc cắc. Như các bạn đoán biết, sau khi ông bạn già của tôi - ông bạn già trong một chỗ chơi bởi không lấy gì làm sang trọng lắm - đóng vai người ăn mày cầm đổi hai đồng cắc và đưa em tôi lá bùa, lá bùa do tôi vẽ, ông ta đã trả lại cho

tôi cả chiếc khăn tay lẫn hai đồng cúc bạc. Như vậy thì khăn tay nào, bạc cúc nào, mà ai bỏ trong túi, trong giày người lính dù, em rề tôi?
Ờ hay! Có lẽ đâu những điều tôi tưởng bày đặt ra, để trấn an em tôi, đều là thật cả!

Ngày 9 tháng chạp năm Tân Hợi

Khi kết thúc truyện, xin có thêm mấy lời sau:

Thông qua nhiều bạn bè viết văn của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, báo Văn nghệ đã nhiều lần tìm kiếm người thân của ông ở Sài Gòn để xin phép in truyện ngắn Lời nguyện trong không nhưng đều không được, trong khi, nhiều bạn đọc lại có nguyện vọng được biết về sáng tác của ông. Rất có thể sự tìm kiếm của chúng tôi còn chưa hết, nếu vậy rất mong người thân của nhà văn thông cảm, và xin mời đến toà soạn hoặc các văn phòng đại diện của Văn nghệ nhận báo biểu cùng nhuận bút.

Hai bài học từ Nguyễn Mạnh Côn Đỗ Quý Toàn

Dưới đây là một Bài Nói của nhà thơ Đỗ Quý Toàn, trình bày tại Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ đầu tiên, được tổ chức tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn vào năm 1985.

Hôm nay chúng ta tưởng niệm các nhà văn, nhà thơ Việt Nam đã chết vì tranh đấu cho tự do. Chúng tôi xin góp mấy lời, xin thắp thêm một nén hương cho cố văn sĩ Nguyễn Mạnh Côn. Tôi thuộc thế hệ đàn em, ít tuổi hơn nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, đọc Nguyễn Mạnh Côn từ khi còn học ở trường trung học. Lần đầu tiên tôi được đọc anh là trong Tạp chí Chỉ Đạo của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, qua các truyện ngắn. Sau này, tôi hân hạnh được quen biết với anh, gặp anh nhiều lần từ khi tôi bắt đầu viết văn, làm báo. Chiều nay, chúng ta vừa mới nghe thi sĩ Viên Linh nói về các nhà văn đời xưa, trong đó vai trò của nhà văn và vai trò của người sĩ phu luôn luôn đi đôi với nhau. Khi nghĩ đến Nguyễn Mạnh Côn, chúng ta có thể nói rằng anh đã đóng đúng cả hai vai trò đó. Riêng chúng tôi nghĩ anh không có ý định làm một nhà văn, nếu anh trở thành một nhà văn là do sự lựa chọn để thực hiện một lý tưởng của một sĩ phu lo lắng cho vận nước, lo lắng cho dân tộc. Hoài bão của anh là muốn giúp ích cho cá nhân loại.

Anh Nguyễn Mạnh Côn đã có một thời kỳ sinh hoạt chính trị. Theo hồi ký anh viết lại khi toàn quốc có cuộc kháng chiến vào năm 1945-46, anh là một chiến sĩ ở trong những đoàn thể quốc gia với ý chí chống Pháp. Khi cộng sản chiếm chính quyền Việt Nam thì nhân cái đà cách mạng của dân tộc Việt, cộng sản đã tìm cách chiếm hết quyền ở trong tay mình. Có lúc vì cần thỏa hiệp với sức mạnh của nước ngoài, cộng sản đã mời một số các chiến sĩ quốc gia tham dự vào chính quyền. Anh Nguyễn Mạnh Côn đã được coi như là một chiến sĩ quốc gia để trở thành một dân biểu ở trong Quốc Hội đầu tiên của nước Việt Nam. Anh là một đại diện đảng phái quốc gia trong Quốc Hội đó. Vì vậy lúc cộng sản càng ngày càng thao túng chánh quyền, nhất là khi chiến tranh xảy ra, anh Nguyễn Mạnh Côn có thể bị cộng sản sát hại, do đó anh phải trốn đi.

Đọc Nguyễn Mạnh Côn chúng tôi có cảm tưởng là anh trở thành một nhà văn vì anh muốn thực hiện cái lý tưởng của mình. Nếu anh có con đường khác thì chắc anh không cần trở thành một nhà văn. Cái lý tưởng đó, chúng ta đọc lại trong những tác phẩm của anh sẽ thấy.

Thứ nhất là mối quan tâm đối với vận mệnh đất nước. Anh là người luôn luôn lo âu đến khí thế miền Nam VN là làm cách nào để chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản miền Bắc. Các tác phẩm của anh không ngớt nói đến cái họa của cộng sản, và anh luôn luôn đề cao khí thế hào hùng của dân tộc. Anh là người thiết tha với vận mệnh dân tộc đất nước. Anh cũng được xếp vào thể hệ của các nhà văn hóa luôn luôn nghĩ rằng mình có sứ mạng phải giúp cho nhân loại nữa. Giống như các nhà văn hóa khác như cụ Hồ Hữu Tường, cụ Nguyễn Đức Quỳnh, Nguyễn Mạnh Côn là một trong những người ở miền Nam gọi là "*lý thuyết gia lớn*". Họ nghĩ rằng một khi dân tộc Việt Nam thoát khỏi cái khổ (*khi giải thoát được Việt Nam khỏi nạn cộng sản*) thì chắc chắn con đường đó cũng sẽ mang hạnh phúc ấm no tới cho nhân loại. Chúng tôi đã được tiếp xúc với anh và thấy anh cùng chia xẻ mối lo âu đó với những nhà văn khác như Nguyễn Đức Quỳnh, Hồ Hữu Tường và sau này là Lý Đại Nguyên.

Chúng tôi thường tới thăm anh trong khu Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận. Anh tiếp chúng tôi trên cái gác lửng hơi tối tăm. Anh bàn tất cả những chuyện của loài người, từ lý thuyết nọ đến lý thuyết kia, anh nghĩ cái này có khuyết điểm, cái kia có khuyết điểm. Kết quả là anh cũng như những nhà văn hóa đã nhắc ở trên, có một giác ngộ: nếu mình rút tất cả những kinh nghiệm đau thương của dân tộc Việt Nam, có thể tìm đường cho Việt Nam sống an vui, hạnh phúc trong dân chủ và tự do, thì chắc chắn qua con đường đó, cả nhân loại cũng được hưởng an vui, hạnh phúc.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn có một trí thông minh rất đặc biệt, tuy rằng anh sinh vào thời chiến tranh, không hưởng được nền học vấn có tính cách chính thức trên ghế nhà trường. Nhưng trí óc thông minh của anh rất bén nhọn, anh quan tâm đến tất cả mọi vấn đề trong phạm vi trí thức của nhân loại.

Tôi nhớ có một lần khi Bộ Giáo Dục cải tổ chương trình Trung học và thay thế các môn toán cũ bằng các môn toán mới, thì có một bữa tôi tới thăm anh. Anh say sưa bàn về một chuyện là làm sao dạy cho các trẻ em lý thuyết về tập hợp. Anh là người không bao giờ học chính thức về môn toán cả và khi anh viết về khoa học thì anh mới tìm đọc ngẫu nhiên mọi thứ. Anh quan tâm cả đến chuyện làm thế nào cải tổ chương trình toán nhưng mà dạy được trẻ em cái lý thuyết trừu tượng như là lý thuyết về tập hợp. Trong căn gác xếp ở Phú Nhuận, đầu óc Nguyễn Mạnh Côn nghĩ đến chuyện thế giới, nghĩ đến tất cả những vấn đề lớn lao của nhân loại.

Sau 1975, như quý vị được biết thì anh Nguyễn Mạnh Côn đã bị cộng sản bắt bỏ tù vào trại học tập, và bị biệt giam.

Khi chúng tôi sống ở nước ngoài nghe tin anh Nguyễn Mạnh Côn bị tù, chúng tôi hết sức lo lắng, nghĩ rằng con người như anh, yếu đuối như vậy, nếu cộng sản nó tra tấn, nó dọa dẫm, thì làm sao anh chịu nổi. Nhưng lúc chúng tôi gặp những anh em văn nghệ sĩ ở miền Nam trốn thoát ra, thí dụ như anh Mai Thảo, anh Trần Cao Lĩnh v.v... hay những nhà báo như anh Lê Thiệp, chúng tôi hỏi thăm các nhà văn bị bắt thì tất cả mọi người đều nói rằng anh em rất là vững vàng mà tiêu biểu nhất là các anh Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ và một người đã quá cố là anh Nguyễn Mạnh Côn.

Hôm nay chúng ta tưởng niệm các nhà văn từ trần vì tù đầy cộng sản, ước mong rằng chúng ta cố gắng gìn giữ cái truyền thống đó.

Ở anh Nguyễn Mạnh Côn, chúng tôi thấy có hai bài học có thể rút ra được: thứ nhất mối quan tâm của các nhà văn hóa. Nhà văn hóa không những chỉ là người làm công việc thỏa thích ý riêng của mình, nhưng nhà văn hóa luôn luôn là một sĩ phu có cái mối lo cho đất nước, cho dân tộc và loài người.

Bài học thứ hai mà chúng tôi ước mong thế hệ chúng tôi có thể học được là giữ được tấm lòng ngay thẳng và bất khuất, lúc giàu sang không trở thành sa hoa, mà lúc gặp võ lực ép buộc cũng không bị khuất phục.

(Nguồn: Khởi Hành số 20, Tháng 6-1998)

Vĩnh quyết Nhất Linh

Ngày 8-7

Sáng hôm nay, khoảng 9 giờ, tôi qua thăm toà soạn nhật báo *Dân Việt*, để cảm ơn việc đăng cáo phó, cảm ơn vừa qua. Mới thoát bước qua cửa tôi đã thấy nét mặt anh Chu Tử có vẻ gì là lạ. Dzoãn Bình từ bên nhà chữ chạy sang, kêu to:

"Anh biết gì không? Anh biết gì không? Anh Nhất Linh mất rồi!"

Dzoãn Bình còn trẻ, nói to. Bình có lẽ còn nói gì nữa. Nhưng có thể Bình không nói thêm câu nào. Vì căn phòng nhỏ hẹp của toà soạn *Dân Việt* tự nhiên thấy rộng thêm ra. Căn phòng rộng đến đâu, tôi không có ý niệm đến hẳn đâu. Nhưng tiếng máy chạy bên kia tường không còn rung trên nền gạch. Trong không gian hình như có sự đổi khác, như một cái gì đang vận động bỗng ngừng lại. Tôi có cảm giác có ai đã muốn nói gì lại thôi. Hay một giọt những đọng trên cửa kính có thể bò xuống nữa, có thể đứng yên, rồi khô cạn ngay ở giữa con đường dốc. Nhưng giọt nước chưa cạn mà không chảy trên tấm kính đứng thẳng thì thật vô lý. Tôi muốn phản đối sự vô lý ấy. Giọt nước bỗng vỡ ra, nhiều giọt nhỏ bắn sang chung quanh. Im lặng, xa xôi trên tấm kính ngay trước mặt. Thế là hết.

Gió ở đâu lạnh lạnh trong áo sơ-mi. Cơn sốt hôm qua vánh vất muốn trở lại. Tôi đứng dậy quên chào anh em, bước ra cửa. Bên ngoài toà báo nắng còn xiên trên con đường vắng. Phía cuối đường, xe chạy nhộn nhịp trên đại lộ Lê Văn Duyệt. Tôi thần thờ không biết nên đi về phía nào. Cảm giác rõ rệt như có vật chường ngại chắn ngang lối đi, một cái hố sâu chẳng hạn. Phía bên trái lại khác hẳn. Không gian hình như có từng lớp một, có ngăn cách nhưng có nối tiếp. Cảm thông hay ảo ảnh, chưa chừng.

Ngày 9-7

Tôi mặc áo ngoài, thắt cà-vạt đen. Băng đen trên tay áo. Đã lâu lắm không được gặp, tôi đi tìm Nhất Linh.

Chiếc xe Vespa vòng phía sau bệnh viện Đồn Đất. Đường vắng. Không thấy bóng một công an viên hay nhân viên mật vụ nào. Người ta bảo tôi, từ sáng, rằng lực lượng an ninh bao vây kín khu vực Nhà xác của bệnh viện. Tôi cũng nghĩ có thể như thế lắm, nên tôi đã để ý tìm những người đứng không, những người ngồi xồm trên vỉa hè, hay bán hàng trên con đường vắng. Nhưng con đường quả thật vắng tanh. Cổng nhà xác sơn màu vàng nhạt đóng kín. Chúng tôi đập cửa. Im lặng. Nhìn quanh quẩn, không có ai để hỏi thăm. Tôi nhìn Đỗ Tồn. Anh lắc đầu:

"Có lẽ chưa! Hay ta xuống dưới nhà?"

Tôi lưỡng lự, chỉ vòng tay ra phía trước. Chúng tôi đến cổng lớn bệnh viện. Đỗ Tồn gửi xe, tôi lại gần hỏi người gác:

"Thưa ông, di hài ông Nguyễn Tường Tam có còn ở đây không?"

Người gác gật đầu, nâng chiếc cần chắn ngang cổng. Chúng tôi bước vào, đi băng khuâng giữa những dải tóc tiên, dưới vòm cây. Không khí êm ả có chút gì khác với không khí ngoài đường phố. Qua phía trước nhà thờ. Có ánh nến lung linh dưới bóng cây thánh giá. Đỗ Tấn gạt nhẹ tay về tay phải. Đường dốc xuống lượn sang tay trái. Có lẽ chúng tôi đang đi phía sau căn nhà bếp nên thoáng có mùi thơm thịt nướng. Chung quanh chúng tôi hoàn toàn không có bóng người. Nhà xác, phía dưới sân, cũng im lặng. Bên trong hai cánh cửa mở rộng có chiếc bàn không để giấy tờ...

Tôi quay lại nhìn Đỗ Tấn. Anh gật đầu. Phải, anh Tam nằm trong đó.

Chúng tôi quay quanh, tìm kiếm. Phía đối diện với nhà xác có một cảnh sát viên ngồi với một thanh niên mặc bộ đồ lao động cũ kỹ. Họ không có vẻ gì để ý đến chúng tôi, và tiếp tục nói chuyện dưới mái hiên lợp tôn rộng.

Tôi bước vào hiên, tự trong lòng thấy bực bội, tiếng nói gắt gỏng vô cớ:

"Ai gác phòng lạnh ở đây? Tôi cần vào xem thi hài ông Nguyễn Tường Tam!"

Một trong hai người, người công nhân đứng lên, một tay gãi gáy, tay kia đu đưa:

"Dạ, ảnh mới đi khỏi."

Tôi buông thông, hách dịch:

"Đi kêu!"

Người công nhân líu ríu quay đi ngay. Người gác đã trở lại. Chắc anh công nhân có nói thế nào nên ông ta chạy thật vội, chiếc "kết" có vòng đồ bật giữa trên đầu. Ông ta đến chỗ tôi:

"Thưa ông cho gọi tôi?"

Tiếng nói của miền trung châu Bắc Việt. Anh Nhất Linh người huyện Cẩm Giàng. Tôi biết khó có thể giữ giọng cấp trên, bèn đầu dụi:

"Chúng tôi muốn phiền ông cho vào thăm di hài ông Nguyễn Tường Tam."

Người gác đưa chúng tôi ra buồng ngoài, đến trước cánh cửa trong, lấy sức rút chiếc then ngang. Cửa mở. Tôi thoáng có ý nghĩ thật nhanh: mồ hôi, lạnh, cảm... Nhưng luồng gió tê tái đã ủa vào người tôi. Tôi rùng mình, sồn gai ốc khắp thân thể. Tôi muốn lùi ra, nhưng chân cứ bước vào. Tiếng máy chạy ù ù, hai hàng giường sắt chòng đỏi, dọc đỏi, sơn màu tiếng. Tất cả giống như căn phòng ướp món ăn tươi dưới một chiếc tàu chiến của Mỹ.

Một cảm giác uất ức tràn vào tâm hồn tôi vì một thoáng so sánh cái tinh anh thanh cao của Nhất Linh với một không khí kỹ thuật tàn nhẫn, độc ác.

Người gác bước mấy bước về phía tay phải. Ông ta đến bên cạnh một cuộn vải dường như gài gần hết ngăn giường dưới. Ông ta giơ tay chỉ. Bấy giờ tôi mới hiểu. Tôi đến gần, tìm đầu mối tấm vải. Nhưng người gác nhanh hơn, đã nâng góc chắn phủ mặt lên. Một chiếc sáo tre định rơi xuống đất. Tôi bước vội đến đỡ lấy.

Anh Nhất Linh nằm đây, hai mắt nhắm. Về thao thức và bồn chồn tìm kiếm ở đôi mắt anh không còn nữa. Mũi anh cũng có vẻ ngắn hơn trước, bộ ria mép thưa hơn. Miệng anh hé mở như có điều gì muốn căn dặn. Vàng trán rộng xuôi xuống mái tóc đã rụng nhiều. Nét mặt anh, quái lạ, có vẻ tươi hơn ngày anh còn sống.

Tôi để tay lên mép giường, định luôn dưới chân tìm tay anh mà từ biệt. Nhưng người gác ra hiệu không nghe. Bàn tay tôi co đặt lên ngực anh, nằm ngang trên chiếc áo. Ông tre và mặt vải lạnh buốt. Tôi vẫn tự phụ có sức sống thiết tha đọng trong lòng tay, có thể truyền cho người đau nặng. Ý nghĩ ngông cuồng của tôi lúc ấy là truyền sức sống cho người chết. Nhưng khí lạnh áp vào bàn tay tôi dần hơi nóng lên cổ tay, cả năm ngón như đóng băng tê dại.

Tôi bàng hoàng rút tay lại. Chiếc áo tre rơi đánh cạch xuống mép giường sắt. Tiếng động khô ngắt làm cho căn phòng có vẻ yên lặng hơn lên. Tiếng quá khứ vang dậy: tiếng *demi botte* của Mỹ, đế cao-su đúc, đi trên sàn gỗ nặng chình chịch. Tôi nhớ lại một hình ảnh qua đã lâu mà vẫn còn quen thuộc. Hình ảnh một buổi họp của các cấp luận điệu Mặt trận Quốc gia, cách đây 18 năm. Hai người ngồi xử tội hai người. Kết quả nguy hiểm trông thấy. Nhưng vị lãnh tụ thứ ba vừa mới đến. Người mới đến mặc binh phục *kaki* có yếm bịt kín ngực. Dáng điệu thông thả, hiền lành, không có vẻ gì là võ tướng. Người mới đến ngồi xuống. Cuộc thảo luận tiếp tục, bằng tiếng phổ thông. Tôi không hiểu gì cả. Một lúc sau người đó đứng lên, bắt tay tôi rồi ra khỏi phòng. Cụ Nguyễn hỏi tôi: “Anh có biết ai đây không? Ông Nguyễn Tường Tam đấy! Ông ấy bảo không được phép giữ anh, vì anh là đại biểu Quốc hội”.

Quá khứ đến năm nay là mười tám năm. Mười tám năm trước, anh không biết tôi là ai, ngoài danh nghĩa đoàn thể mà tôi là đại biểu. Tôi gây chuyện đổ vỡ, tính mạng chỉ còn treo trên sợi tóc. May mà anh đến vừa đúng lúc. Hồi bấy giờ đảng lớn mới thống nhất lực lượng, cùng đồng ý bỏ hai chữ trên chia rẽ, giữ ba chữ dưới hợp quần¹, cùng đồng ý bầu anh làm Bí thư trưởng, nghĩa là làm lãnh tụ. Anh được bầu vì uy tín anh to lớn, đại biểu các đảng bạn quý trọng anh hơn hết. Nhưng việc bầu bán xong rồi, ông Vũ Hồng Khanh cậy có quân lực mạnh, các đảng khác đều phải nhờ bảo vệ, nên nhất định không trao quyền thực tế. Nhưng dù sao, trước mặt cụ Nguyễn Hải Thần, anh vẫn có quyền. Anh không cho phép bắt tôi, họ Vũ không dám công nhiên kháng cự.

Mười tám năm qua rồi. Bao giờ tôi đã nhiều tuổi hơn anh hồi ấy. Có lẽ tôi còn lẫn lóc nhiều hơn, còn chịu đựng nhiều hơn. Nhưng ba năm trước, tôi đến thăm anh, đưa tặng anh cuốn *Đem tâm tình viết lịch sử*, anh đọc mấy câu tôi viết còn mỉm cười nhớ lại quá khứ.

Thế rồi thôi. Từ ba năm về đây, tôi đau yếu luôn và nghe nói anh cũng không được yên, không được mạnh. Vì thế nên muốn đến thăm anh lại lần chần hôm nay để ngày mai. Đến tối thứ sáu tuần trước, luật sư Dương Kiên đến tìm tôi, hỏi tài liệu về quá khứ của anh.

Theo lời Dương Kiên, các đồng chí của anh đều nhận có hoạt động chống đối (hay đánh đổ?) chính phủ. Các đồng chí của anh đều chỉ anh là người lãnh đạo. Nhưng chính anh lại không nhận. Tôi hỏi thêm, được Dương Kiên cho biết những người kia không những nhận ở công an mà còn nhận cả ở dự thẩm, và có lẽ ra toà cũng vẫn giữ lời khai. Dương Kiên có vẻ lo buồn nhiều, vì không đoán được anh ra toà sẽ giữ thái độ thế nào để uy tín anh được trọn vẹn mà không thiệt hại cho các đồng chí của anh. Anh có thể nhận cho họ được nhẹ tội. Vào trường hợp này, luật sư thật khó biện hộ cho anh. Anh có thể phải gánh chịu một hậu quả nặng cho tuổi tác và sức khoẻ của anh. Nhưng nếu ngược lại, anh phủ nhận lời khai của các đồng chí của anh, thì uy tín của nhóm anh sẽ ra sao?

Dương Kiên cho rằng chỉ còn có một phương pháp là tìm lấy rất nhiều tài liệu về cuộc đời tận tụy tranh đấu cho dân tộc của anh, để chứng minh rằng sở dĩ nước Việt Nam ngày nay có được một chính quyền độc lập, với đầy đủ chủ quyền, thì bất cứ ai cũng không được phép phủ nhận công lao to tát của anh. Dương Kiên định không xin khoan hồng, mà còn đòi toà án phải cú đầu trước một nhà đại ái quốc, một vị anh hùng dân tộc. Tôi thấy Dương Kiên nghĩ rất đúng, nên tôi hứa đi tìm Đỗ Tố, đồng chí và cán bộ của anh từ đạo trốn sang Tàu lần thứ nhất. Nhưng không kịp.

Tôi không ngần ngại mà nhận rằng, đối với tôi, anh vẫn còn là vị thiên thần mà tôi chiêm ngưỡng hồi còn niên thiếu. Tinh thần khai sáng và đức độ chân phương của anh nâng anh lên hàng cha, mẹ của tôi. Nhưng tính tự ái ngông cuồng của tuổi trẻ xui khiến tôi tìm một khía cạnh nào của cuộc đời anh để hạ giá thần tượng. Tôi không chấp nhận sự ngay thẳng mà anh dùng để đối phó với các lực lượng đối thủ. Tôi cũng không chịu đi vào con đường không có lối thoát. Tôi thêm có cái uy tín của anh để xuống đường, để làm việc này việc nọ. Tôi nghĩ "Giá mình được như anh Nhất Linh, mình sẽ gần gũi hơn với bọn trẻ. Mình sẽ nói với họ về cuộc đời của mình. Không! Mình không cần phải thúc giục họ chống lại hay đánh đổ bất cứ ai. Mình chỉ cần làm gương... Rồi sẽ có một ngày, mình chỉ nói một lần là đủ!

Nghĩ như thế, tôi có ý trách anh lia xa tuổi trẻ đang muốn thấy ở anh một ngọn đuốc soi đường. Tôi có ý trách anh không tham gia cuộc chiến đấu, dù ở về bất cứ phe nào. Nhưng bây giờ anh nằm đây rồi, và như thế cũng xong. Cơn giông tố đã lắng xuống. Nét mặt anh bảo tôi rằng anh đã tha thứ cho hết thảy mọi người bạn, mọi đứa em làm lỗi. Nét mặt anh bình thản, đôi môi hé mở còn có vẻ bao dung hơn. Tôi nghiêng đầu, nhìn kỹ anh một lần cuối. Bao nhiêu câu từ biệt rất văn chương tôi định nói với anh đều có vẻ vô nghĩa. Tôi muốn tìm một ý tưởng có thể gọi là sâu sắc để đánh dấu sự vĩnh quyết một ân nhân, một thầy học, một trường huynh...

Nhưng đầu óc tôi thật quả rỗng không trong khi tôi chậm chậm xoay người ra phía cửa. Bao nhiêu sợi dây thần kinh nhạy cảm của tôi đã chết lạng đi hết cả. Rỗng trong đầu, rỗng trong tim, tôi ra khỏi phạm vi bệnh viện lúc nào cũng không để ý.

Từ bệnh viện, chúng tôi đến chợ An Đông. Cửa nhà dưới mở rộng. Nhiều bà, nhiều cô đang cắt khăn, may áo trên tấm ngựa kê sát tường. Hai chiếc bàn quay đầu vào nhau thành thước thợ, phía bên này có mấy cụ già, phía bên kia: Duy Lam, Nguyễn Ngu Í.

Nguyễn Ngu Í đến thăm, còn Duy Lam gọi anh Nhất Linh là Cậu (anh mẹ) ruột. Duy Lam cũng là sản phẩm của Nhất Linh. Sản phẩm lớn lên, muốn vượt khỏi cương tỏa của con đường cổ điển. Nhất Linh giới thiệu Duy Lam như một Dostoievsky. Lời giới thiệu có lẽ đi hơi xa quá, vì Duy Lam còn phải dọ dẫm nhiều để tìm thấy một con đường mới, xứng đáng với Tự Lực Văn Đoàn.

Nhưng lời giới thiệu, đầy ắp một sự gửi gắm tha thiết, đủ chứng tỏ Nhất Linh đã thấy rõ nhóm *Đời Nay* cần phải được tiếp tục, tiếp tục công việc mở đường, bằng những khí cụ mới mẻ hơn, thích hợp hơn với thời đại nhiều bối rối hơn suy tư, nhiều thú tính hơn tình cảm. Tâm hồn Nhất Linh đặt vào truyện thăng cu Tý đánh lừa con lợn, truyện Thanh – Ngọc nằm bên nhau suốt một đêm mưa... chỉ còn là những nét đẹp tuyệt nhưng xa vời. Người thầy học đánh lạc mất bầu trời quá trẻ. Là nghệ sĩ anh không buồn sao được!

Tôi ngồi xuống cạnh Duy Lam, trao đổi vài ý nghĩ vụn vặt. Duy Lam nhìn thẳng vào khoảng không, lộ rõ vẻ chiến sĩ. Nhưng tôi không tin những tin tức về một sự tàn bạo một chiều và không cần thiết. Tôi có thói quen hay lý luận, hay đem những nền nếp tâm lý quen thuộc để chứng minh hay phủ định những lời đồn đại. Tôi cũng có tinh thần quốc gia cực đoan nên hay

bệnh vực người mình chống những áp bức của người ngoại quốc. Có lẽ có phần nào suy tư ảnh hưởng của dòng máu của cha tôi là một cựu công chức ngạch cai trị, tôi không tin ở những lời hô hào của các chính khác, mà tin ở sự khôn ngoan của những nhà hành chính lão luyện. Tôi không tin ở cách mạng, nếu cách mạng không có lý thuyết. Đời sống một dân tộc khó có thể thay đổi nhờ phép lạ như trong truyện thần tiên... Tôi muốn kéo câu chuyện về phía văn nghệ. Cuộc đời của Nhất Linh tuy có phần làm cách mạng, chống áp bức đế quốc. Nhưng tôi tiếp tục nghĩ như vậy, sự nghiệp quý giá vô hạn của anh là sự nghiệp mở đường cho thế hệ chúng tôi có căn bản, và thế hệ Duy Lam có thể vươn lên mà không bị đứt liên lạc với gốc tích.

Phải nhiều đời mới có một Nhất Linh thành lập nổi một văn đoàn *Tự lực*, nuôi sống – về tinh thần – được hai tờ *Phong hoá*, *Ngày nay*. Tôi muốn giữ hình ảnh của Nhất Linh văn nghệ sĩ.

Tôi định nói với Duy Lam như thế. Nhưng Thiết, rồi Nghị đã về. Tôi đứng lên chào mà không chia buồn. Chị Nhất Linh cũng từ trên gác xuống. Chị vốn đã gầy, chiều hôm nay tôi tưởng chị hốt nhiên già thêm mười tuổi. Chị khổ tâm nói không thành lời. Tôi cúi đầu, áp ứng một câu khách sáo. Những người thân yêu, dù quý trọng văn nghiệp của anh đến đâu vẫn không quý bằng con người bắt đầu vắng bóng. Tôi nhìn Nghị và Thiết, hai anh em đều có con mắt sâu thẳm mà thao thức vô cùng của bậc thân sinh ra họ. Nhất là Nghị lại càng giống anh Tam lắm lắm.

Tôi ngồi lâu rồi đứng dậy xin về. Mắt đóng đinh vào mắt tôi, Nghị nói:

"Ba tôi quý anh lắm, thường nhắc đến anh luôn..."

Tôi đợi nghe hết câu, quay ra xe, trèo lên yên sau. Chiếc Vespa phóng như tên dưới những giọt mưa lác đác. Cơn lạnh tôi đã quên được một lúc lâu lại trở lại, buốt trong người nhưng nóng rực ở tay chân. Tôi phải cố nghĩ đến một việc quan trọng nào đó cho quên cái rét, rồi thờ từng hơi dài để điều hoà nhịp đập của quả tim.

Tôi nghĩ đến anh Nhất Linh. Tôi nhớ ra rằng anh đã mất. Ba năm không được gặp anh rồi. Mà anh nhắc đến tôi luôn. Cố nhiên anh không biết gì về con người của tôi. Vậy anh đã theo dõi tôi về văn nghệ. Tôi đoán mà biết anh còn nhắc đến nhiều anh em khác. Tấm lòng chân thành đối với nền tương lai văn học của chúng ta khiến cho anh tha thứ cho chúng tôi những hỗn xược, những ghê lạnh hay quên lãng. Có thể vì chúng tôi ngu xuẩn hay chủ quan, nhưng cũng có thể vì, đến với anh, dù sao chúng tôi cũng không thể tự nhiên như đối với nhiều anh khác có khi còn nhiều tuổi hơn anh.

Đối với chúng tôi như cỏ non, anh rõ rệt là cây đại thụ. Cây đại thụ đã cần cỗi dần dần. Để một cơn giông nhỏ cũng làm được cho cây bật gốc. Đám cỏ non chói nắng, xót thương. Giọt nước mắt không thành hình len xuống đau trong sống mũi. Buổi chiều vừa qua, đứng trong phòng lạnh, ngay trước khi người gác mở góc tấm dờng bầu, tôi không ngờ còn có lúc, tuổi đã nhiều rồi, còn lạc giọng nói thầm:

"Anh Nhất Linh! Anh Nhất Linh! Vĩnh biệt."

Môi thắm nửa đời Hoàng Hải Thủy

*Mong Đem Tâm Tinh Viết Lịch Sử
Hòa Bình chưa kịp Nghĩ,
Đi tù,
Ba Lính Nhảy Dù còn Lâm Nạn
Huống gì mỗi thân Kỳ Hoa Tử.*

Đó là thơ Phan Nhật Nam làm về Nhà Văn Nguyễn Mạnh Côn. Một trong những tác phẩm đầu tay của anh NM Côn — viết năm 1956, 1957 — là Đem Tâm Tinh Viết Lịch Sử, ghi lại những cảm nghĩ của anh về tình hình chính trị đất nước từ những năm 1945 đến năm 1954; sau Hiệp Định Paris năm 1972 anh viết Hòa Bình Nghĩ Gì? Làm Gì? Tác phẩm này được tái bản tại Hoa Kỳ. Anh Côn là tác giả những truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn, Kỳ Hoa Tử, Tình Cao Thượng, Mối Tình Màu Hoa Đào. Tháng Ba 1976 anh bị bắt trong đợt bọ VC khủng bố văn nghệ sĩ Sài Gòn.

Năm 1977 khi vào sà-lim Nhà Giam Số 4 Phan đăng Lưu tôi nhìn thấy anh Côn ở Phòng Tập Thể 1 Khu B nhà giam này. Vài ngày sau là ngày chủ nhật, tôi ở sà-lim nhìn qua cửa gió ra sân thấy anh, và những bạn tù phòng anh, được cai tù cho ra ngồi phơi nắng ở trước cửa phòng giam, rồi anh Côn bị đưa lên Trại Lao Động Cải Tạo Xuyên Mộc. Cuối năm 1979 trở về mái nhà xưa, tôi được tin anh đã chết trên Trại Xuyên Mộc. Nghe anh em tù Xuyên Mộc kể người tù Nguyễn Mạnh Côn tự cho án tù của anh là ba năm, đã ở tù đủ ba năm, anh đòi bọn VC phải cho anh ra tù. Không được, anh tuyệt thực. Học mót thủ đoạn đàn áp tù nhân của bọn đàn anh Nga Cộng, Tàu Cộng, bọn Cai Tù Việt Cộng đối xử với người tù dám tuyệt thực để phản kháng hết sức ác độc, dã man. Để cho những người tù khác kinh sợ chúng lập tức giam riêng và không cho người tù tuyệt thực uống nước đến chết. Người ta có thể nhịn ăn mà không thể nhịn uống, người ta có thể nhịn ăn đến lả đi và chết nhưng không thể chịu được khát. Bọn Cai tù VC Xuyên Mộc đã nhẫn tâm bắt người tù Nguyễn Mạnh Côn phải chết khát và chúng lấy làm khoái chí, thích thú, kiêu hãnh với việc làm man rợ của chúng. Anh Nguyễn Mạnh Côn là văn nghệ sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã chết vì tuyệt thực trong tù để phản đối chính sách tù đầy dã man của chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Bánh xe lăn tử muộn màng — đúng ra là “bánh xe tị nạn” — đưa tôi sang Mỹ cuối năm 1994, khi ấy Duyên Anh sống ở bên Pháp. Nhưng mãi đến những năm 2000, sau khi Duyên Anh đã qua đời, tôi mới đọc mấy văn phẩm DA viết và cho in ở nước ngoài: Nhà Tù, Trại Tập Trung, Ngược Dòng Chữ Nghĩa, Quán Trọ Trước Cổng Thiên Đường ... vv..

Trên một trang của những văn phẩm đó Duyên Anh viết: “..Thời ấy, Hoàng Hải Thủy là ông vua không ngai của nhật báo Ngôn Luận...!” Chưa bao giờ tôi có ý nghĩ tôi là “ông vua không ngai” của bất cứ tờ báo nào, tôi biết thân phận tôi: tôi chỉ là anh làm công, nhờ có chút tài còm, và lòng yêu nghề, tôi làm được việc, việc tôi làm xứng đáng với đồng tiền những ông bà chủ báo chi cho tôi, nên tôi được các ông bà ấy nể trọng đôi chút. Trong nhiều năm Duyên Anh và tôi giao du với nhau, khá thân, chẳng bao giờ DA nói xa gần đến chuyện có thời tôi là “ông vua không ngai” của nhật báo Ngôn Luận. Sau cuộc biển dâu trập trùng oan nghiệt, sau những năm tháng đàng đẵng tội tù, đến những ngày cuối đời sống lưu vong ở xứ người, đọc lời người bạn nhận xét về mình, tôi thấy quả thật có một thời gian mấy năm tôi được trọng dụng ở nhật báo Ngôn Luận. Không phải tự nhiên hay vì cảm tình mà ông Hồ Anh, chủ báo Ngôn Luận, trọng dụng tôi, ông dùng tôi vì tôi viết ăn khách, vì truyện tôi đăng trên báo ông có người đọc. Vì vậy ông để tôi viết tiểu thuyết phóng tác ở trang trong, viết phóng sự tếu ở trang nhất. Tôi đã viết

những tiểu thuyết phóng tác hay nhất của tôi trên nhật báo Ngôn Luận: “Chiếc Hôn Tử Biệt, Như Chuyện Thần Tiên, Kiều Giang, Đình Gió Hú, Đi Tìm Người Yêu, Bóng Người Áo Trắng..vv”, và ở trang nhất nhật báo Ngôn Luận tôi viết những phóng sự Tây Đục, Tây Cái — sau đổi là Ông Tây, Bà Đằm theo yêu cầu của Bộ Thông Tin, nhân viên Bộ Thông Tin thời ông Bộ Trưởng Trần Chánh Thành nói với ông chủ nhiệm Ngôn Luận: “Gọi người Pháp bằng cái tên Đục, Cái.. hạ giá người ta quá, nghe không được, không nên.” — và những cái gọi là phóng sự Yêu Tì, Bà Lớn vv.. Trong 20 năm làm báo ở Sài Gòn — từ 1954 đến 1975, tôi không thấy có ai vừa viết tiểu thuyết trang trọng, vừa viết phóng sự trang nhất cùng một tờ báo như tôi.

Cũng trên một trang trong những văn phẩm Duyên Anh viết ở nước ngoài, trong phần viết về tôi, anh viết “..Nguyễn Mạnh Côn viết Tựa cho tiểu thuyết của Hoàng Hải Thủy..”

Khi đọc câu ấy tôi nghĩ: “Viết bậy rồi.. Làm gì có chuyện Nguyễn Mạnh Côn viết tựa cho tiểu thuyết của Hoàng Hải Thủy. Chuyện ấy không có..” Tiểu thuyết của tôi đa số — có thể nói là tất cả — là truyện phóng tác, tôi chỉ viết để người đọc giải trí, truyện giải trí thì làm gì có Tựa. Nếu Duyên Anh còn sống, có thể tôi phôn cho anh: “Mày viết sai. Nguyễn Mạnh Côn có bao giờ viết Tựa cho tao đâu. Truyện của tao mà Tựa Tiếc ký gì..” Dù cho Duyên Anh có nói: “Mày quên à? Nguyễn Mạnh Côn chẳng viết Tựa truyện Mối Thắm Nửa Đồi của mày là gì” tôi cũng vẫn không tin, vẫn không nghĩ là tôi quên.

Quả thật tôi quên khuấy đi mất chuyện anh NM Côn viết lời Tựa cho truyện Mối Thắm Nửa Đồi của tôi — năm xưa nhiều bạn văn nghệ của tôi gọi truyện ấy là truyện “Mối Thắm Nửa Đồi”— Quên hoàn toàn, quên năm trăm phần trăm. Cho đến đêm nọ, tôi thấy trong số sách con tôi vừa gửi người mang từ Sài Gòn sang cho tôi có quyển Mối Thắm Nửa Đồi. Sách đã cũ nát, giấy ngả màu vàng, trang nhất có hàng chữ:

“Nguyễn Thụy Long tìm lại được ở hàng sách cũ. Tặng lại anh Hoàng Hải Thủy.” Sg 28 / 4 / 2003

Và ở trang ba có bài:

Thay lời tựa của Nguyễn Mạnh Côn

Giữa những người cầm bút Việt Nam hôm nay có lẽ Hoàng Hải Thủy là người có nhiều điều kiện thuận lợi nhất, mà cũng đồng thời thiệt hại nhất — là người được yêu mến rất nhiều, nhưng lại được hiểu biết thật ít.

Đẹp trai kiểu đàn ông, khỏe mạnh, vũng vàng, HH Thủy ít nói, nhưng tiếng nói sang và trong, và có duyên — tất nhiên anh được phái đẹp để ý ngay khi bắt đầu nổi tiếng. Phái đẹp thích đọc những truyện tình đẹp, dù vui hay buồn, hay những phóng sự xã hội đầy những nhân vật trẻ, ham sống, yêu đời. Những tác phẩm của HH Thủy, do anh sáng tạo, hay phỏng dịch, đều theo nèn nếp ấy.

Cả cuốn MỐI THẮM NỬA ĐỒI này cũng thế, mặc dù tôi bắt đầu thấy một cái gì khang khác. Hoàng Hải Thủy là một trong những người mà tôi quý nhất, mà tôi trọng hơn cả trong các bạn đồng nghiệp của tôi. Hồi mới gặp nhau: ở gần nhau hàng nửa ngày, tôi không nghe Thủy nói xấu về bất cứ người cầm bút nào khác. Những ai quen biết nhiều nhà văn, nhiều ký giả, tất nhiên phải nhận đó quả thật là một hiện tượng kỳ dị, một biến cố trầm trọng — nói theo kiểu mác-xít.

Hoàng Hải Thủy đối với riêng tôi còn chứa đựng nhiều ngạc nhiên. Cuối năm 1965, ba tháng sau khi tôi cho in và phát hành cuốn “Mối tình màu hoa đào”, anh đột nhiên hỏi tôi: “Tại sao

chúng ta lại đau khổ?” Câu hỏi, lằm cằm trong những trường hợp bình thường, là một trong những câu hỏi thuộc loại căn bản, nói về triết học.

Thật là bất ngờ! Khi một cuốn sách về tư tưởng được in ra và phát hành rồi, tác giả của nó thao thức chờ đợi một lời phê bình, một cuộc thảo luận — một cuộc thảo luận hay một lời phê bình đúng theo ý muốn của người viết, không nhất thiết phải khen hay chê, mà chứng tỏ người đọc đã thật sự đọc hết và thật sự chú ý đến những ý kiến được trình bày. Lẽ tất nhiên tôi đã thao thức mong chờ, nhưng tất cả các bạn đồng nghiệp của tôi không ai cho tôi cái hạnh phúc đó. Trừ Hoàng Hải Thủy.

HH Thủy hỏi tôi một câu đúng vào chỗ tôi thiếu sót. Một lý thuyết triết học, nếu đầy đủ, phải trả lời được tất cả mọi câu hỏi. Tôi đã tưởng lý thuyết “Phối ngẫu toàn bích” là đầy đủ. Không ngờ Thủy, bằng một câu hỏi ngắn, chỉ ngay cho tôi thấy một khoảng trống mênh mông mà mãi nửa năm sau tôi mới lấp đầy. Tôi nhờ thế mà biết anh đã đọc kỹ cuốn sách, đã suy nghĩ thêm nhiều về nội dung của nó. Anh lại phải có rất nhiều thiện cảm với tác giả, đồng thời cũng đồng ý nhiều phần với lý thuyết, mới nắm vững vấn đề, xem xét mọi khía cạnh, đủ để tìm thấy cái thiếu sót to lớn của nó. Như vậy, tuy không bao giờ nói ra, Hoàng Hải bắt buộc phải là một người có những suy tư triết học.

Nhu cầu và hưởng thụ lời cuốn HH Thủy về một hướng đi khác, đến độ có anh Tổng thư ký một tờ báo văn chương nhất định không đăng — và không đọc — bài của HH Thủy. Trong sự nhận xét bình thường của người chuyên nghiệp, có lẽ HH Thủy có trẻ mà không có mới, có giá trị mà không kỳ lạ, nên không xứng đáng đứng ngang hàng với những nhà văn tên tuổi. Hoặc giả HH Thủy không tự khoe mình, không chửi bới, không đòi hỏi...

Tôi tìm hiểu HH Thủy từ khi tôi quen anh. Nhưng tôi chỉ mơ hồ bắt đầu có một ý niệm về anh sau khi đọc hết tập MÔI THẮM NỬA ĐỜI đăng trên nhật báo. Sáng tác này của HH Thủy chắc chắn có mang nhiều tâm sự của anh. Rất nhiều đoạn diễn tả tế nhị và sâu sắc tâm lý của hai nhân vật chính. Nhưng cũng có nhiều đoạn thừa, về phương diện nghệ thuật, nhưng lại được nhà xuất bản yêu cầu giữ lại, về phương diện tiêu thụ: đó là hai thiếu nữ, dù có mặt hay không, cũng không làm cho câu truyện đổi khác.

MÔI THẮM NỬA ĐỜI thành ra chứa đựng đầy đủ những nét phức tạp của sự lẩn mò đổi hướng đi của một nghệ sĩ không bằng lòng với hiện tại của mình (mà nhiều người khác ao ước). Sự tìm kiếm chân phương, thành thật, của HH Thủy khiến cho chúng ta cảm động. Nhưng người nghệ sĩ trên con đường nghệ thuật luôn luôn cô đơn trong kiêu hãnh: không ai giúp được HH Thủy việc gì, ngoài chính anh.

Riêng phần tôi, có lẽ tôi đã tưởng tượng thấy công trình của HH Thủy sau này. Con người của anh chấp nhận triết học nhưng từ chối chính trị. Anh được lợi nhiều về vật chất, như hầu hết chúng ta. Nhưng chiến tranh kỹ thuật lấn áp và đè nén tâm hồn anh. Vì thế, tôi nghĩ anh sẽ chỉ lớn lên trong hoà bình, trong công cuộc vĩ đại của những người xây dựng thái bình cho tâm hồn con người.

Tôi có nói quá hay không, chúng ta phải chờ đợi nhiều năm mới biết được. Tôi thấy tự xét mình đã khó, xét bạn còn khó hơn — nhưng ngay bây giờ tôi đã định ninh rằng cuốn MÔI THẮM NỬA ĐỜI là một dấu hiệu báo trước sự nghiệp tinh thần của một HOÀNG HẢI THỦY không phải chỉ viết truyện tình cảm cho người Việt Nam chúng ta đọc mà thôi.

NGUYỄN MẠNH CÔN
29 tháng X, 1969

Té ra anh Nguyễn Mạnh Côn có viết Tựa cho truyện của tôi mà tôi quên mất. Cả đời viết truyện của tôi chỉ có một người viết bài Tựa cho một truyện của tôi, người viết bài Tựa duy nhất đó là anh Nguyễn Mạnh Côn và tác phẩm tiểu thuyết duy nhất của tôi có bài Tựa là truyện Mối Tình Màu Hoa Đào, xin lỗi, Mối Tình Màu Hoa Đào.

Xứ người, đêm khuya, phòng ấm, đèn vàng, yên lặng sáu trăm phần trăm, an ninh tối đa, tôi nằm với quyển sách cũ — những trang truyện được viết, được in năm 1969, ở Sài Gòn, thành phố thủ đô thương yêu của tôi mà tôi đã để mất. Tôi bùi ngùi đọc những dòng anh NM Côn viết về tôi, tôi thương anh khi đọc những dòng anh viết về sự chờ đợi và nỗi thất vọng của anh khi anh không có qua một người nào nói gì với anh về những tác phẩm của anh, không một người nào cho anh thấy họ có đọc tác phẩm của anh, dù chỉ là đọc qua loa, đọc không đến nơi, đến chốn. Tôi thương anh khi anh than thở:

“...Khi một cuốn sách về tư tưởng được phát hành rồi, tác giả của nó thao thức chờ đợi một lời phê bình, một cuộc thảo luận — một cuộc thảo luận hay một lời phê bình đúng theo ý muốn của người viết, không nhất thiết phải khen hay chê, mà chứng tỏ người đọc đã thật sự đọc hết và thật sự chú ý đến những ý kiến được trình bày. Lẽ tất nhiên, tôi đã thao thức mong chờ, nhưng tất cả các bạn đồng nghiệp của tôi không ai cho tôi cái hạnh phúc đó. Trừ HOÀNG HẢI THỦY.”

Những năm 1965, 1966, anh NM Côn viết quyển “Tình Cao Thượng” và “Mối Tình Màu Hoa Đào”. Lâu quá tôi không nhớ là quyển nào, khi biết anh có sách mới tôi đến nhà anh, trong Cư Xá Chu Mạnh Trinh, đầu đường Chi Lăng, Phú Nhuận, để xin anh một quyển. Buổi sáng, anh đang ngồi viết. Nghe tôi hỏi xin sách, anh ngần ngừ, hỏi tôi:

- Ông lấy sách của tôi mà ông có đọc không?

Tôi trả lời anh:

- Tôi đọc chứ.

Anh lấy sách trong ngăn kéo bàn ra ký tặng tôi một quyển. Khi ấy chắc anh không tin mấy ở lời tôi nói là tôi sẽ đọc sách của anh. Nhưng tôi đọc anh thật. Tôi vào đời sớm, tôi thiếu cái học ở nhà trường, tôi vẫn cặm cụi, kiên trì tự học bằng cách đọc sách. Tôi mến anh Côn nên tôi đọc thật kỹ sách anh viết. Tôi hy vọng học được vài điều hay hay trong sách của anh. Văn anh trong hai quyển “Tình Cao Thượng, Mối Tình Màu Hoa Đào” khó hiểu thấy mò đi, hai quyển đó không hẳn là sách Triết mà cũng không phải là tiểu thuyết. Phải là người từng đọc nhiều, thích đọc, có chút hiểu biết về triết học mới có thể nhá nổi những trang sách của anh. Tôi đọc anh, suy nghĩ và ghi nhớ những đoạn tôi thấy có vấn đề, những đoạn tôi có thể có ý kiến, tôi đọc, tự hỏi rồi tôi tự dặn: “Ông ấy viết thế này là nghĩa lý ra làm sao đây? Phải chăng mình có thể hiểu là ông ấy muốn nói như thế này? Mình sẽ nói với ông ấy ông ấy viết như thế mình hiểu như thế. Nhưng mình có ý kiến vấn đề phải như thế này..vv..”

Tôi không thể bocc anh NM Côn viết hay, tôi cũng không thể phản bác những gì anh viết, nhưng tôi có thể cho anh thấy tôi có đọc anh, những gì anh viết làm tôi suy nghĩ, và tôi suy nghĩ như thế này. Chỉ thế thôi đã đủ làm anh sung sướng. Anh sẽ nói cho tôi biết anh viết như thế nghĩa là gì, anh muốn nói gì khi anh viết như thế, tại sao anh lại viết như thế, chỉ có tôi vừa là đàn em vừa là bạn đồng sàng, đồng tịch, đồng bàn đội, bàn đèn với anh, văn huê là anh với tôi cùng là lính của Cô Ba Phù Dung, nôm na là tôi hít tốp, tức hít tô phe, lại tức hút thuốc phiện như anh Côn, tôi từng nằm bàn đèn với anh Côn. Một hôm anh bảo tôi:

- Có thằng Coón, trước làm thuốc ở tiệm Thủy Kính Trắng, thời tôi chơi ở đó tôi có giúp đỡ nó, nay nó mở tiệm., nó mời tôi đến chơi. Minh sẽ đến đó chơi.

Tôi theo anh Côn đến tiệm A Coón ở Khu Bàn Cờ. Anh Côn chơi rất hách, hút không trả tiền ngay mà ghi sổ, nửa tháng, một tháng anh chi một lần. Khi chi tiền, chủ tiệm nói bao nhiêu, anh trả ngần ấy, không bao giờ anh théc móc sao nhiều thế, làm gì mà nhiều thế? Tôi đến tiệm A Coón hút với anh, anh gọi thuốc cho tôi tha hồ hút, anh hút một thì tôi hút hai, anh nói:

- Tôi có bàn đèn ở nhà. Về nhà tôi còn hút được, ông không có, ông hút cho đủ đi.

Tiệm A Coón, cũng như đa số những tiệm á phiện ở Sài Gòn những năm 1960, 1975, thường là một căn gác không có bàn ghế, giường tủ gì cả, chỉ có ba bốn cái chiếu trải trên sàn. Thường là hai bàn đọi, chỉ những ông khách đang hút mới được nằm bên bàn đèn, những ông khách hút rồi chưa muốn về, còn nằm tình tang hay chờ hút thêm mấy bi nữa, phải ra nằm ở mấy cái chiếu không có bàn đèn. Anh Côn bảo tôi:

- Đi chơi mình phải nằm bên bàn đèn mới thú. Tôi với ông mà ra nằm ở cái chiếu kia thì chán chết.

Nằm bên khay đèn là phải gọi thuốc hút. Vì vậy khi có tôi đến, anh Côn vui vì có người nói chuyện với anh, anh gọi thuốc lu bù dù chúng tôi đã hút quá đơ, để anh và tôi có quyền nằm bên bàn đèn. Và tôi cứ hút ra rít. Và hút như thế là tôi tăng đơ, đang hút một ngày một trăm đồng, làm nhật báo Tin Báo với anh Côn, Tin Báo do anh làm chủ nhiệm, ngày nào cũng đi hút với anh, tôi hút lên ba trăm đồng một ngày. Ba tháng báo chết, anh Côn nằm nhà, tôi đi hút một mình, không còn ông anh chi tiền nữa, tôi méo mặt.

Anh Côn và tôi thường đi ăn cơm Tây ở nhà hàng Kim Hoa, đường Lê Lợi, cạnh rạp xi-nê Casino de Saigon. Anh Côn đi công việc trong buổi sáng, đến tiệm lúc 12 giờ trưa, tôi cũng thường đến vào giờ đó. Chúng tôi nằm hút đến bốn, năm giờ chiều mới đi ăn. Chúng tôi chỉ ăn cơm Tây ở tiệm Kim Hoa, và bao giờ chúng tôi cũng chỉ ăn có ba món: consommé chaud, bánh mì ăn với beurre frais, mỗi người chỉ một miếng beurre nhỏ bằng nửa cái hộp quẹt, và beefsteak khoai chiên. Tôi uống một chai 33, anh Côn uống nước trà, ăn xong chúng tôi làm hai ly cà phê, anh Côn cà phê sữa, tôi cà phê đen. Bữa nào cũng y boong như thế. Một lần chúng tôi gặp Mai Thảo ở Kim Hoa. Mai Thảo nói:

- Ăn bíp-tết ở đây chúng mày phải ăn bíp-tết tôi!

Lần sau chúng tôi gọi bíp-tết tôi. Nhưng chúng tôi không thích, tôi nhiều quá làm mất mùi thịt bò. Anh Côn nói:

- Mình thích ăn gì mình cứ ăn món đó thôi. Đừng có nghe lời người khác.

Từ năm 1970 anh Côn vẫn viết đều cho báo, cho Đài Phát thanh Quốc gia, từ năm 1970 đòi sống kinh tế của anh khá hơn nhờ anh được Tướng Cao Văn Viên nể trọng và giúp đỡ, anh thầu cung cấp những món nho nhỏ cho Bộ Tổng Tham Mưu và cơ sở Hoa Tình Thương của bà Cao Văn Viên. Nhờ những khoản thầu này anh có tiền, nhà có tô-lô-phôn, anh mua lại căn nhà lầu của Phạm Duy cũng trong cư xá Chu Mạnh Trinh. Chưa trả hết tiền nên Phạm Duy chưa làm giấy sang tên nhà cho anh. Ngày 30 Tháng Tư đen như mồm chó đến, Phạm Duy đi mất, anh Côn bị cộng sản bắt và chết trong tù, tôi không biết tình trạng căn nhà của anh về sau ra sao.

Ngày 26 hay 27 Tháng Tư 1975 tôi đến tìm anh Côn ở tiệm Sơn Cụt hẻm chùa Vạn Hạnh đường Trương Minh Giảng. Tôi nói:

- USIS đưa gia đình tôi sang Mỹ. Tôi đến chào anh.

Anh nói:

- Ông đi bình an.

Và anh nói:

- Tôi không tin Việt Cộng vào được Sài Gòn. Nhưng Sài Gòn sẽ phải qua một cuộc tắm máu chắc là khủng khiếp lắm.

Buổi trưa ấy tôi chưa ra khỏi tiệm Sơn Cụt thì anh chị Vũ Hoàng Chương đến. Anh Chương yếu nhiều, anh bận áo dài ta trắng, anh đi đâu đều có chị Chương đưa đi, ông bà thì bá đi bằng xe xích-lô đạp. Anh chị đến tiệm Sơn Cụt lấy thuốc. Tôi cũng nói với anh chị Chương chuyện USIS đưa gia đình tôi sang Mỹ và tôi chào tạm biệt anh chị. Khi tôi bắt tay anh Chương để đi khỏi đó, anh Chương nói:

- Tôi bắt tay cậu lần này chắc là lần trót.

Như lời anh Chương nói, đó là lần cuối cùng tôi gặp anh Chương, lần cuối cùng tôi bắt tay anh.

“Nhu cầu và hưởng thụ lời cuốn HH Thủy về một hướng đi khác, đến độ có anh Tổng thư ký một tờ báo văn chương nhất định không đăng — và không đọc — bài của anh.”

Anh Tổng thư ký ấy là anh Trần Phong Giao, tờ báo văn chương ấy là tờ Văn. Trong những năm Trần Phong Giao làm tờ Văn, tôi không gửi bài nào đến báo Văn, tôi không bao giờ tự nhận tôi là “nhà văn”, tôi chỉ nhận tôi là người viết truyện, văn huê là tiểu thuyết gia, người viết tiểu thuyết.

Tháng Bảy năm 1977 tôi bị bắt vào Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu, Trung Tâm Thăm Vấn Nhân Dân của bọn Công An VC Thành Hồ chuyên bắt nhân dân. Vào sà-lim chiều thứ bảy, sáng chủ nhật nhìn qua khung cửa gió sang hai phòng giam tập thể đối diện tôi nhìn thấy anh Côn trong một phòng. Phòng giam tập thể khu B Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu không có chấn song mà có cửa lưới sắt, tôi nhìn thấy anh Côn ngồi sau khung cửa lưới sắt ấy. Anh và tôi trao đổi với nhau được vài câu. Sáng chủ nhật sau, phòng anh Côn được Cai Tù mở cho tù ra lối đi ngoài phơi nắng chừng nửa giờ. Qua cửa gió sà-lim, tôi trông thấy toàn thân anh Côn. Anh râu bạc, tóc bạc, da xanh lợt như màu lá chuối non, anh bận bộ đồ ngủ màu nâu đã cũ. Anh ngồi dựa lưng vào tường, cách chỗ tôi đứng sau cánh cửa sắt nhìn anh khoảng mười thước, tôi nghe tiếng anh, không phải ngấm, mà nói:

- Chí ta ta biết, lòng ta ta hay.

Nam nhi ý khí như hồ thủy

Hà tất cùng sâu với cỏ cây..!

Đấy là lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh Côn, lần cuối cùng tôi nghe tiếng anh nói. Vài ngày sau, vào lúc tám, chín giờ tối, cửa gió sà-lim bị đóng, tôi nghe bên ngoài có tiếng gọi tên những người tù, tiếng người lao xao. Bọn cai tù tập trung những người tù đi trại tù khổ sai vào một phòng, sáng mai lên xe đi sớm. Anh Côn đi khỏi Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu trong đợt đó. Hai năm sau, năm 1980, tôi trở về mái nhà xưa, được tin anh Nguyễn Mạnh Côn đã chết trên trại tù khổ sai Xuyên Mộc. Tù được ba năm, anh Côn cho là hạn tù của anh đã hết, anh đòi cai tù phải trả tự do cho anh. Không được, anh tuyệt thực phản đối. Bất chước cách trấn áp tù nhân của bọn Nga Cộng, Tàu Cộng, bọn cai tù Xuyên Mộc lập tức biệt giam người tù tuyệt thực Nguyễn Mạnh Côn, chúng không cho anh uống nước, chúng giết anh để làm người người tù khác sợ không ai dám tuyệt thực.

Anh Nguyễn Mạnh Côn chết ở trại tù khổ sai Xuyên Mộc năm 1979. Đến nay, mùa thu 2009, thời gian qua đã 30 năm. Hôm nay viết về anh, tưởng nhớ anh, tôi thấy ẩn hiện hình ảnh anh: người tù già, râu bạc, tóc bạc, xanh lợt, bộ quần áo ngủ màu nâu bạc màu, ngồi dựa lưng vào tường bên lối đi trong nhà tù cộng sản. Kỷ niệm của tôi với anh Côn thật nhiều, tôi không thể kể hết trong bài này. Mỗi lần nhớ đến chuyện anh và tôi cùng chịu cảnh tù đầy, anh và tôi nhìn thấy nhau trong ngục tù cộng sản, tôi thường nhớ lại một thời hai anh em tôi hút ở tiệm Đình Quát, cũng trong hẻm Vạn Hạnh đường Trương Minh Giảng. Anh Triều Đầu hay lui tới tiệm này. Những năm 1950 ở Hà Nội, anh Triều Đầu viết phóng sự “Trên vỉa hè Hà Nội” khá hay, có duyên, tử vi của anh có “thất sát triều đầu” nên anh lấy bút hiệu Triều Đầu. Anh xem tử vi cho anh Côn và tôi, theo tử vi hai chúng tôi càng ngày càng có danh, kiểu “sống lâu lên lão làng”. Nếu Quốc gia Việt Nam Cộng Hòa còn, tất nhiên chúng tôi, hoặc ít nhất là anh Nguyễn Mạnh Côn, sẽ “sống lâu lên lão làng”, càng ngày càng có tiếng. Nhưng anh Nguyễn Mạnh Côn đã chết thảm khốc trong ngục tù cộng sản.

Dường như — tôi không nói chắc — anh NM Côn là đảng viên Đảng Đại Việt Cách Mệnh Đồng Minh Hội, thường được gọi tắt là Việt Cách, anh là đại biểu của Đảng Việt Cách trong Quốc Hội Lâm Thời 1945-1946 ở Hà Nội. Anh nói với tôi:

- Khi ấy cần có một tuyên cáo về vụ đồng bào mình bị chết đói năm Ất Dậu, chúng tôi để con số người chết là 2 triệu người. Ước lượng thôi, hồi ấy mình có làm kiểm tra đâu mà biết được số người chết là bao nhiêu.

Anh Côn nói:

- Nước mình nghèo, chậm tiến, ít người, mình không thể nổi đình đám trên thế giới về mặt kỹ thuật, khoa học, phát minh nọ kia, nhưng tôi nghĩ mình có thể được thế giới biết đến nhờ văn học, nếu mình đưa ra được một lý thuyết triết học nào có giá trị.

Ngày 29 Tháng 10, năm 1969, anh NM Côn viết về tôi:

“Tôi có nói quá hay không, chúng ta phải chờ đợi nhiều năm mới biết được. Tôi thấy tự xét mình đã khó, xét bạn còn khó hơn — nhưng ngay bây giờ tôi đã định ninh rằng cuốn *Môi Thấm Nửa Đời* là một dấu hiệu báo trước sự nghiệp tinh thần của một Hoàng Hải Thủy không phải chỉ viết truyện tình cảm cho chúng ta đọc mà thôi.”

Từ ấy, năm 1969, đến nay năm 2009, đã qua bốn mươi mùa lá rụng, thời gian đã quá đủ để tôi thấy ông đàn anh Nguyễn Mạnh Côn của tôi đã “nói quá” về tôi. Đêm khuya, xứ người, phòng ấm, đèn vàng, yên lặng, úp quyển sách lên ngực, tôi nhắm mắt mơ màng: những buổi trưa tôi lên tòa soạn báo Chính Luận ngồi viết *Môi Thấm Nửa Đời*. Tôi viết bằng bút bi trên tờ giấy teletype của tòa soạn dài như lá sớ, tôi viết bữa tăng tí, toàn chuyện những nhân vật trẻ yêu nhau, giận hờn nhau, thương nhớ nhau, những chuyện ăn chơi linh tinh lang tang ở Sài Gòn những năm 1960, *Môi Thấm Nửa Đời* là truyện không có cốt truyện. Tôi thầm nói với anh Côn: - Ông ơi.. Ông kỳ vọng quá đáng ở tôi. Tôi viết tiểu thuyết cho người Việt Nam đọc giải trí còn chưa xong, sức mấy tôi viết được tiểu thuyết cho người thế giới đọc.

Tôi théc méc về chuyện “tại sao con người lại đau khổ” từ những năm tôi 25 tuổi, đến nay théc méc ấy vẫn còn trong tôi, nhưng với tuổi tác, ý muốn tìm câu trả lời trong tôi nhạt đi. Tôi biết không bao giờ tôi có thể giải tỏa được théc méc ấy. Có người nói: “Vì con người xa rời Thượng Đế, nên con người phải đau khổ..”, có người nói: “Con người đau khổ vì con người vô minh..” Đây là chuyện tôi sẽ viết trong một bài khác.

Nhất Linh, Hoàng Đạo và một tên hậu học

Anh có biết gì về Hoàng Đạo, có ý nghĩ về Hoàng Đạo. Nói tóm lại, anh có viết được cho VĂN một bài về Hoàng Đạo không?



Tôi loáng thoáng nghe câu hỏi của Trần Phong Giao, trong khi mãi nhìn một cô gái ở trong một tấm váy-liền-với-áo giống như một cái ống may bằng vải dày lụng bụng. Hoàng Đạo? Tôi biết gì về Hoàng Đạo? Không, tôi không biết gì cả. Nhưng tôi nghĩ về Hoàng Đạo? Chẳng lẽ tôi không có ý nghĩ nào về nhà văn lớn ấy hay sao?

Nhưng mà không, không thật! Tôi nhớ lại: quả thật chưa bao giờ tôi đọc hết một bài nào của ông, càng không đọc bất cứ tác phẩm nào của ông. Tôi nhớ lại: từ khi còn cắp sách đến trường, tôi đối với Hoàng Đạo vẫn chỉ có một cảm tưởng lạnh lẽo khó chịu. Khó chịu cho tôi, vì tôi thấy nhiều người kính phục ông mà không biết tại sao tôi không phục ông, mà chỉ kính – kính như một người ngang hàng với ông anh ruột của anh rể tôi.

Không lẽ tôi lắm? Nếu tôi không lắm thì rất nhiều người khác phải lắm thay tôi. Có thể như thế chăng? – Thật khó tin! Vì vậy mà tôi khó chịu, khó chịu vì lẽ phải bảo tôi nên kính phục Hoàng Đạo, mà sao tôi không tuân theo lẽ phải!



Nhưng rồi thời gian qua đi. Câu hỏi của T.P.G được đặt ra đã được một năm. Tôi tiến gần tuổi năm mươi hơn. Tôi cũng có dịp nghĩ nhiều hơn, và đọc kỹ hơn, về Hoàng Đạo. Nhất là một hôm, giờ chông sách cũ, tôi gặp cuốn Chân dung Nhất Linh, rồi qua Nhất Linh, tôi nghĩ đến Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo còn giỏi hơn Nhất Linh! Nhiều người bảo tôi như thế. Người ta bảo Hoàng Đạo giỏi về sách lược, chiến lược. Có người nói Hoàng Đạo không may chết đi, nên Nguyễn Tường Tam mới dờ dang sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Người ta nói, tôi không biết có đúng không. Nhưng nhờ câu nói đó mà, hôm nay, tôi hiểu tại sao tôi không biết cảm phục Hoàng Đạo.

Tôi hiểu hồ sâu nào ngăn cách, khiến cho tôi không thấy được hết giá trị của ông. Hồ sâu đó chính là cái hồ sâu ngăn cách những người có theo học lý thuyết Mác-xít với những người chỉ nghiên cứu có nền văn minh chính thức của một dân tộc vừa tiến bộ, vừa tự do, là dân tộc Pháp hồi bấy giờ.

Thật là tự nhiên, tôi theo học mấy ông thầy tự họ lại là tín đồ của Karl Marx, nên có ngu tối đến đâu, tôi cũng bị thuyết phục rằng chế độ thực dân đầy rẫy bất nhân, và chế độ tư bản đầy rẫy bất công. Chế độ tư bản thực dân phải chết, không nghi ngờ gì, và không giảm khinh chút nào! Tôi đồng ý như vậy: bất cứ ý nghĩ nào của những người thuộc chế độ đó cũng sai lầm, bất cứ vẻ đẹp nào cũng cần được xét lại. Tôi giữ vững lập trường này được bốn, năm năm. Trong thời gian này, cố nhiên tôi không phục Hoàng Đạo.

Nhưng tôi vẫn phục Khải Hưng, Nhất Linh và vẫn thích đọc báo Phong Hóa, Ngày Nay. Nguyên nhân sự tôn sùng này hoàn toàn có tính chất văn nghệ. Tôi theo học tư tưởng mác-xít, nhưng không chịu tham gia bất cứ tổ chức cách mạng mác-xít nào. Lý do là tôi theo học tư tưởng mác-xít vì nó đánh đổ tư tưởng dân chủ tư bản tây phương, nhưng tôi không hoạt động vì tôi thấy tư tưởng mác-xít vẫn chưa hoàn toàn đúng.

Trong ý nghĩ non dại của tôi, lúc ấy, tôi cho rằng người ta chỉ có thể phấn đấu hết mình, và hy sinh không ngần ngại, nếu người ta theo một đường lối hoàn toàn đúng. Trong ý nghĩ non dại của tôi, chủ nghĩa mác-xít không hoàn toàn đúng. Tôi đã nói như vậy với thầy Mai, thầy mắng tôi kiêu ngạo, chính mình không hiểu hết mà dám bảo người ta không đủ. Tôi xác nhận uy tín của thầy Mai rất lớn, nhưng không đủ lớn để thuyết phục tôi, sau những cuộc thảo luận đại khái như sau:

- Người ta sống để làm gì?
- Để tranh đấu.
- Tranh đấu để làm gì?
- Để cho đời sống tốt đẹp hơn, no ấm hơn.
- Đời sống tốt đẹp rồi, no ấm rồi, thì làm gì nữa?
- Cuộc tranh đấu sẽ tiếp tục giữa con người và thiên nhiên.
- Để làm gì?
- Để làm cho khoa học tiến bộ.
- Khoa học tiến bộ để làm gì?
- Để làm cho đời sống tốt đẹp hơn, no ấm hơn.

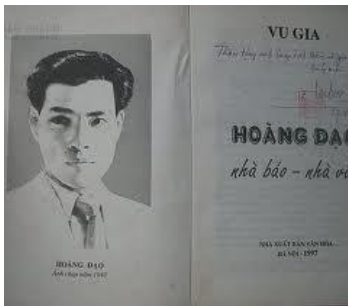
À, câu trả lời đã đi được một vòng tròn rồi. Thầy học của tôi bực mình, gắt rằng người ta phải sống thực tế, thực tế là lo cho đời sống ngày hôm nay, ngày mai. Kẻ nào đi quá xa là không tưởng, không tưởng là một trạng thái tinh thần nguy hiểm, trái với lý thuyết duy vật. Tôi phải im. Nhưng một hôm khác lại hỏi:

- Cộng sản là thế nào?
- Là chia đều mọi hưởng thụ.
- Làm thế nào chia đều một vật mà tôi thích nó nguyên vẹn, mà người khác cũng thích nó như vậy?
- Tương lai chỉ có sự lợi ích và nhu cầu, không có cái thích phi lý ấy.
- Nhưng nếu là một người đàn bà.
- Người đàn bà cũng thế.
- Nhưng nếu tôi và U (một học sinh khác) cùng yêu một người?
- Một nền giáo dục khoa học sẽ làm cho không có sự lộn xộn ấy.

Tôi lại phải im. Lần này thì tôi thua, thua và buồn. Bởi lúc bấy giờ, sự nghiên cứu của Pavlov về phản ứng theo điều kiện chưa được nhiều người hiểu rõ, nhưng tôi đã lờ mờ cảm thấy trong tình yêu quả nhiên có một phần lớn do thói quen thật. Tình yêu mà bị chỉ huy thì thật buồn, nhưng dù sao thì đời người cũng đỡ lộn xộn. Tôi chờ một dịp khác để trở lại vấn đề tranh đấu:

- Tại sao phải tranh đấu?
- Vì đó là bản năng của con người.
- Nếu con người sinh ra đời lười biếng thì sao?
- Thì sẽ bị đào thải.
- Ai đào thải?
- Đa số.
- Để làm gì?
- Để xây dựng cuộc sống cho tốt đẹp hơn, no ấm hơn.

Tôi im lặng, nhưng tôi không chịu. Đa số chỉ có quyền tiêu diệt thiểu số nếu có tranh chấp, còn nếu thiểu số yên phận sống nghèo hèn thì tại sao lại bị đào thải? Tôi biết câu trả lời: nhân danh tương lai chung của nhân loại, người ta có quyền bắt một thiểu số hy sinh. Tôi không cãi được, nhưng tôi cho thế là bất công. Vả lại cũng thiếu thực tế. Lúc thì bảo phải sống cho hôm nay, lúc lại bảo phải chết cho tương lai. Đẳng nào nghe cũng có lý, nhưng vẫn không thực tế. Tuy nhiên, tinh thầy trò, cách đây 30 năm, không cho phép tôi cãi đến cùng. Chính vì thế mà tôi không theo mác-xít, cũng không theo tư bản. Tôi không đọc hết Hoàng Đạo vì ông có thái độ rõ rệt như thầy Mai tôi. Rất có thể cả hai ông cùng biết con đường mình đi chưa hoàn toàn đúng, nhưng vốn dĩ là những người suy tư nặng về thực tại hơn nặng về lý tưởng, nên các ông đã chấp nhận một thái độ chung cho cả cuộc đời (Trong khi đó thì tôi lang thang, trôi giạt, đi tìm một thứ mà, trong ngót 30 năm, chính tôi cũng chẳng biết là gì!)



Nhưng trở về Hoàng Đạo. Tôi đã đọc ông tương đối kỹ, và nhớ lại rằng tôi đã được nghe nói về ông khá nhiều. Tôi thấy có thể chia ý kiến của tôi làm hai phần: về nhà tư tưởng, về nhà báo và nhà văn.

Về Hoàng Đạo, nhà tư tưởng, tôi linh cảm ông là người sâu sắc, nhưng hẹp hòi, và rất có thể có đôi chút cố chấp – lẽ tự nhiên tôi đã không gặp được ông, nên chỉ từ tác phẩm của ông mà suy luận. Điều chắc chắn là Hoàng Đạo có học rộng, và hiểu nhiều, nghĩa là đã tiêu được cái mà ông học. Khi ông viết “Văn hóa Âu Mỹ đem trồng ở đất ta tự nhiên sẽ biến; những điều hợp với tinh thần riêng của dân tộc sẽ còn và nảy nở ra, những điều không thích hợp sẽ tự nhiên bị đào thải” (1) thì người đọc có cảm tưởng ông rộng rãi, nhưng kỳ thật, ông viết câu đó có lẽ chỉ do sự thận trọng về nguyên tắc thôi. Sự thật, trong nhiều đoạn khác, người ta thấy rõ rệt ông xác nhận một ý chí tiến bộ “theo Âu Mỹ” một ý chí “chống thủ cựu” gần như tuyệt đối: “Vây, mạnh bạo, chúng ta nên đua nhau vào con đường mới, rộng rãi và đầy ánh sáng của văn hóa Âu Mỹ” (1).

Với ngót 30 năm xa cách, thật khó mà biết động cơ chính của ý chí mới trong Hoàng Đạo là gì. Nhưng nếu người ta nhớ gia đình ông, hồi ông còn thơ ấu, đã có lúc rất nghèo túng; ông lại là người dễ xúc động trước cảnh lầm than, đói khổ của đồng bào thì thiết tưởng có thể nói trong Hoàng Đạo, sự tiến bộ bao hàm một phần lớn sự phồn thịnh về kinh tế.

Theo các đề tài tâm niệm thì trong 10 bài, trừ hai bài có mục đích trình bày quan niệm (2) một bài, khá lơ mơ, về lý tưởng (3) còn lại bảy bài, thì có đến bốn bài nói về phương pháp tự luyện để làm việc được giỏi dang, và tranh đấu được thắng lợi hơn (4). Tôi không phủ nhận giá trị của

loạt bài này, nhất là cách đây 30 năm, xã hội ta còn giữ nhiều nếp sống cổ hủ và, rõ rệt hơn cả, là các vùng nông thôn còn có một đời sống vô cùng đói khổ, vô cùng tối tăm. Cứ như bề ngoài mà người ta dễ nhận thấy, sự đói khổ, sự tối tăm là những hình ảnh thường đi liền với sự ngu dốt, sự bần thiù, sự mê tín dị đoan v.v... Người nghèo thì đê hèn, người ít học thường làm việc một cách bẽ bộn, người đàn bà trong xã hội cũ tuyệt đối phục tùng người đàn ông, và người dân của một nước bị ngoại thuộc luôn luôn bị hướng dẫn, và bị quyền rũ, bởi một trào lưu theo đuổi vinh hoa, phú quý (đồ cao, làm lớn) thay vì được giáo dục để thấy rõ bổn phận công dân và sứ mạng chiến sĩ.

Hoàng Đạo là người có ý chí chống lại những thế lực làm cho nhân dân ta sa đọa về tinh thần và ngụp lặn trong cơ khổ. Đó có lẽ là những nguyên nhân đã khiến ông viết văn và đã đưa ông vào con đường cách mạng tư sản, mà, nói cho đúng ra, xứng đáng hơn với các danh từ “cuộc đấu tranh giành độc lập” và “công cuộc cải tiến xã hội theo đường lối dân chủ tư sản.” Sự lẫn lộn danh từ này còn tiếp tục đến tận bây giờ, và Hoàng Đạo, nếu còn sống (và tôi nghĩ như vậy) có lẽ cũng chỉ là một trong các lãnh tụ chính trị chỉ có lý tưởng cải tiến xã hội, nhưng vì nhu cầu (theo kịp sự đòi hỏi của quần chúng), cứ phải nhận mình làm cách mạng của thời đại chúng ta hôm nay.

Riêng phần tôi trước hết vì tôi còn nhỏ tuổi hơn Hoàng Đạo, và ơn cha mẹ, được ăn học trong một sự đầy đủ tương đối, nên, cho đến khi bắt đầu biết nghĩ, tôi không có được cái nhìn thực tế và nhân đạo của ông. Một vài trường hợp bị người ngoại quốc khinh khi, áp chế, khiến cho tôi biết cái nhục vong quốc, nhưng tôi nghĩ đến công cuộc tranh thủ độc lập với nhiều lãng mạn hơn Hoàng Đạo. Tôi cũng không theo con đường của thầy Mai tôi. Sự từ chối làm chiến sĩ vô sản làm cho tôi bị một số bạn hữu và người quen buộc vào tội thiếu đạo đức và thiếu can đảm. Tôi chịu đựng những lời phê bình khắc nghiệt của nhiều người, và có lẽ chỉ một mình thầy Mai tôi là còn giữ được một chút hoài bão mơ hồ nào đó nơi tôi. (5)

Một phần khác, chính cũng nhờ gia đình tôi được khá sung túc, cho nên tôi, thay vì cố gắng học thi lấy đỗ, lại quay ra đọc lan man đủ mọi thứ sách (Tôi nhớ có thời gian đến hai, ba tháng, tôi vào Thư viện Trung ương, mượn và đọc tất cả các sách tại thư viện, về các trận thủy chiến: Trafalgar, Falkland, Jutland, Coronel v.v...), và bắt đầu năm 1938, tôi đã bắt đầu đọc về phân tâm học và nguyên tử lực. Mặc dù tôi chẳng hiểu được bao nhiêu trong phần lý luận, cuốn sách nào về khoa học cũng có một phần kết luận mà bất cứ ai cũng thấy được phần nghĩa đen rành rọt: Sự đọc sách này ảnh hưởng đến tương lai của đời tôi rất nhiều, vì, ngay bây giờ, tôi đã mang mang chờ đợi những biến chuyển lớn lao do mọi ngành khoa học sẽ đem đến cho đời sống.

Thành thử, trái hẳn Hoàng Đạo đứng bằng hai chân trên mặt đất, tôi mơ hồ chờ đợi một giải pháp toàn bích không phải riêng cho xã hội và dân tộc Việt Nam, mà chung cho cả thế giới, cả nhân loại. Đã đành đó là một thiệt hại lớn cho tôi, vì, bây giờ đọc kỹ các tác phẩm của ông, tôi mới ý thức được tác dụng giáo hóa thực tiễn của nhà tư tưởng Hoàng Đạo. Tôi thành thật nghĩ rằng nếu xưa kia tôi biết đọc ông, cuộc đời tôi chắc hẳn đã tránh được nhiều vấp ngã đau đớn. Những điều tôi muốn nói về nhà văn Hoàng Đạo có lẽ sẽ ngắn ngủi hơn, nhưng tha thiết hơn. Tôi vốn không được vinh dự quen biết, hay hơn nữa, “bầu bạn” với các nhà văn trong nhóm Đời Nay như Đình Hùng, nhưng trong thâm tâm, lúc nào tôi cũng tự coi như một học trò được chịu ơn rất nặng của họ.

Tôi nhớ đích xác, khi mới lớn lên, tôi đọc tạp nham đủ mọi thứ sách, từ “Thất kiếm thập tam hiệp” đến “Lưu cầu Hải ngoại huyết thư”, từ mấy cuốn truyện “Nghìn lẻ một đêm” của Ả rập đến *Les Faux Monnayeurs* của Gide, *Les Profils Perdus* của Bourget... không kể các loại sách báo nghiên cứu về pháo binh, về không chiến, về tế bào, về bệnh ung thư v.v... Nhưng trong tất cả các sách báo tôi đã đọc, không có tờ báo nào “dạy” tôi nhiều bằng tờ Phong Hóa. Không những dạy xúc cảm, dạy suy nghĩ, mà còn dạy cách suy nghĩ cho thông minh, với một chút điều cốt thanh tao (đôi khi cần, cũng biết tục tĩu) và dạy cách kết luận cho gọn và mạnh.

Ngay bây giờ, không cần giờ tài liệu, tôi cũng nhớ một đoạn tả anh lính sáng đá với chị lâu xanh cãi nhau (6): “Anh có khổ thì tôi cũng có khổ” và câu kết bằng mấy chữ “cả khổ đổ lẫn khổ xanh.” Đó là cách chơi chữ, câu trên có hơi tục một chút, đầy ý nhị. Nhất là cách kết thúc, bao giờ cũng đột ngột, có khi thâm tóm trọn ý của bài, có khi đưa đến một tư tưởng xa xôi nào khác, nhưng luôn luôn xúc tích, với một vẻ thấp thoáng cầu kỳ (của người có học rộng) mà lúc nào cũng minh bạch, dễ hiểu.

Chắc chắn không có thầy học hoặc sách báo nào dạy tôi nhiều bằng tờ Phong Hóa. Nghĩ lại một chút sự nghiệp của mình, tôi xác nhận về phần hình thức (từ chương), quả nhiên tôi đã lấy hình thức sáng tác của nhóm Đời Nay làm hình thức lý tưởng để theo chân, nối gót. Tất cả những đoạn mà tôi tự lấy làm hài lòng, có lẽ đều đáng kể là sản phẩm của một tên học trò trung thành của các nhà văn đó.

Mà nhà văn Hoàng Đạo bây giờ tôi mới hiểu, chính là bộ óc của nhóm Đời Nay. Hoàng Đạo chứ không phải Nhất Linh. Người chủ trương và điều hành tờ Phong Hóa nhất định phải là tác giả Trước vành móng ngựa. Nhà văn Nhất Linh, như sau này nhiều sự kiện đã chứng nghiệm, là một người nhiều mộng mơ hơn thực tế. Cung cách ông làm tờ Ngày Nay (tái bản ở Sài Gòn) cho phép tôi quả quyết rằng tự tay Nhất Linh chưa hề phải lo việc điều hành tòa soạn một tờ tuần báo bao giờ (Tờ Ngày Nay, tái bản ở Sài Gòn, được in ở nhà Nguyễn Đình Vượng là nơi tôi có thân tình đi lại, nên tôi được mục kích Nhất Linh bao biện, tự mình làm lấy đủ mọi việc, thật không tỏ là người đã chỉ huy công việc xuất bản những tờ Phong Hóa, Ngày Nay [loại đầu, in tuyệt đẹp], mà, nói riêng việc trình bày đã khó khăn lắm).

Tôi biết không cần trình bày gì nhiều về giá trị và ảnh hưởng của các cây bút trong nhóm Tự lực Văn đoàn. Những nhà văn hoàn toàn theo mới này, tuy có những trường hợp quá trớn – như từ chối ý nghĩa thiêng liêng của Trời, Đất – nhưng, cách đây 30 năm, thế lực thủ cựu còn mạnh nên ý chí tiến bộ không được phát huy cho có quyết tâm thì chắc chúng ta không có được ngày nay. Mặc dù cái “ngày nay” của chúng ta cũng chẳng đẹp để sung sướng tôi vẫn có thể đoán chắc với các bạn trẻ thuộc thế hệ tới sau tôi rằng từ 1940 đến 1945, thế hệ trẻ hồi bấy giờ đã yêu nước và làm cách mạng theo kiểu Đời Nay. Rồi từ 1945 trở đi, đến lượt môn đệ của Karl Marx làm mưa làm gió, nhưng sự thật là họ chỉ nắm được quyền lãnh đạo trung ương, còn công tác môi giới giữa trung ương và đại chúng là công tác của cán bộ, mà cán bộ là những ai, nếu không phải là những tên tuổi trẻ ngu dốt như tôi, chỉ vì muốn giành độc lập, và bất mãn với chế độ dân chủ tư bản, mà “hãy tạm thời theo họ đến khi giành được độc lập, rồi sẽ chống lại họ sau!”

Đến bây giờ, tuy đường lối vẫn chưa có đường lối nào được công nhiên áp dụng, chúng ta ít lắm cũng có thể nói rằng chính cái ý chí cải tiến xã hội, bị “gọi nhầm” là cách mạng vẫn còn cho phép chúng ta chống Cộng sản thắng lợi. Hoàng Đạo là một trong những người phát huy, và phát huy tới độ cao nhất cái ý chí ấy, cho nên tôi xin các bạn đọc thân mến cho phép tôi gọi Hoàng Đạo là một trong những vị tổ sư của công cuộc cách mạng xã hội mà, dù muốn dù không, chúng ta đang thực hiện.

(10-6-LXVIII)

Trích từ tạp chí VĂN số đặc biệt về Hoàng Đạo, xuất bản tại Sài Gòn năm 1968.

- (1) Hoàng Đạo, Mười Điều Tâm Niệm, nhà sách Khai Trí xuất bản, giấy phép xuất bản đề năm 1961, trang 16 (dòng 2 đến dòng 6), và trang 17 (dòng 5 đến dòng 7).
- (2) Các điều tâm niệm thứ 1 và 2: THEO MỚI, TIN Ở SỰ TIẾN BỘ
- (3) Điều tâm niệm thứ 3: SỐNG THEO MỘT LÝ TƯỞNG.
- (4) Các điều tâm niệm thứ 5, 7, 9, 10: LUYỆN TÍNH KHÍ, LUYỆN LẤY BỘ ÓC KHOA HỌC, LUYỆN THÂN THỂ CƯỜNG TRẮNG, CẦN CÓ TRÍ XẾP ĐẶT.
- (5) Xin xem trong cuốn Mới Tình Màu Hoa Đào, in lần 1, Giao Điểm, Sài Gòn, 1964.

(6) LTS. – Thật ra là lời khai của anh lính “... chúng con có khổ thì chúng nó cũng có ạ” trước quan tòa. Xin đọc bài DUYỄN NỢ trong Trước Vành Móng Ngựa.

Hoàng Đạo (1907-1948)

Tên thật: Nguyễn Tường Long, là một nhà văn Việt Nam, trong nhóm Tự Lực văn đoàn. Ngoài bút danh Hoàng Đạo, ông còn có những bút danh khác: Tứ Ly, Tường Minh. Cuộc đời.

Đi học

Hoàng Đạo, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1907 tại phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, trong một gia đình công chức, gốc quan lại đã đến hồi sa sút.

Cha ông là Nguyễn Tường Nhu (1881-1918) làm Thông phán và mẹ là bà Lê Thị Sâm, con gái cả viên quan võ Lê Quang Thuật ở Cẩm Giàng (Hải Dương).

Hoàng Đạo là người con thứ tư trong một gia đình gồm sáu trai, một gái. Trừ người anh cả Nguyễn Tường Thụy, là công chức, từ người anh thứ hai Nguyễn Tường Cẩm đến Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh)... Nguyễn Tường Vinh (Thạch Lam) và người em út là bác sĩ Nguyễn Tường Bách, đều đã ít nhiều dục vào nghiệp văn chương.

Khi ông chào đời, được cha đặt tên là Tứ (cho thuận vì trước đã có Tam [Nguyễn Tường Tam]), nhưng sau nghĩ lại, mới thấy cái tên này trùng tên người bạn thân của mình, nên gọi chệch là Tư (Nguyễn Tường Tư). Sau vì ông không đủ tuổi để đi thi, gia đình đã khai thêm bốn tuổi (thành ngày 3 tháng 4 năm 1903 trên giấy khai sinh) và đổi tên lại là Nguyễn Tường Long. Lúc nhỏ, Hoàng Đạo đi học ở trường huyện Cẩm Giàng. Hết bậc tiểu học, Hoàng Đạo bị ốm nên tự học tại nhà. Năm 1924, ông đậu bằng Cao đẳng tiểu học Pháp, được bổ làm Tham tá ngân khố Hà Nội.

Tiếp tục học, ông đỗ bằng Tú tài Pháp năm 1929. Năm sau, ông thi vào trường Luật Đông Dương tại Hà Nội. Tốt nghiệp với tám bằng Cử nhân luật, ông được bổ làm Tham tá lục sự Tòa án Đà Nẵng rồi Hà Nội.

Theo Khúc Hà Linh, Hoàng Đạo học luật được một năm, thì có lệnh cử đi làm Tri huyện. Nhưng sau khi nghe mẹ lời khuyên, ông đã khéo từ chối[3].

Viết văn, làm báo, tham gia chính trị

Làm công chức ít lâu, năm 1932, Hoàng Đạo bước sang lĩnh vực báo chí. Khởi đầu, ông viết cho tờ Phong hóa của Nguyễn Tường Tam, rồi cùng với người anh này và Khái Hưng chủ trì bút nhóm Tự Lực văn đoàn.

Trên báo Phong hóa, ông lấy bút hiệu là Tứ Ly, chuyên viết những bài đả kích và châm biếm giới quan lại và bài trừ hủ tục trong xã hội Việt Nam. Năm 1936, tờ Phong hóa bị đóng cửa vì ông viết bài động chạm đến Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu.

Năm 1938, ông cho xuất bản tác phẩm đầu tay: Trước vành móng ngựa, gồm những bài phóng sự đã đăng trên báo Phong hóa.

Năm 1939, Nguyễn Tường Tam thành lập đảng Hưng Việt (sau đổi tên là đảng Đại Việt Dân Chính). Vì đảng chủ trương công khai chống Pháp và lật đổ triều đình Huế, cuối năm 1940, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt và bị đày lên Sơn La. Mãi đến năm 1943 Hoàng Đạo mới được thả nhưng vẫn bị quản thúc tại Hà Nội.

Trong thời gian đó, Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay đến cuối năm 1941, mới bị đóng cửa. Năm 1942, Nhất Linh chạy sang Quảng Châu, Thạch Lam mất tại Hà Nội.

Theo lệnh của Nhất Linh từ Trung Quốc gửi về, Hoàng Đạo cùng Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Tường Bách lo tục bản tờ Ngày nay (khổ nhỏ, số đầu tiên ra ngày 5 tháng 3 năm 1945) và trở thành cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Việt Minh nắm chính quyền. Ngày 25 tháng 8 năm 1945, vua Bảo Đại thoái vị. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập.

Ngày 2 tháng 3 năm 1946 Chính phủ liên hiệp ra đời. Sau đó, Hoàng Đạo được bổ sung (không qua bầu cử) làm đại biểu Quốc hội khóa I, được cử giữ chức Bộ trưởng kinh tế một thời gian ngắn (sau kỳ họp thứ nhất của Quốc hội, ngày 2 tháng 3 năm 1946, thì Chu Bá Phượng lên thay).

Một lần được cử lên Vĩnh Yên giải quyết việc một vụ gây rối, Hoàng Đạo đã tìm cách sang Trung Quốc. Ngày 22 tháng 7 tháng 1948, trên chuyến xe lửa từ Hương Cảng về Quảng Châu, khi vừa tới ga Thạch Long, Hoàng Đạo bị đột quỵ rồi mất, lúc 42 tuổi.

Thi hài ông được gia đình an táng tại thị trấn Thạch Long (Trung Quốc).

Năm 1933, được một người bạn của mẹ làm mối, ông lập gia đình với Marie Nguyễn Bình (1913-1975), con gái một quả phụ khá giả. Ông và vợ sống hạnh phúc và có cả thầy bốn người con (ba gái và một trai).

Tác phẩm

- *Trước vành móng ngựa* (phóng sự, 1938)
- *Mười điều tâm niệm* (luận thuyết, 1939)
- *Bùn lầy nước đọng* (luận thuyết, 1940)
- *Con đường sáng* (tiểu thuyết, cùng viết chung với Nhất Linh, 1940)
- *Tiếng đàn* (tập truyện ngắn, 1941)

Sách viết cho thiếu nhi (loại sách hồng):

- *Con cá thần*
- *Lan và Huệ*
- *Con chim di sừng*
- *Sơn Tinh*
- *Lên cung trăng*

Tất cả các sách trên đều do Nxb Đời Nay (Hà Nội) thuộc *Tự Lực văn đoàn* ấn hành.

Nhận xét

Về tác giả

Hoàng Đạo từng được bổ làm Tri huyện, với mức lương 140 đồng, nhưng ông đã từ chối. Ngày còn làm Tham Tá lục sự tòa án Đà Nẵng, có người cùng sở muốn làm mối cho ông một cô gái Huế, con một vị Hồng lô tự khanh rất có vị thế, nhưng ông cũng không ưng... Sau này, khi ông tham gia chính trị, thì anh em và đồng chí đều nể Nhất Linh, nhưng quý Hoàng Đạo, bởi ông mới là người mưu lược. Khi nhận được tin Hoàng Đạo mất, những người thân đã nói rằng: “Hoàng Đạo không còn, nhất định Nhất Linh sẽ từ bỏ chính trị”. Quả như vậy. Về nước gần mười năm (1950-1959), Nhất Linh xa lánh chính trị, tập trung vào việc viết sách báo, vui với thiên nhiên hoa cỏ...

Về tác phẩm

Trích đáng giá của:

Nhà văn Vũ Ngọc Phan:

Tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh đều có khuynh hướng về gia đình... còn tiểu thuyết của Hoàng Đạo có khuynh hướng xã hội. Tác phẩm đầu tay của ông (Trước vành móng ngựa), làm người đọc vừa phì cười vừa thương tâm. Quyển Con đường sáng có những ý hay, nhưng tác giả quá thiên về tả cảnh... Những nhân vật không có những ngôn ngữ và hành động sâu sắc, nên cá tính của họ không được rõ...

...Hoàng Đạo là một nhà văn sở trường về nghị luận, về châm biếm hơn là về tiểu thuyết. Ở hai loại trên, ông phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn, còn loại tiểu thuyết ông không được giàu tưởng tượng cho lắm...

Nhà nghiên cứu Văn Tâm:

“Trước vành móng ngựa”, là tập phóng sự đặc sắc về tòa án. Tuy tác giả không mấy quan tâm đến “luận đề”, nhưng sự thật giản đơn được chọn lọc phản ánh, lại tự nói lên ý nghĩa sâu xa của

nó, từ đó có khả năng thuyết phục độc giả một cách thấm thía về hiện thực dân sinh và dân trí bi đát đương thời...

Với “Mười điều tâm niệm”, Hoàng Đạo có hoài bão hướng dẫn lẽ sống đúng đắn cho thanh niên... Và chủ trương trong quyển này đã được tác giả hình tượng hóa qua cặp nhân vật nam nữ Duy và Thơ trong tiểu thuyết “Con đường sáng”. Duy, sau một thời gian chơi bời, đến khi chán nản muốn tự sát, thì bỗng giác ngộ ra được “con đường sáng”... Cụ thể là lẽ sống của thanh niên tân tiến là nhân nại mưu tính cho giới bình dân có được một cuộc đời êm đẹp. Duy kết hôn với Thơ, một thiếu nữ có tâm hồn thanh cao, rồi cùng về nơi “bùn lầy nước đọng” cứu giúp đám nông dân nghèo khổ, thất học và bệnh tật... Nhưng cuối cùng công cuộc cải lương hương xã của họ đã thất bại... “Con đường sáng” có lối văn trong trẻo, đôi chỗ trữ tình. Tác giả chứa đựng những nét hiện thực, nhưng các hình tượng nhân vật thì còn mờ nhạt, ít gây ấn tượng sâu sắc...

Phụ đính I :

Hà Nội trong kỷ niệm

Hà Nội ! Tôi muốn hiểu tại sao, mỗi khi nhắc đến Hà Nội, từ đâu đó trong tim tôi lại dâng lên mỗi hoài cảm man mác. Nói rằng tiếc, rằng thương, chưa chắc đã đúng bao nhiêu. Vì tuổi trẻ của tôi tuy có đẹp, vì tuổi trẻ ấy đã mất rồi – tôi cũng không muốn dối lòng rằng quá khứ thanh niên ấy chẳng có gì đáng được gọi là tươi tốt. Còn nói rằng Hà Nội mang nhiều kỷ niệm yêu thương, nên cứ mỗi lúc nghĩ đón người xưa, thì tất nhiên kẻ vong tình đến đâu cũng phải bùi ngùi se sắt ... nếu nói thế, tôi thiết tưởng cũng không đúng bao nhiêu. Vì thật sự tôi đã suốt đời thèm khát mà không được yêu – nghĩa là yêu được một tâm hồn hay thân thể diễm kiều nào.

Nói như thế nghĩa là tôi rất ít kỷ niệm làm cho tôi rung động về đô thành Hà Nội. Nhưng tôi vẫn không sao ngăn chặn được cái cảm giác bồi hồi khó tả của một người đang lúc phân vân : nửa muốn gặp để thỏa tình ao ước, nửa muốn không, vì một niềm suy tư tàn nhẫn. Rằng bao nhiêu tình cảm là bấy nhiêu bị lừa. Tình cảm là một thói quen thống trị, một sự man trá khổng lồ. Nếu người ta hỏi từ thuở lớn lên mà không nghe nói, không đọc sách nói về thương yêu, thì bạn hay tôi liệu có tự gán cho mình cái bổn phận phải phục tùng chế độ, hay tự huyếch hoặc chính mình về một thứ si mê hoàn toàn nhục thể hay không ? Tôi có cảm tưởng như đã có lúc tôi tin theo một lời nói vô tình. Nhưng chỉ trong một khoảng tháng năm ngắn ngủi mà thôi : tôi không cãi được, nhưng tôi cũng không thể nhìn ngược đường đi, đoạn ngắn nhất cũng không thiếu gì bằng chứng ...

Tôi muốn thật với tâm tôi. Và lại thà không biết không sao, còn đã trót biết, tôi cam nhận trả lời. Quê hương tôi kia ! Tổ quốc tôi đây ! Hà Nội phải chăng là biểu tượng của một tự ái nghèo nàn, ở những kẻ hẹp hòi ích kỷ ? Vì đáng lẽ hôm nay tôi phải ghét bỏ, thâm thù Hà Nội. Vì đã hơn mười năm rồi mà Hà Nội chẳng hề nổi loạn. Thủ đô của quê hương đã chấp nhận kỷ luật, đã hòa theo kẻ thắng trận rồi sao ?

Tôi không biết, và có biết cũng thiếu dữ kiện đáng tin, và có dữ kiện đáng tin cũng phải nhận ngay trong tâm tư của tôi cũng có nhiều thay đổi. Giá được về Hà Nội hôm nay, tôi đã chắc gì tìm thấy những xúc động mà tôi chờ đợi ?

Một lô câu hỏi về Hà Nội tương tự như nhau. Tôi không còn được yên ăn, yên ngủ. Tôi phải cố trả lời. Để ít nhất cũng được yên tâm. Cái đáng xấu hổ trong con người không phải là sự sai lầm hay bị đánh lừa nơi tình cảm. Tôi chỉ sợ một điều, là đã biết rồi mà không dám nói. Hà Nội ! Hà Nội ! có thật không, “mi có một linh quán quít lấy hồn ta và bắt nó phải thương yêu quý mến”.

(NHỚ VỀ HÀ NỘI_VĂN 42)

Nói chuyện về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay

(Buổi nói chuyện gồm 9 tác giả Mai Thảo – Viên Linh - Tạ Ty - Nguyễn Mạnh Côn Vũ Khắc Khoan - Thanh Nam – Sơn Nam – Bình Nguyên Lộc – Trần Thanh Hiệp)

Miền Nam không thiếu các Tạp chí Văn học Nghệ thuật, song hầu hết là các báo ra hàng tháng, hay nửa tháng mới ra một số, lớp nhiều tuổi qui tụ trên các tờ *Văn Hóa tập san, Văn Hóa Ngày Nay, Giữ Thơm Quê Mẹ*; lớp trẻ qui tụ trên các tờ *Sáng Tạo, Văn Nghệ, Hiện Đại, Thế Kỷ 20...* Nhưng báo văn chương ra hàng tuần, khoảng 1956 có tờ *Nhân Loại* của nhóm Tam ích, mãi 1965 mới có tờ *Nghệ Thuật* của Mai Thảo. Và sau này, 1969 có *Khởi Hành*. *Nghệ Thuật* tuy chỉ sống trong 2 năm, 56 số, song là tờ báo văn chương đầu tiên in offset nhiều màu rực rỡ, chú trọng tới sinh hoạt, thảo luận bàn tròn, phỏng vấn, vốn là lãnh vực trước đó ít được khai thác. *Khởi Hành* vừa thu thập được đủ bộ *Nghệ Thuật*. Nơi 9 tờ báo đăng tải bài ghi chép cuộc nói chuyện kể là kỳ thú giữa 9 tác giả, (*tới nay 7 người đã khuất bóng*), đề tài là "Nói chuyện về Tiểu Thuyết Việt Nam Hiện Nay." (1965).

Xin đăng lại dưới đây.

Đặt vấn đề thực trạng tiểu thuyết VN lên mặt thâm, chủ ý của Nghệ Thuật là đề cập đến một thực tế văn học, mà tâm quan trọng hàng đầu đích thực đang đòi hỏi những theo dõi và tìm hiểu thường xuyên, phía người viết cũng như phía người đọc tiểu thuyết. Thực tế tiểu thuyết Việt Nam hiện nay như thế nào? Thực tế đó nổi hình trong những hiện tượng, phát sinh từ những nguyên nhân, cấu thành bằng những động lực nào? Đó là những khía cạnh của vấn đề được trả lời bởi ý kiến những tác giả có mặt trong buổi nói chuyện mà những nét chính được ghi nhận tóm tắt sau đây. Cũng cần lưu ý: tinh thần cuộc nói chuyện khác biệt với tinh thần một cuộc tranh luận. Có thể cuộc nói chuyện không đưa tới một kết luận nào. Nhưng vấn đề đã được đặt ra. Và nhiều ý kiến hợp lại bao giờ cũng có hiệu lực của một chiếu sáng khởi đầu và cần thiết.

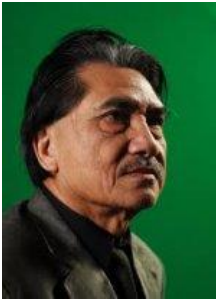


Nhà văn Mai Thảo
(1927-1998)

MAI THẢO:

Nói đến tiểu thuyết Việt Nam hiện nay, không phải là xác nhận một trở thành đã hoàn tất, mà là theo dõi những chặng đường của một vận động đang tuần tự hình thành. Vận động đó là một vận động của ý thức, một vận động của nghệ thuật. Cũng là một vận động của một trí tuệ, của đời sống. Mùa màng gặt hái chưa đầy tay. Chúng ta chưa có những tác phẩm lớn. Nhưng hiện tượng nhìn thấy là một viễn tượng tốt đẹp. Những nhà văn đáng nói đến nhất của chúng ta hiện nay đều thực hiện tác phẩm của mình qua một trường thành và một vươn tới nào đó của ý thức. Viết có suy nghĩ, có tìm kiếm, có thái độ. Mặc dầu còn một vài hiện tượng "nổi dài" yếu hệt và lạc lõng, tiểu thuyết hiện nay đã được đặt ra khỏi vùng ảnh hưởng của tiểu thuyết tiền chiến. Đó là một trong những bằng chứng cụ thể về cố gắng đứng về phía cái mới ở những người viết bây giờ.

Vậy có thể khẳng định cho tiểu thuyết bây giờ như những công trình thực hiện đánh dấu cho một thoát ly và một phá vỡ đáng kể. Bằng *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền trước hết như một mở đường, rồi đến những tiểu thuyết mới nhất của Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu v.v. theo sau là một số người viết trẻ khác mà tác phẩm đầu tay nào cũng là một thí nghiệm táo bạo và cần thiết, chúng ta đã nhìn thấy thấp thoáng những chân trời và những ngã đường mới trên đó Tiểu thuyết Việt Nam đang đi tới. Thu hẹp, thì là chối từ những tiêu chuẩn nghệ thuật đã làm nên giá trị và lẽ phải của tiểu thuyết quá khứ. Nhìn rộng và sâu vào hiện tượng, thì là những người viết bây giờ thấy đều đã phủ nhận và xa lạ hoàn toàn với cái thế giới của những tác phẩm cổ điển.



Viên Linh

VIÊN LINH:

Tôi đồng ý với anh Mai Thảo về nhận định Tiểu thuyết Việt Nam hiện nay là một vận động tuần tự hình thành, nghĩa là đang thoát ly và phá vỡ. Nói như thế còn có nghĩa là đồng ý hiện tại là một đồ nát. Trong đồ nát thế nào cũng có viễn ảnh một kiến trúc mới nhưng đồng thời cũng còn có những kẻ thâu lượm vôi vữa thừa thãi để kiếm ăn riêng. Vậy trước hết ta cũng cần thanh toán những kẻ xây sự nghiệp trên vài mảnh giá trị cũ, cho công trường chúng ta được quang đãng ạch sẽ.

Tôi tạm xin lỗi các anh để chia lô công trình hôm nay. Tôi chia tiểu thuyết Việt Nam hiện tại ra làm những loại sau đây:

- *Loại hữu sự:* Tiểu thuyết loại hữu sự kể một câu chuyện nào đó mà câu chuyện ấy là chính. Tác giả nó lấy câu chuyện ấy để ngày ngà người đọc qua mọi chi tiết. Nói một cách khác, nhân vật của loại hữu sự lúc nào cũng bận rộn với đạo lý làm người (*đã được xác định*) và lương tâm của hắn: tâm lý ấy thông suốt cả cuốn chuyện. Loại này, theo tôi đi song song với cải lương.

- *Loại thời sự*: Gọi là thác loạn, gọi là tuổi hai mươi, khai thác những cái- buồn-nói-lên-lời của những tác giả thô thiển. Loại này đi song hành với tân nhạc cải cách và nhạc thời trang ngoại quốc.

- *Loại tâm sự*: Câu chuyện không còn là chính nữa mà cảm xúc là chính. Thứ tâm sự ở đây có cái ướt át trữ tình, có các nhân vật phong nhã. Loại này đi song song với thơ tiền chiến, hiện đang còn kéo dài.

- *Loại vô sự*: Vô sự ở đây không có nghĩa là không có chuyện gì mà là có rất nhiều chuyện trong một tác phẩm, rất nhiều nhân vật, rất nhiều mặt được nói đến. Cái chính không còn là câu chuyện, nhưng là sự việc, sự vật, là tất cả cái gì trông thấy kể cả không khí, cái vẻ, cái bóng của cuộc sống. Loại này đi song song với Thơ Tự Do.

Thâu tóm ý kiến vừa trình bày, tôi thấy loại tiểu thuyết hữu sự sẽ còn kéo dài vì nó cần thiết cho những người đọc vô sự, và loại tiểu thuyết vô sự đang tiến tới một cách hùng vĩ, vì nó là công việc của người làm văn học nghệ thuật hữu sự. Nói cách khác, loại trên chỉ có giá trị với độc giả, còn chính những người viết ra nó chẳng điều vô ích cho nghệ thuật.

TẠ TỰ:

Đồng ý với Mai Thảo là người viết hôm nay đã đẩy người đọc đứng chung trên điểm khởi hành. Nhưng ý thức tiến lên lại là chuyện khác. Chúng ta, người viết, không thể loại bỏ cuộc sống vì cuộc sống tạo thành mâu thuẫn. Mâu thuẫn kích động nghệ thuật và hình thành những trào lưu nghệ thuật mới. Nhưng chúng ta đừng quên chính cuộc sống đã giết những trào lưu đó một khi không còn thỏa mãn được đòi hỏi cấp bách của tâm hồn con người. Bởi vậy một trào lưu nghệ thuật sống được là nhờ sức sáng tạo dồi dào và thành đạt của nó. Nó phải cố gắng dù rằng cố gắng với nỗi bi thảm dằng dặc. Nó là hiện thân của nghệ thuật.



Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn
(1920 - 1979)

NGUYỄN MẠNH CÔN:

Vấn đề tiểu thuyết là một vấn đề lớn. Lớn như đời sống của một dân tộc, vì - đáng lẽ phải thể - tiểu thuyết thể hiện đời sống của dân tộc. Cuốn tiểu thuyết nào làm được như vậy sẽ được gọi là "*tác phẩm lớn*" của thời đại - của một thời đại.

Nhưng ở Việt Nam chưa có tác phẩm nào lớn, tại sao? Tôi muốn nói về cuộc sống thu hẹp trong thành phố, hoặc giả có điểm thêm một vài chuyến đi "*đi cho nhanh để về cho sớm*" không cho đa số những người cầm bút hiện nay là hy vọng của chúng ta, được biết gì về những biến động to lớn khủng khiếp đang xảy tới bên ngoài Sài Gòn.

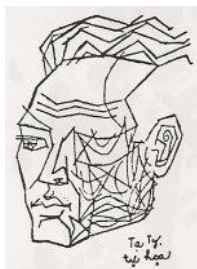
Tôi không chối người ở trong Sài Gòn cũng lo nghĩ, cũng đau đớn. Nhưng kẻ không có đồ máu không thể hiểu cảm giác của người cụt mất chân tay. Mà chính những người đó mới làm nên cuộc sống thật, cuộc tranh đấu thật, dù ngã về phía nào cũng thế. Một cuộc ly dị đang thành hình. Tôi sợ những người cầm bút trẻ không làm gì khác hơn được là viết mãi về hệ phố, với những tư tưởng quần quanh về "*thái độ sống*" tuy có thâm trầm nhưng hết sức trượng giả và vô cùng ích kỷ.

Tôi không có chủ tâm "làm luân lý" ở đây. Nếu chúng có lợi cho người cầm bút thì "trưởng giả" hay "ích kỷ" cũng có thể được coi là tốt. Điều tôi sợ là chúng sẽ làm cho người nghệ sĩ rời xa cuộc sống thật, để xác nhận cuộc sống "giả vờ" là cuộc sống thật. Quan niệm "giả vờ sống" là quan niệm hiện sinh của một số tác giả. Tây phương có đời sống quá đầy đủ và tương lai quá bảo đảm, có thể không cần biết đến đại chúng; hoặc giả, do nền nếp đã vững chắc của ngành xuất bản, có thể uốn nắn cả ý thức hưởng thụ nghệ thuật của đại chúng.

Tôi không tin - đồng thời cũng không muốn - trạng thái ấy có thể đến trong xã hội Việt Nam. Một phút trước khi Khuất Duy Hải chết với chiếc trực thăng rơi, người ta không thể nói anh "giả vờ" làm phóng viên cho đài Sài Gòn. Một ngày sau trận đánh lớn, đứng ngắm hàng trăm xác chết của đồng bào - toàn là thanh niên - có ai nữ bảo họ giả vờ chiến đấu và đang giả vờ chết? Tôi nghĩ rằng J.P. Sartre có trở lại và được tham dự cuộc sống trên đất nước ta, từ ngoại ô Sài Gòn trở ra, nhà văn này sẽ phải xác nhận rằng quả có một cuộc đấu tranh đích thực với những giá trị xác thật và tâm tư đích thực. Ông ta sẽ viết về cuộc đấu tranh ấy. Hoặc nếu ông ta vì lẽ gì đó mà không ra khỏi đô thành được, thì cuộc sống ào ạt, mãnh liệt của một số đại chúng chiếm tỷ lệ rất lớn, sẽ đặt ông ta trước sự lựa chọn một là xác nhận, và tích cực tham dự cuộc sống ấy, rồi thể hiện nó vào tác phẩm; hai là phủ nhận nó, cứ lợi dụng những điều kiện sống (*dù sao cũng còn*) để dãi của một văn sĩ có độc giả, mà chối bỏ trách nhiệm, dựng đứng lên cái bộ mặt lập dị lơ mơ, lạc lõng, mà đồng thời cũng kiêu ngạo, dối trá của những "nhà trí thức đứng trên cuộc sống."

MAI THẢO:

Đối với người đọc, cái mà người viết bây giờ đã thực hiện được, là đã đẩy được người đọc mình đến đứng chung với mình trên một điểm khởi hành mới, thỏa thuận gia nhập với mình vào hành trình mới, cũng cảm thấy cần thiết như mình là phải có những thí nghiệm mới, đưa tới những khám phá và những thực hiện mới. Nội dung tiểu thuyết hiện nay dồn đuổi người đọc ra khỏi cái tinh thần thường ngoạn bình yên hằng cửu là thái độ xưa cũ của người đọc trước những tác phẩm cổ điển. Tác phẩm cổ điển là những cuốn kinh thánh bằng văn chương. Đọc và tin. Giữa tác phẩm cổ điển với tác giả cổ điển và người đọc là một trạng thái chấp nhận và thỏa thuận hoàn toàn về đời sống và cho chính bản thân người đọc. Đọc bây giờ khác. Đọc không còn đem lại yên ổn cho tâm hồn, mà trái lại, tiểu thuyết bây giờ bảo người đọc là cuộc đời không phải như vậy đâu, như trong những tác phẩm cổ điển. Bằng những lột trần tàn nhẫn, bằng những đào sâu xuống những tầng đáy chưa khám phá của tiềm thức và tâm linh, tiểu thuyết chúng ta hiện nay đã thành công một phần nào trên ý tưởng đem lại cho người đọc một đời hỏi mới, tạo cho người đọc một nhận thức mới. Nói khác, ở người đọc đã có một thái độ mới về tiêu chuẩn thường ngoạn. Qua tiểu thuyết chúng ta hiện nay, người viết và người đọc đã gặp nhau trên một đất đứng chung. Đó là những bản khoán đời xét lại.



Họa sĩ Tạ Ty tự họa
(1921-2004)

TẠ TY:

Nói rằng thất bại hay chưa đạt tới mức độ của cái mới hoàn toàn, tôi cho như thế chưa đúng. Tôi muốn nói, sự tồn tại của tiểu thuyết không phải do sự đạt tới hay trưởng thành mà chính ở những bản thảo và chưa-tới-nơi ở mỗi con người viết cũng như người hưởng thụ. Nói đến tiểu thuyết hôm nay là nói đến sự vươn tới, sự bứt đi của mỗi đam mê, thôi thúc.

VIÊN LINH:

Về liên quan giữa người đọc và người viết, tôi xin dùng lại cái hình ảnh kiến trúc. Trong những tiểu thuyết cổ điển, mà tôi gọi là tiểu thuyết hữu sự, kiến trúc đã hoàn toàn xong, hoàn toàn hoàn tất khi người đọc bước vào, ngư ở trong đó, xoay chuyển nhìn ngắm những cái đã bày biện sẵn ở trong đó. Với những người viết mới, kiến trúc không bao giờ hoàn tất, nghĩa là người thường ngoạn bước vào đó không để ngư ở trong đó. Họ phải góp sức, họ phải cùng tạo tác với tác giả.

Đẩy mạnh nhận định này, nảy sinh những vấn đề sau đây:

- Giá trị một cuốn tiểu thuyết không-phải-bây-giờ vốn đã nằm sẵn trong số lượng độc giả có sẵn. Độc giả nhiều là cuốn sách có giá trị. Độc giả ít là tác giả tầm thường. Nói như vậy cũng có nghĩa là người ta viết để phục vụ một phương trình so sánh 2 phân số: mà phân số thứ hai bao giờ cũng lớn hơn phân số thứ nhất: làm sao được, khi độc giả là độc giả có sẵn, chiếm được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

- Với những nhà văn mới, tôi thấy họ từ chối số độc giả có sẵn: Tác phẩm sẽ tự tạo một khối độc giả mới. Vậy khi số thành không lớn, thì không phải tác phẩm không được đón nhận nhiều, mà bởi vì chính tác giả nó không chấp nhận phân số thứ hai, không làm một bài so sánh hai phân số.

Theo ý tôi hiểu thì anh Mai Thảo khi nói về liên quan giữa người đọc và người viết, đã dường như coi người đọc là một khối cố định. Anh chỉ nói đến tác phẩm cổ điển và tác giả cổ điển. Tôi muốn thêm: còn có những độc giả cổ điển nữa. Tuy nhiên, độc giả mới Việt Nam bây giờ rất ý thức, rất nhiều, theo một tỷ lệ tương đối với nó cách đây 5, 10 năm. Nếu có ý kiến thắc mắc tại sao còn nhiều người đọc tiểu thuyết cổ điển hơn là tiểu thuyết mới, (*cũng như nhiều người còn thích thơ tiền chiến hơn thơ tự do*) tôi xin được trả lời: ở đâu cũng vậy, kẻ dờ nhiều hơn người hay.

Vậy thì, ở phía nào người viết và người đọc cũng có một mảnh đất chung hết, cái khác là mảnh đất ấy nó như thế nào mà thôi, một vườn hoa có rào dậu hay một khu rừng biên giới. Một Vương quốc hay một lãnh thổ Cộng Hòa. Nhân đây tôi cũng muốn nói với một số anh em đồng tuổi vắng mặt: có nhiều người không biết rằng các anh đang áp ủ những tác phẩm riêng, hay đang viết, điều ấy không có giá trị gì hết: họ ở ngoài lãnh thổ Cộng Hòa của chúng ta.

MAI THẢO:

Thất bại, đúng hơn là điểm chưa đạt tới được của những tiểu thuyết hiện nay, là người viết đứng về phía cái mới nhưng chưa hình thành được châu đảo, biểu hiện được sinh động thế nào là cái mới. Tiểu thuyết mới chỉ là một động lực phá vỡ được cái cũ mà chưa là một hiện tượng sáng tạo cấu thành được cái mới. Cho nên, nó chỉ mới tác động được ở người đọc như một lay chuyển bàng hoàng, nâng được cái việc đọc lên bình diện một suy nghĩ cần thiết, một đòi hỏi duyệt lại, một nhu cầu tìm kiếm. Và dừng lại ở đó.

Còn thuyết phục được người đọc, làm ánh sáng, kim chỉ nam, ý thức dẫn đường cho người đọc bắt gặp được thực trạng đời sống thì chưa. Thất bại vừa nêu ra, theo ý tôi, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Người viết chúng ta chưa tích lũy được một vốn sống đầy đủ. Nhận thức về đời sống của người viết chúng ta cũng chưa thấu triệt và toàn diện. Những tiểu thuyết có ý

thức nhất của chúng ta hiện nay mới chỉ là những hòn đá thăm đường. Nghe thấy cái tiếng động của hòn đá ném tới. Nhưng chưa nhìn thấy sự thực hiện hình trên nơi chốn hòn đá ném tới. Dẫn được người đọc đi theo. Nhưng chưa dẫn được người đọc tới nơi.

VIÊN LINH:

Nếu động lực mới chưa thành một cái nền, thì không phải là nó thất bại. Nó còn đang đi và nó chưa ngừng lại cũng như nó chưa quay đầu về. Tuy nhiên, quả là động lực ấy chưa được dùng hết, dường như vì vấn đề mục đích, một vấn đề cổ điển: viết để đi tời đâu, trong lúc này?



Nhà văn Vũ Khắc Khoan
(1917-1989)

VŨ KHẮC KHOAN:

Viết tiểu thuyết hôm nay theo tôi chỉ là một phương tiện thiếu thốn khả năng để con người bắt lực tự thực hiện.

TẠ TỸ:

Tiểu thuyết không phải là một bài học luân lý hay đạo đức. Nó là cuộc sống với những khía cạnh tốt và xấu. Tôi tin rằng, không có một người viết nào khi cầm viết lại mang ý nghĩ khuyến dụ hoặc khích động con người lao vào tội lỗi, mà chính ra họ chỉ trình bày, hình dung và diễn đạt những-chứa-chấp-không-kìm- hãm được mà họ đã chịu đựng trong dần vật, đón đau tột độ. Sinh hoạt văn học không phải là sinh hoạt phóng nhiệm, vì vậy đứng trước sự băng hoại tất nhiên của một dòng sông nào đó, con người có mặt phải phản ứng và phản ứng trung thành đến thô bạo những gì cần phải nói. Tiểu thuyết hôm nay không còn và không thể mang tính chất văn chương thuần túy mà nó cần phải nói lên, nói thật to tiếng nói của con người với tất cả thẳm quyền thiêng liêng mà nhân danh con người nó- có-được.

VŨ KHẮC KHOAN:

Người viết tiểu thuyết giờ đây cô đơn và ích kỷ. Nó không kêu lên, như Nguyễn Du:

*Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*
Nó viết cho nó.

TẠ TỸ:

Điều làm cho chúng ta thất vọng, không phải là sự sợ hãi với viễn tượng đau buồn của chiến tranh hay niềm tuyệt vọng của con người trước vũ trụ mà chính ra người làm văn chương cũng như người hưởng thụ cho đến nay vẫn chưa có ý niệm chân xác về giá trị và sự trường cửu của văn chương trong ý thức tuyệt đối. Bởi thế, tiểu thuyết vẫn được hình dung như những miếng vá trên cuộc sống tả tơi chứ chưa hình thành một nguồn động lực luân lưu, dào dạt, xô vỡ mọi ý tưởng thoái hóa, đầu hàng. Tôi vẫn nghĩ, mãi mãi nghĩ rằng tiểu thuyết phải mang

trách nhiệm về sự hiện diện của con người toàn bộ với mọi khía cạnh sắc bén để chứng minh sự cao quý của nghệ thuật và cuộc sống lớn bên ngoài. Đó là ý nghĩa duy nhất của tiểu thuyết.



Thanh Nam

THANH NAM:

Những năm trước, khi ngồi vào bàn viết cầm đến bút là tôi nghĩ ngay đến độc giả. Truyện này tôi sẽ viết cho ai? Lớp độc giả nào đó sẽ đọc tôi? Và tôi hình dung thấy họ. Cốt truyện do đó không còn là của tôi nữa. Tôi sống, tôi nghĩ, tôi hành động theo những nhân vật của tôi. Như một số feuilletons tôi đã viết và đã in thành sách trong thời gian gần đây, tôi đã đóng vai một người kể chuyện cho một số người nghe hơn là một nhà văn viết một tác phẩm cho chính mình. Nói thẳng ra, tôi viết để sống. Tôi không chối cãi là ở những cuốn truyện đã có nhiều non kém, còn nhiều câu thả. Tôi cũng không ân hận gì về những điều đó. Tôi phản đối thái độ phũ tay trách nhiệm để nguy trang cho mình một khuôn mặt trí thức, tiến bộ. Tôi đứng về phía những anh em sống bằng ngòi bút, sống bằng cái nghề viết feuilletons khôn nạn ở xứ sở này. Nhưng tôi cũng không đồng ý với một vài đồng nghiệp của tôi đã hài lòng để tự khoác lên người mình cái danh hiệu văn sĩ, tiểu thuyết gia, vội vã nhận ngay chút danh vọng nhất thời, chút tên tuổi phù du để nghĩ rằng như vậy là đã đủ, đã có quyền tự mãn.

Luôn đây, tôi cũng phản đối hai ý kiến quá khích của Viên Linh. Đó là việc Viên Linh đã chia... tiểu thuyết như chia lô đất để rồi kết án những kẻ đã thâm lượm vôi vữa thừa thãi để kiếm ăn riêng. Tôi nghĩ lời kết án đó có hơi nặng nề đối với những anh em kiếm sống hàng ngày bằng ngòi bút, những người mà theo tôi biết khi cầm bút chọn nghề cũng đã ôm ấp, nâng niu rất nhiều hoài bão nhưng cuối cùng đành phải thỏa hiệp với cuộc sống.

Ý kiến thứ hai của Viên Linh mà tôi không đồng ý là Viên Linh đã... kết án độc giả. Anh giải quyết thắc mắc của Mai Thảo một cách quá dễ dãi, hồn nhiên khi phân tách tại sao nhiều người đọc tiểu thuyết cổ điển hơn là tiểu thuyết mới và cho rằng ở đâu thì kẻ dở Cũng nhiều hơn người hay.

Sự thật, theo tôi nghĩ, kẻ dở và người hay ở đây không phải là độc giả mà là người viết. Chính người viết phải trách nhiệm lấy tình trạng đó chứ không thể trả lời xí xóa rằng... kẻ dở (*người đọc*) nhiều hơn người hay. Phải tìm hiểu thêm nữa, như người bán hàng tìm thị trường tiêu thụ, phải nghiên cứu tại sao món hàng này chạy, món hàng kia ế chứ không thể đơn giản kết luận rằng tại khách hàng không biết giá trị của loại hàng. Vấn đề này thật ra tế nhị vô cùng, phạm vi một buổi nói chuyện không thể cho tôi trình bày được hết ý kiến và tôi rất mong sẽ được trở lại trong một kỳ nói chuyện khác.

Nói vậy không có nghĩa là tôi chống lại những ý kiến mà từ đầu các anh đã nêu ra trong buổi nói chuyện này. Tôi hiểu rõ nỗi băn khoăn của người cầm bút hôm nay. Viết cái gì? Viết để đi tới đâu trong lúc này?

Xin thú thật là chính tôi- người cầm bút như một dũng sĩ sử dụng một đường gươm quen thuộc, theo lời Mai Thảo nói, cũng cảm thấy bần khoản, lúng túng trước vấn đề đó. Thế nên, như tôi đã nói lúc đầu, những năm trước khi ngồi vào bàn viết là tôi đã nhìn thấy ngay độc giả của mình, viết dễ lắm, dễ hết sức. Bây giờ, tôi chịu. Không thể hình dung ra độc giả của mình là ai nữa. Không hiểu rằng tại mình mệt mỏi hay là tự cảm thấy độc giả đã mệt mỏi vì mình rồi?

Tôi vốn ngại thảo luận và rất sợ bị phát biểu ý kiến, hôm nay nói như thế này kể cũng là quá nhiều rồi.

Xin nhường lời để anh Sơn Nam cho biết thêm ý kiến.

SƠN NAM:

(Tác giả *Hương Rừng Cà Mau* cười nói đồng ý, nhưng không nói rõ đồng ý ở điểm nào)



Bình Nguyên Lộc

BÌNH NGUYỄN LỘC:

Theo tôi, những độc giả không có khuynh hướng xã hội cũng đang chờ đợi những cái gì mới lạ hơn, cái đó không phải là sự siêu hình (*ở đây nên dùng danh-từ trừu tượng thì đúng hơn*) của những tiểu thuyết gọi là tiểu thuyết mới. Họ chỉ cần một sự mới xoàng xoàng của quan niệm thứ nhì về tiểu thuyết mà thôi. Xin nói rõ thêm rằng độc giả đây là đại- đa- số trung lưu, chớ không phải bình dân đại chúng, mà cũng không phải một thiểu số trí thức.

NGUYỄN MẠNH CÔN:

Tôi không có ý bênh vực một lập trường "dấn thân" hay thóa mạ một lập trường "ngụy tín" nào hết. Tôi đã nói bất cứ lập trường nào cũng tốt, nếu nó đưa đến những tác phẩm lớn. Tôi chỉ sợ rằng các tài năng hiện tại của chúng ta - tôi không có ý gì giấu cợt - vì quá bận vào việc đi tìm bản thân (*l'étant*) nên họ không có dịp tự thể hiện bản ngã (*l'être*), nên chẳng bao lâu về sau, họ sẽ bị qua mặt bởi đại chúng về tâm lý. Và như thế chẳng hóa ra đáng tiếc lắm hay sao?

Một bạn quen đã hỏi tôi: - Như vậy nhà văn phải làm gì về "sống thật"? Câu hỏi thật khó, mà tôi không có bổn phận trả lời. Vì sao? Vì ai có ý thức, người đó sẽ tự trả lời sao cho hợp với các điều kiện khách quan, chủ tâm của hắn. Tôi không ngu dại đến độ muốn làm thầy thiên hạ. Tôi chỉ nói lên sự lo lắng của tôi - lo lắng giữa hy vọng. Vì tôi không chối rằng hiện chúng ta có nhiều cây bút có thiên tư rất lớn. Kể cả ngành viết tiểu thuyết về tuổi thiếu niên - vốn dĩ là một ngành rất khó - cũng có những cây bút có triển vọng lạ lùng. Tôi chỉ sợ rằng, dù muốn dù không, một số nào đó trong họ vẫn còn chịu ảnh hưởng của những tác giả Tây phương cận đại (*khi họ mới vào đời, bắt đầu muốn đập phá, thì gặp ngay những bậc thầy về đập phá: họ tin chỉ có mình mới hiểu những bần khoản về cuộc sống: chẳng khác những người mới được đọc Karl Marx lần đầu, bao giờ cũng tin chỉ có họ mới hiểu trạng thái "vong thân" của con người xã hội tư sản!*) Họ đóng chặt cửa đưa vào khu vực kiến thức, không chịu tìm và cũng không tiếp nhận những tư tưởng hoặc cũ hơn - ví dụ của Khổng Tử - hoặc mới hơn, của khoa học. Họ đào sâu vào tâm hồn của chính họ và từ chối sự tiếp tay của người chung quanh. Theo chủ thuyết hoài nghi, họ là những người hay nói những lời quả quyết nhất. Đó là cái thảm trạng của con rắn cắn phải cái đuôi của chính nó.

VŨ KHẮC KHOAN:

Nhìn ra cuộc sống có nhà lầu, có người, có ánh trăng, bỗng người ta bắt gặp một hẻm nhỏ. Người ta bỗng nhiên thấy tự ràng buộc với cái hẻm nhỏ này. Cái hẻm nhỏ trở thành một cái cớ. Để đi sâu vào, để đào sâu hoắm thêm vào nữa. Để có lẽ đi tìm một hình ảnh của chính mình. Để có lẽ bắt gặp chính thân nhân của mình. Hẻm có thể khai thông. Mặt trời mọc phía bên kia hẻm nhỏ. Hẻm có thể đen ngòm hơn trước. Narcisse nhìn thấy Narcisse. Con người có thể nhìn thấy, phản ảnh qua mặt nước suối trong, một bộ mặt Satan. Tác giả và độc giả tiểu thuyết hôm nay là như vậy.

MAI THẢO:

Nếu dùng một hình ảnh để diễn tả tâm trạng của người viết tiểu thuyết bây giờ, cũng như để diễn tả tác động của tiểu thuyết bây giờ đối với lớp người thường ngoạn, thì đó là hình ảnh ngây ngất choáng váng của một kẻ lưu đầy lâu năm trong hầm tối, bước những bước lảo đảo đầu tiên giữa vùng mặt trời chói lọi của một ý thức được giải phóng và tự do. Tôi muốn nghĩ những tiểu thuyết hay nhất của chúng ta hiện nay là những bản tuyên ngôn, những bài đề tựa mở đầu cho những công trình sáng tạo đích thực chưa có nhưng tất yếu phải có.

Nói là thí nghiệm cũng không đúng hẳn, nhưng nói là từng người chúng ta đang tự chia sẻ trong một hướng tới song song và đồng thời về rất nhiều ngã đường. Ngôn ngữ, bút pháp, đất đai trên đó tiểu thuyết chúng ta đang được xây dựng, thầy đều còn nằm trong giai đoạn vận động hình thành bằng những kết tinh, chọn lựa và kiếm tìm nhiều mặt. Điều đáng ghi nhận nhất là những cuốn kinh thánh văn chương một thời là những tác phẩm cổ điển đã được cả người viết và người đọc đồng lòng xếp vào bảo tàng viện.

TRẦN THANH HIỆP:

Cách đây hơn 5 năm, chúng ta đã có dịp nhận định về tiểu thuyết Việt Nam trong khuôn khổ một cuộc thảo luận về vấn đề nhân vật trong tiểu thuyết. Hồi đó chúng ta có thái độ hơi khe khắt. Không phải vì chúng ta muốn khe khắt mà tại vì chúng ta phải chối bỏ một số khuynh hướng bảo thủ, suy tôn vô điều kiện cái cũ. Thời gian vừa qua đã chứng tỏ rằng muốn có tiến bộ phải có sự đoạn tuyệt với quá khứ dù rằng sự đoạn tuyệt ấy chỉ có thể hữu ích nếu nó được thực hiện theo đúng "biện chứng" tiến hóa.

Gần đây, nhận định chung về văn nghệ, tôi có dự đoán rằng trong vòng mười năm nữa, những người cầm bút tại miền Nam - tất nhiên có cả những người viết tiểu thuyết - chắc chắn sẽ sáng tác được những tác phẩm lớn có nhiều giá trị. Được yêu cầu trình bày ý kiến về tiểu thuyết Việt Nam hiện nay, tôi thấy vẫn còn có thể giữ nguyên lời dự đoán lạc quan của tôi. Nhân dịp này, tôi xin nói thêm một vài ý nghĩ khác của tôi cũng về vấn đề tiểu thuyết Việt Nam.

Trong số các tác phẩm ngoại ngữ được nhiều người đọc nhất hiện nay ở đây có những tác phẩm của trường phái "*Tiểu Thuyết Mới*" (Nouveau Roman) mà đại diện là Alain Robbe-Grillet và Nathalie Sarraute. Cái mới dễ nhận nhất trong tác phẩm của họ là một bút pháp đặc biệt được mệnh danh là "*chủ nghĩa khách quan*." Rồi đây bút pháp ấy có thể sẽ được sử dụng tại Việt Nam trong những tác phẩm sắp thành hình.

Didier Anzieu trong tạp chí "*Les Temps Modernes*" số 233 tháng 10- 1965 có viết rằng tiểu thuyết của A. Robbe-Grillet giống như những cảnh trống rỗng trong đó diễn ra những biến cố vô nghĩa và rải rác dăm ba đồ vật vô ích, không có ý nghĩa gì đối với con người. Người đọc chán ngán và mệt mỏi. Nhưng nếu chịu khó đọc thì sẽ thấy xúc cảm mạnh mẽ và sâu xa mà không thể hiểu thấu về nguồn gốc của sự xúc cảm đó là ở đâu. Đó là một sự xúc cảm thuần túy và huyền bí. Một sự giải thích không làm cho chúng ta hài lòng.

Tuy nhiên, các ý kiến của Lucien Goldmann trong quyển "*Pour une sociologie du Roman*" có thể làm sáng tỏ quan điểm của Didier Anzieu. Theo L. Goldmann thì bút pháp của Robbe-Grillet đã là chứng tích của một thời đại trong đó con người trở nên thụ động hơn trước đối với đồng loại cũng như đối với ngoại vật. Vì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hậu bán thế kỷ XX đưa tới hậu quả là một sự tiêu hủy bất cứ một sự quan trọng nào của cá thể trong các cơ cấu kinh tế và do đó trong toàn thể đời sống xã hội, một đời sống mà giá trị đổi chác và giá cả quan trọng hơn những đặc tính cố hữu của con người hay đồ vật. Có thể chúng ta không hoàn toàn đồng ý với L. Goldmann với cách giải thích của ông về trường phái Tiểu Thuyết Mới.

Nhưng về phương diện thực tế, một bút pháp chủ quan tuyệt đối để thiết lập nên những tương quan mới giữa người với người với ngoại vật bằng một sự đồng hóa (*người=vật*) vẫn có hậu quả là phi- nhân-hóa con người.

VŨ KHẮC KHOAN:

Từ Nietzsche, con người mất yên ổn, cái thế yên ổn người công dân lương thiện nhìn lên trên thấy Thượng Đế luôn luôn mỉm cười hiền hậu, đi ra ngã tư thành phố thấy ông đội xếp cầm gậy chỉ đường. Tâm trạng bất ổn này phát sinh tự Châu Âu, nơi trạm định cư đầu tiên của Thượng Đế, nơi thiết lập trung tâm huấn luyện của lứa đội xếp đầu tiên. Tâm trạng này, hôm nay, đã vượt nhiều biên giới, đã trở thành tâm trạng chung cho đa số thế hệ hôm nay, với một vài dị điểm địa phương. Ở đây, hôm nay cũng vậy. Bởi thêm vào Nietzsche còn bè lũ Marx, còn Freud, còn Sartre và đồng bọn, còn SKZ, còn B52. Thế hệ tiền chiến đã cảm thấy bất ổn trong cái thế giới trung hiếu tiết nghĩa. Thế hệ hôm nay dĩ nhiên cũng đã thấy ngọt nhạt trong không khí một áp Quỳnh Nê, một bến đò Gió.

TRẦN THANH HIỆP:

Tiểu thuyết Việt Nam trong một xã hội Việt Nam cổ truyền đang biến chuyển, nhưng chắc chưa thể tới mức độ của các xã hội tư bản tiên tiến nhất hiện tại - liệu có thể dung nạp được những tác phẩm kiểu trường phái Tiểu Thuyết Mới hay không?

Câu trả lời dành cho tương lai nhưng tùy thuộc phần lớn vào ý thức sáng tạo của những người cầm bút bây giờ.

VŨ KHẮC KHOAN:

Thiên nhiên quần quai, con người méo mó trên họa phẩm. Nhạc điệu hoặc hiện nguyên hình, thuần chất là nhịp ngày một diễn bá *[chắc in sai, không hiểu là gì?]* của trống da đen, hoặc mất hút trong những vần thơ bất đắc dĩ tự mệnh danh là Thơ tự do. Kèn trompette Armstrong bỏ bạn đồng hành yên phận, nổi loạn đào ngũ, rít lên từng cơn tuyệt vọng.

Và tiểu thuyết dĩ nhiên cũng vậy. Đừng hỏi tại sao. Không có tại sao gì cả, khi những người con gái Sagan lại đắm mình trong lời nhạc Prévert, lại không biết ngon mà vẫn uống từng hơi Vat 69, không có tại sao gì cả khi họ yêu một cách rất bực mình. Tôi nghĩ rằng tôi cảm thông với tiểu thuyết hôm nay. Có thể tôi hiểu sai. Nhưng tôi không thích tiểu thuyết hôm nay.

*Tác Giả của báo Nghệ Thuật
(Khởi hành số 192&193, Tháng 10&11.2012)*

**Nỗi đau, chữ viết
Hồ Văn Đồng/Hoàng Hải Thủy**

"Lời Nói bay đi, Chữ Viết ở lại."



Nhà văn Doãn Quốc Sĩ.
CHOÉ vẽ.

Mời quý vị đọc một Hồi Ký Tủ Đầy của Ký Giả Hồ Văn Đồng. Bài viết của ông được trích từ tác phẩm “*Quê Hương Bạn Hữu Tủ Đầy*” do Trung Tâm Độc Lập, Stuttgart, Cộng Hoà Liên Bang Đức, ấn hành nhân “*Ngày Văn Nghệ Sĩ Việt Nam 1990*” được tổ chức tại Stuttgart. Nhà báo Hồ Văn Đồng bị VC bắt đi tù khổ sai nhiều năm ở quê hương, ông bị VC bắt 2 lần, ông vượt biên và định cư ở Virginia, Hoa Kỳ, ông từ trần năm 2005 ở Virginia, hưởng thọ 83 tuổi.

HỒ VĂN ĐỒNG. Hồi Ký: **Ở Tù với Trần Dạ Từ.**

Ngày 3 Tháng Tư, 1976, khi Công an Cộng sản mở chiến dịch hốt gọn văn nghệ sĩ Sài Gòn, tôi đang ở Phan Rang, ngụp đầu trong một cánh đồng mía.

Là một anh nhà báo về già, từ nhiều năm trước 1975, sau khi đóng cửa nhật báo Quyết Tiến, sang nương tựa ở đường Võ Tánh cho anh Đặng Văn Bé, chủ nhiệm nhật báo Thách Đố, tôi thực sự về vườn, hiểu cả theo nghĩa đen: Tôi ra Phan Rang, mua khu đất, tự tay trồng dăm ba mẫu mía, vật lộn với chủ nhân mấy lò nấu đường trong khu, mỗi tháng tôi chỉ về thăm nhà ở Sài Gòn vài ngày.

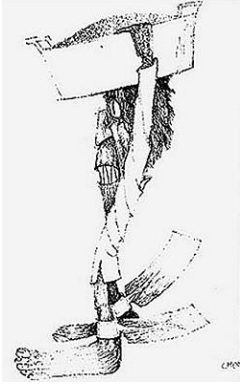
Khi Cộng sản chiếm Sài Gòn, dù có chung tâm sự với anh em làng văn làng báo, tôi vẫn cười cười nói với anh em:

“Moa đâu còn là nhà báo. Moa là nông dân. Lê Nin kêu nông dân là liên minh vững chắc của giai cấp vô sản tiên phong. Mao chủ tịch còn sửa lưng cả Lê Nin, kêu nông dân là thành phần cốt cán của cách mạng. Các toa phởn phơ ở thành phố quen hư thân mất nét, ngán đi kinh tế mới. Moa đã tự giác đi kinh tế mới lao động sản xuất từ khuya rồi. Nông dân trăm phần trăm, moa còn ngán chớ gì nữa.”

Ngày 9 tháng 3, 1976, khi tôi xách cái bị lát nông dân từ Phan Rang về Sài Gòn thăm nhà, công an Cộng sản đã rình sẵn từ bao giờ, theo chân tôi vô nhà tôi còng tay tôi cái rụp.

Tại Sở Công an Thành phố, trước là trụ sở Nha Cảnh sát Đô thành, đường Trần Hưng Đạo, khi cánh cửa sắt nặng nề của phòng giam mở ra, tôi nghe nhiều tiếng cười. Một giọng nói vui vẻ vang lên:

“A.. Đồng Đen đây rồi. Đi đâu giờ này mới chịu mò tới? Nhờ anh tí, bắt anh em chờ mãi.”



Ký giả Hồ Văn Đồng. CHOÉ vẽ.

Vấn lối nói quen thuộc của giới làng báo miền Nam, thường dành cho anh em tới trễ trong một buổi họp mặt thân mật. Chỉ khác chút xíu: cuộc họp mặt lần này đông đảo chưa từng thấy, mà lại là họp mặt trong nhà tù Cộng sản. Phòng giam mỗi bệ khoảng 5 thước, lổ nhổ năm sáu chục người tù nằm ngò, gần như nệm cứng, chen chân muốn không lọt.

“Lại đây nè, cha nội. Xớ rớ chi vậy.”

Giọng nói quen thuộc lại vang lên. Một anh chàng thấp lùn phe phẩy tay quạt, mặt mũi vêu vao, đang ngoác miệng ra cười, vầy vầy tôi. Tôi nhận ra anh bạn phóng viên Anh Quân. Bên cạnh Anh Quân là anh Doãn Quốc Sỹ, anh Đăng Giao, anh Trần Dạ Từ ... Phòng giam nệm chặt kiểu cá mè đóng hộp, dưới mái tôn nóng điên người, tất cả đều ở trần, quần cụt, mồ hôi nhễ nhại. Tôi chào tất cả và nói:

“Đông đảo phe ta cả, vui quá há.”

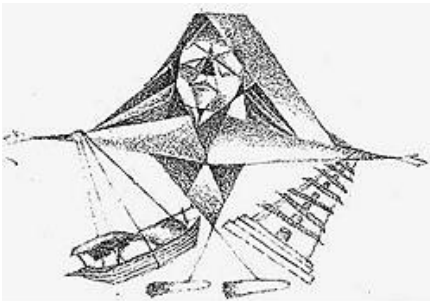
Anh Doãn Quốc Sỹ cười hiền lành:

“Vui thật ông ạ. Còn Khô Vinh đại sư nữa kia.”

Tôi nhìn theo mắt anh Sỹ hướng về một góc phòng. Trên bệ xi-măng cạnh cầu tiêu chung trong góc phòng, tôi nhận ra anh Nguyễn Mạnh Côn. Khô Vinh đại sư là tên một nhân vật tiểu thuyết của Kim Dung. Anh em gán cho anh Côn biệt danh này vì anh gầy gò, người nhỏ thó, xương xẩu giống hết một nhà tu khổ hạnh. Ngồi trần trụi bên cầu tiêu, Khô Vinh đại sư nhìn tôi cười cười, ty ra dấu chào.

Phòng giam chúng tôi ở, được gọi bằng một tên hoa mỹ là “Tập thể Hai.” Tại Sở Công an, còn có Khu A, Khu B, Tập thể Một, phòng giam nữ, và các phòng biệt giam... Thời điểm này, không kể khám Chí Hòa, Đề lao Gia Định, trụ sở các phường quận, nghe nói Khách sạn Đại Lợi và nhiều cao ốc, nhà cửa khác trong thành phố, đều đã biến thành nhà giam.

Số văn nghệ sĩ bị giam ở nhiều nơi, nhưng đông nhất vẫn là Đề Lao Gia Định cũ, (nay được gọi bằng bí số: T 20, và Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu) và ngay tại Sở Công an.



Nhà văn nữ Nhã Ca. CHOÉ vẽ.

Khi công an Cộng sản bắt văn nghệ sĩ, họ bắt vợ chồng Trần Dạ Từ – Nhã Ca, họ bắt cả vợ chồng Đăng Giao – Chu Vị Thủy, chị Thủy ôm cháu nhỏ mới sinh bầy ngày vào tù. Chị Thủy là con gái nhà báo Chu Tử. Có anh em nói, danh sách bắt bớ này phần chính do Vũ Hạnh đề nghị. Vũ Hạnh thời trước, viết phê bình văn nghệ cho báo Bách Khoa theo lối hiện thực xã hội kiểu Cộng sản, rồi nằm trong tờ Điện Tín của nhóm Lý Quý Chung, chuyên viết những truyện kháng chiến đường rừng. Báo Sống của anh Chu Tử có hồi chỉ đích danh Vũ Hạnh là Cộng sản nằm vùng.

Khi tôi bị bắt vô Sở Công an, chị Chu Vị Thủy đã được cho mang cháu nhỏ về quán thúc tại gia. Trong số văn nghệ sĩ nằm tù Cộng sản trong chiến dịch này chỉ có chị Nhã Ca là phụ nữ duy nhất. Suốt thời kỳ ở Sở CôngAn, chị bị nhốt sà-lim. Anh Nguyễn Mạnh Côn bảo tôi: “Con mụ dữ quá.”

Tuy cười, anh rất quan tâm việc chị Nhã Ca bị bắt.

Một bữa, sau buổi “đi làm việc”, có nghĩa là bị gọi đi hỏi cung, khi trở về phòng, anh Côn kể với chúng tôi:

“Moa nói với họ là bao nhiêu nhân vật quan trọng ở miền Nam này, đâu có người nào cách mạng bắt đi tù cả chồng lẫn vợ như trường hợp Trần Dạ Từ và Nhã Ca. Nhốt bà mẹ của 6 đứa con nhỏ, có đứa còn chập chững tập đi, thì về vang gì. Nói thật, bà ta chỉ là một bà viết văn bình thường, chẳng hiểu biết gì về chính trị. Nếu sách bà ta có chống Cộng, ấy là do tôi mà có. Thả bà ta về, rồi muốn tôi làm trâu, làm ngựa gì cũng được”.

Anh Côn hút thuốc phiện lâu năm, nên vào tù anh bị thuốc phiện vật lên vật xuống. Nhiều phen phải kêu cai tù đưa anh đi cấp cứu. Một buổi tối, công an mở cửa phòng kêu anh “đi làm việc.” Vài phút sau đã thấy anh trở vô. Mọi người hỏi sao lẹ vậy, anh đáp:

“Tên X. gọi ra. Hấn đưa cho moa một cục, nói là cách mạng chiếu cố. Moa trả lại hấn, bảo tôi không cần nữa.”

Tôi còn nhớ rõ, có người hỏi “Cục gì?” Ký giả Anh Quân, cũng là dân từng nằm bàn đèn thuốc phiện, nháy mắt:

“Cái ông này. Cục Vàng Đen chớ còn cục gì nữa.”

Anh Côn đưa lên đầu ngón tay:

“Bằng chừng này này”.

Thấy Anh Quân suýt soa tiếc rẻ, tôi nói với anh Côn:

“Sao anh không cầm đại vô, rồi cho Anh Quân nó phê.”

Người tù được chọn làm trưởng phòng, anh Hoàng Phú Lâm, gia đình chủ nhân Đệ Nhất Khách Sạn, cũng là một quân nhân trong văn phòng ông Đại tướng Cao Văn Viên ở Tổng Tham mưu. Anh Lâm từng chính mắt thấy ông bà Cao Văn Viên kính nể anh Côn như ông thầy, nên rất trọng anh Côn.

Từ lúc hết bị thuốc phiện hành, anh Côn tươi tỉnh hơn, trò chuyện vui hơn. Các bạn trong phòng giam thường ngồi quanh anh, nghe anh kể những truyện khoa học giả tưởng rất hấp dẫn/

Mấy năm trước, anh Nguyễn Mạnh Côn trở thành nhà thầu khoán có hạng trong quân đội. Anh Trần Dạ Từ đã thu xếp xong từ lâu, việc anh Phạm Duy bán lại cho anh Côn ngôi nhà lâu trong Cư Xá Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận. Năm 1975, cùng với Trần Dạ Từ, “Nhà thầu Nguyễn Mạnh Côn” bao dàn việc ấn loát binh thư cho Tổng Cục Quân Huấn do Tướng Nguyễn Bảo Trị làm Tổng Cục trưởng. Riêng dịch vụ này đã lên tới cả trăm triệu bạc, lại còn nhận thầu công việc đại tu bổ Nghĩa Trang Quân Đội ở xa lộ. Khi bắt anh Côn và anh Từ, công an cộng sản dùng cả mấy xe chở đầy nhóc toàn sách binh thư chiến thuật, sách in dạy đủ môn, từ các dùng mìn, thủy lôi tới tổ chức biệt kích. Công an nghe đâu còn thu cả lô quỹ phiếu mấy chục triệu bạc tiền in binh thư chưa kịp lãnh ở nhà anh Trần Dạ Từ, hèn chi họ chả cho là hai anh là hai tay nguy

hiếm ghê gớm. Các “đồng chí” làm sao tưởng tượng nổi, ở miền Nam, việc thầu in sách cho Bộ Thông Tin, cho Quân Đội chỉ là việc làm ăn bình thường, người thầu khoán nào cũng có thể nhận làm những việc như vậy.

Trong tù, nhiều khi vui chuyện có lần anh Nguyễn Mạnh Côn kể:

“Một lần hai anh em tớ vô Tổng Tham mưu gặp Trung tướng Nguyễn Bảo Trị, khi ra về tớ bảo Từ:

“ Hồng mắt cậu ạ. Một anh thi sĩ, một anh nhà văn, mở miệng ra toàn là nói tiền với bạc. Xe vô một sở chỉ huy quân đội mà anh em binh sĩ phải đứng đón, mở cửa xe cho hai thằng mình. Vậy thì mình còn chó gì là thi sĩ với nhà văn nữa. Cứ điệu này, chắc mình tiêu tùng luôn.”

Anh nói thêm, một cách nghiêm chỉnh:

“Cái vụ anh em mình ai nấy sạch sẽ vô tù, không chừng là vợ bỏ to đẩy các cậu ạ. Tin lời tôi đi. Biết đâu, nhờ đó mà nhà văn, nhà thơ trong chúng mình tái sinh.”

Anh Doãn Quốc Sỹ kết luận:

“Mèo lại hoàn mèo.”

Chúng tôi đều cười, mừng cho sự tỉnh táo lạc quan của anh Nguyễn Mạnh Côn khi anh đã chia tay được với Nàng Tiên Nâu.

Nhưng cũng ngay thời gian ở Sở Công an, anh Côn bắt đầu nói về cái Chết. Một bữa, anh bàn với tôi:

“Lần này, sống mà về được, hai anh em mình phải sang Thủ Đức, tìm một miếng đất, nhỏ thôi, làm sẵn một “sanh phần” cho bọn mình, ông ạ.”

Sanh phần là ngôi mộ làm sẵn khi người còn sống. Thấy anh Côn và tôi bàn hoài chuyện mua đất, xây mộ sẵn cho mình, anh Trần Dạ Từ gạt đi, anh nói thời của bọn Đỏ mà tính chuyện lo trước chỗ chôn mình là chuyện vợ vắn.

Anh Côn nói với anh Từ:

“Không vợ vắn đâu, cậu ạ. Đỏ Đen gì cũng chỉ là nhất thời. Thời của họ cũng chẳng lâu lắt gì đâu. Các cậu sẽ được nhìn thấy nó sụp đổ như thế nào. Ở tuổi của Từ, điều này chắc như đinh đóng cột. Thế hệ các cậu, chính cậu, sẽ phải góp phần làm cho nó đổ, rồi rán mà gánh vác lấy việc thu dọn sau đó. Còn tớ với ông Đổng Đen, bọn tớ già rồi, làm xong phần mình rồi. Bọn tớ nhất định cứ đi tìm đất làm sanh phần.”

Anh Nguyễn Mạnh Côn là tác giả cuốn “Chống Mác-xít,” nhiều năm phụ trách phần bình luận phát thanh bằng tiếng Pháp của Đài Sài Gòn. Anh rất giỏi toán học, khoa học, anh viết văn, viết báo hình như bằng thứ chữ nghĩa chính xác của nhà toán học nhiều hơn là chữ nghĩa kiểu nghệ sĩ. Sau Hiệp định Paris, anh Côn cho phát hành cuốn sách dày cộm, mang tên “*Hòa Bình, nghĩ gì, làm gì?*” Những người từng chỉ huy ngành Chiến tranh Chính trị, Cao đẳng Quốc phòng, như các Tướng Vĩnh Lộc, Trần Văn Trung, Nguyễn Bảo Trị... đều tâm phục anh. Có ông bạn được sĩ giả, nói là thông gia với gia đình nhà báo Đỗ Quý Toàn, ở tù cùng phòng, không khoái chuyện xây sanh phần, nhưng nghe anh Côn bảo thời của bọn Đỏ chẳng lâu lắt gì, thì như người vừa uống xong thuốc bổ, nhất định bắt cả anh Côn lẫn tôi phải xài tiếng Pháp, phân tích lời nói đó của anh Côn thật kỹ cho ông nghe.

Ông bạn được sĩ giả trong buổi truyện trò trong phòng tù VC năm nào hiện đang ở khu Irvine, Nam California. Vợ chồng Trần Dạ Từ ở Thụy Điển. Tôi vừa vượt biển vô được đất Mỹ. Đảng Giao, Anh Quân còn ở quê nhà. Khi tôi viết bài này anh Doãn Quốc Sỹ đang tiếp tục nằm trong nhà tù. Riêng anh Nguyễn Mạnh Côn không còn nữa. Lời xưa anh nói, chỉ hơi sai một chút: Chúng tôi không còn dịp cùng nhau sang Thủ Đức mua đất, đào huyệt, lo sẵn sanh phần cho mình.

Đúng hai năm sau ngày anh Trần Dạ Từ ra khỏi nhà tù Cộng sản, cũng đúng một năm sau ngày Văn Bút và chính phủ Thụy Điển đón tiếp gia đình anh ở Stockholm, anh chị và các cháu

sang Ngày 9 háng 9, 1989, bạn hữu văn giới ở Hoa Kỳ đã họp mặt mừng đón anh chị ở Nam Cali.

Cùng với các anh Nguyễn Sa, Phạm Duy, Mai Thảo, Tạ Ty, Viên Linh, Lê Đình Điều và nhiều anh em khác, tôi đã có dịp kể chuyện tôi ở tù cộng sản với Trần Dạ Từ và bạn hữu. Tiếc thay, khi vừa nhắc tới trái chuối, củ khoai hai anh em tôi chia cho nhau trong tù, là tôi đã òa khóc ngay trên diễn đàn, không sao nói được thành tiếng nữa. Sức lực tuổi già tệ hại quá. Bao nhiêu năm trong ngục tù, anh em nhà văn nhà báo đâu có ai thấy nhau khóc. Tất cả chúng tôi, ngay trong ngục tù, vẫn vui sống, vẫn tươi cười với nhau.

Tôi thú thật không hề biết gì về văn thơ. Về thơ Trần Dạ Từ ra sao tôi cũng không biết. Tôi chỉ biết anh trong nghề làm báo. Tờ nhật báo cuối cùng của anh Từ, trước khi đóng cửa vì Luật Báo chí VNCH đòi chủ báo phải đóng tiền ký quỹ 20 triệu, in trong nhà in của tôi ở đường Võ Tánh. Vị trí làng báo Sai Gòn dành cho Trần Dạ Từ làm tôi ngạc nhiên, cứ tưởng anh phải là một người lớn tuổi hơn. Khi gặp, tôi mới biết anh sinh năm 1940. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, cả miền Nam chỉ có 9 nhật báo. Năm 1962, anh Trần Dạ Từ đã là Tổng thư ký nhật báo Dân Việt, một tờ báo gốc Thiên Chúa giáo cánh Bắc. Anh Chu Tử viết truyện dài và mục Ao Thả Vịt nổi tiếng, là từ báo này. Sau 1964, bộ biên tập bạn hữu của Từ sẽ còn điều khiển các tờ báo có lúc có số bán vượt mức như những báo Sống, Hòa Bình, Độc Lập.

Sau khi bị bắt tù thời Phật giáo tranh đấu năm 1963, ra tù, Trần Dạ Từ tiếp tục làm tờ Dân Việt, nay đã đổi tên thành Việt Báo, do anh Phương Linh làm chủ nhiệm. Tôi còn nhớ đây là lúc thịnh thời nhất của Phật giáo miền Trung. Tờ tuần báo “Lập Trường” do nhóm các anh Tôn Thất Hanh, Lê Tuyên, Cao Huy Thuần xuất bản ngoài Huế, làm mưa làm gió một thời, tới mức các anh công khai đòi phải đưa thủ đô ra Huế. Có nghĩa phải coi Huế là thủ đô quốc gia. Bài quan điểm đòi Thủ đô chính trị phải là Huế lý luận rằng gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. Thủ đô Quốc Gia VNCH phải là Huế, gần đèn, quốc gia mới mong rạng được.

Thời ấy, cánh chính khách theo các thầy ngoài Huế đang lên chân. Chủ báo Lập Trường được mời vô Sai Gòn làm thành viên Hội đồng Nhân Sĩ. Chính nghĩa chống độc tài quân phiệt rạng ngời, phần lại lo bị chụp mũ Dư đảng Cần Lao, chế độ cũ, làng báo Sài Gòn êm re.

Chính lúc đó trên tờ Việt Báo xuất hiện loạt bài ký tên Trần Dạ Từ, thẳng thắn “hỏi thăm” anh em nhóm Lập Trường, phản đối việc dời Thủ Đô từng điểm một rành rọt. Tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, phần quan điểm thời cuộc do anh Nguyễn Mạnh Côn, thường viết với bút hiệu Đằng Vân Hâu, gọi việc anh Từ ký tên cho loạt bài này là “sự đại dột đáng kính trọng” của người viết báo. Còn nhớ, lãnh tụ sinh viên nổi danh thời 1964 là anh Nguyễn Trọng Nho, tuyên bố tán thành các luận cứ “không thể dời Đô ra Huế” của Trần Dạ Từ. Làng báo Sai Gòn bắt đầu hưởng ứng lập trường của Trần Dạ Từ. Báo Lập Trường im tiếng, ít lâu sau, Lập Trường tự đóng cửa. Cao Huy Thuần lấy học bổng đi sang Pháp học. Sau 1975, báo Cộng Sản ở Hà Nội viết Cao Huy Thuần là nhà nghiên cứu, chuyên về tiểu sử Hồ Chí Minh.

Sống với nhau trong tù, nhất là qua anh Côn lúc đầu, biết thêm về anh Trần Dạ Từ, tôi càng ngạc nhiên hơn. Hóa ra đời văn của anh Từ còn kỳ lạ hơn tôi tưởng. Thấy anh hỏi ngoài hai mươi tuổi đã làm tổng thư ký một tờ nhật báo Công giáo, lại là người đưa hỏi ký của Linh Mục Cao văn Luận lên báo Độc Lập – Hồi ký Bên Lề Lịch Sử – tôi đinh ninh anh phải là tín hữu công giáo thì anh lại là một Phật tử. Trong bộ biên tập anh Từ điều khiển, nhiều người là đại khoa bảng. Tôi đinh ninh anh phải là người học hành cao lắm, hóa ra anh chưa học xong tiểu học. Tiếng Tây, tiếng Mỹ bập bẹ, cùng lắm chỉ đủ để đoán mò ra nội dung bản tin viễn ký hàng ngày, trước khi trao cho người phiên dịch trong tòa báo. Thì ra, người bạn đồng nghiệp trẻ của chúng tôi, vốn xuất thân là cậu bé bán báo, mười hai tuổi đã kiếm sống ngoài lề đường.

Tết năm 1955, trước khi người Pháp rời hẳn Việt Nam, Đài Phát Thanh Pháp Á ở Sài Gòn tổ chức giải Thơ, phần thưởng lớn gấp ba giải thưởng của Đài Phát Thanh Sài Gòn. Người được Giải Nhất là một thiếu niên 15 tuổi, khi tới Đài mặc quần sọc. Chủ sự chương trình Pháp Á là

anh Hoàng Cao Tăng phải họp ban giám khảo mời chú thiếu niên ra thử tài đủ kiểu, xét xem chú có đúng là tác giả bài Thơ Giải Nhất hay không, lại buộc anh Hồ Đình Phương, thư ký hội đồng, phải lập biên bản, ký bảo lãnh, mới chịu phát cho tác giả mấy ngàn bạc tiền Giải Nhất Thơ. Năm 1956, vẫn thiếu niên ấy, lại đoạt Giải Nhất Giải Truyện Ngắn của tuần báo Nhân Loại, do anh Tam Ích làm Trưởng Ban Giám Khảo. (Người đoạt giải nhì là anh Lê Vĩnh Hòa, sau này là nhà văn liệt sĩ của Mặt Trận Giải Phóng). Anh Hồ Đình Phương phụ trách trang “Bình Thơ” trên báo Văn Nghệ Tiền Phong dành cả 4, 5 kỳ báo bình thơ của thiếu niên Trần Dạ Từ. Bước vô làng báo chuyên nghiệp, thiếu niên 15 tuổi làm thơ văn ấy phải làm từ việc thầy cò, viết lấp chỗ trống đủ các mục, từ tin xe cán chó, tới bài quan điểm, rồi mới thành Ký giả Trần Dạ Từ.

Hồi còn tù ở Sở Công an, anh Nguyễn Mạnh Côn có lần nói với tôi:

“Có dịp, ông nhớ bắt tên Từ học thêm, phải cho nó thật giỏi tiếng Pháp.” Anh Côn kể từ lâu anh đã bắt anh Từ học thuộc bản Tuyên Ngôn của Đảng Cộng sản bằng tiếng Tây. Tôi nghe mà phì cười. Học kiểu ấy thì làm sao mà khá cho nổi.

Hồi hai anh em tôi nằm bên nhau ở Trại Tù Khổ Sai Gia Trung, đến phiên tôi dạy anh Từ học tiếng Pháp. Lại có thêm một chuyện buồn cười. Không khá gì hơn ông thầy Nguyễn Mạnh Côn, anh Từ lại phải tụng cho bằng hết năm, sáu bản văn Lê Nin bằng tiếng Tây, nhờ hình Lê Nin in trên bìa sách, mà sách gửi được vô trại tù.

Tụng kỹ Lê Nin quá, có lần Trần Dạ Từ nói:

“Có dịp, anh em mình phải chú giải lại Lê Nin bằng sự việc có thực, ông ạ. Tức cười thật, thì ra trí tuệ phương Tây bị bọn Cộng dùng chữ nghĩa lừa bịp.”

Năm 1977, cũng tại Trại Gia Trung, chị Nhã Ca – chị được thả sau chừng một năm tù ở Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu – đi cùng vợ tôi lên Trại thăm anh Từ và tôi, sau đó anh Từ cho tôi biết anh Mai Thảo, sau cả năm bị bọn Công An lùng bắt, đang trốn nấp trong nhà chị Nhã Ca trên đường Tự Do. Tôi với anh Doãn Quốc Sỹ nhìn nhau, không biết nói sao.

Suốt cả năm không có tin nhà, chả biết vợ con sống chết ra sao, anh Từ không hề hé răng nói một câu lo âu hay buồn nản, anh vẫn bình tĩnh tụng Lê Nin toàn tập chữ Pháp.

Anh Doãn Quốc Sỹ sau này, trong tù, sẽ thay tôi đọc cả chục bài thơ của Trần Dạ Từ, bằng tiếng Tây.

Nói rằng trong tù anh em văn nghệ sĩ chúng tôi không hề khóc, với tôi, là sai. Tôi đã có hai lần khóc trong tù Cộng sản.

Một lần, khi làm việc trực nhật, xuống bếp trại lãnh cơm đem về phống cho anh em, thấy mấy cục cơm rơi phía ngoài nồi, tôi đói và tôi tiếc của trời, cho là chuyện thường, tôi bốc mấy cục cơm trên đất bỏ vô miệng.

Có người báo cho bọn quản giáo là tôi tự ý bốc cơm ăn, thế là bọn cán bộ ra lệnh họp đội, mang tôi ra đấu tố vì “tội lượm cơm của đội ăn riêng.” Anh Từ bảo tôi:

“Nó muốn kiếm chuyện, chọc mình cãi cho nó có cớ bêu xấu mình rồi nhốt sà-lim, cùm chân, cho ăn đói. Chuyện không đáng cãi. Đừng đại húc đầu. Anh đừng thềm cãi tiếng nào. Nhận ngay lỗi, tự mình xin chịu biện pháp kỷ luật. Vậy là hết chuyện để nó bới móc.”

Phiên họp đội đấu tố được tổ chức. Tôi nói, bao năm rồi tôi vẫn nhớ nguyên từng tiếng, như sau:

“Tôi xin nhận tội đã bốc cơm của đội và của nhân dân bỏ vô miệng. Năm nay tôi 60 tuổi, một người chừng ấy tuổi mà tư cách không ra gì, bốc cả đến mấy cục cơm rơi bỏ vô lỗ miệng, ngay trước mặt bao anh em, thật xấu hổ. Tôi xin nhận tôi phạm cái tội này. Xin các anh em phê bình tôi. Xin cán bộ cho tôi chịu hình phạt, như cúp phần ăn, đi kỷ luật, để giúp tôi tự sửa mình. Xin hết.”

Anh em tù im lặng. Không ai đấu tố lời nào. Sau đó cũng không thấy hình phạt. Ít lâu sau, khi nghe tin anh Nguyễn Mạnh Côn chết ở Trại Tù Xuyên Mộc vì anh tuyệt thực nên anh bị bọn Cai

Tù không cho uống nước, lại nghe kể trước khi chế anh thêu thào: “.. Đói, đói... Cơm cơm...”
Tôi khóc.

Tôi còn khóc một lần nữa, khi tôi chuyển trại.

Được rời khỏi đội khổ sai nặng nề nhất trại, bị gọi là đội trùồng giới, với nhiều người, là cái may. Với tôi, thì việc ra khỏi đội là phải xa anh Từ và bạn hữu. Trong tù, anh Từ là người lặng lẽ, không bao giờ chịu hái một cây rau cọng cỏ hoặc moi móc kiếm thêm củ khoai, củ sắn.

Gặp nhau lần cuối bên bờ suối, kiếm được củ khoai, tôi cúi vội cho anh.

Khi quay đi, một lần nữa, tôi khóc.

Xin các bạn họp mặt hôm 9.9.1989 chào mừng anh chị Trần Dạ Từ tha lỗi cho tôi, tôi đã vì khóc mà bỏ ngang phần phát biểu.

Viết tại Hoa Thịnh Đốn, Tháng 3.1990

HỒ VĂN ĐỒNG

Công Tử Hà Đông Sao Y bản chính.

Hoa Thịnh Đốn Tháng 3, 1990. Hoa Thịnh Đốn Ngày 30 Tháng Tư 2012 – đã 22 năm đi qua cuộc đời này kể từ ngày Ký giả Hồ Văn Đồng viết bài hồi ký quý vị vừa đọc.

“Lời Nói bay đi, Chữ Viết ở lại.”

“Chữ Viết ở lại..” Như Chữ Viết, Những Nỗi Đau Ở Lại mãi với Người. Ở lại mãi cho đến khi Người chết. Rất có thể Người Chết mang theo Nỗi Đau. Nhiều ký giả kể trong bài viết trên đây nay đã ra người thiên cổ.

Tôi hai lần gặp Hồ Văn Đồng trong Nhà Tù Số 4 Phan Đăng Lưu. Anh hai lần bị bọn Công An Thành Hồ bắt giam. Hai mươi năm sau Ngày 30 Tháng Tư năm 1975, tôi gặp lại anh ở Xứ Tình Nhân, Kỳ Hoa Đất Trích. Khi vợ chồng tôi đến Virginia, anh đến phi trường đón chúng tôi. Tôi đưa anh tới nơi anh yên nghỉ ngàn đời.

Năm năm cứ đến Ngày Oan Trái

Ta thấp hương lòng để nhớ thương.

Cảm khái chừng bao!